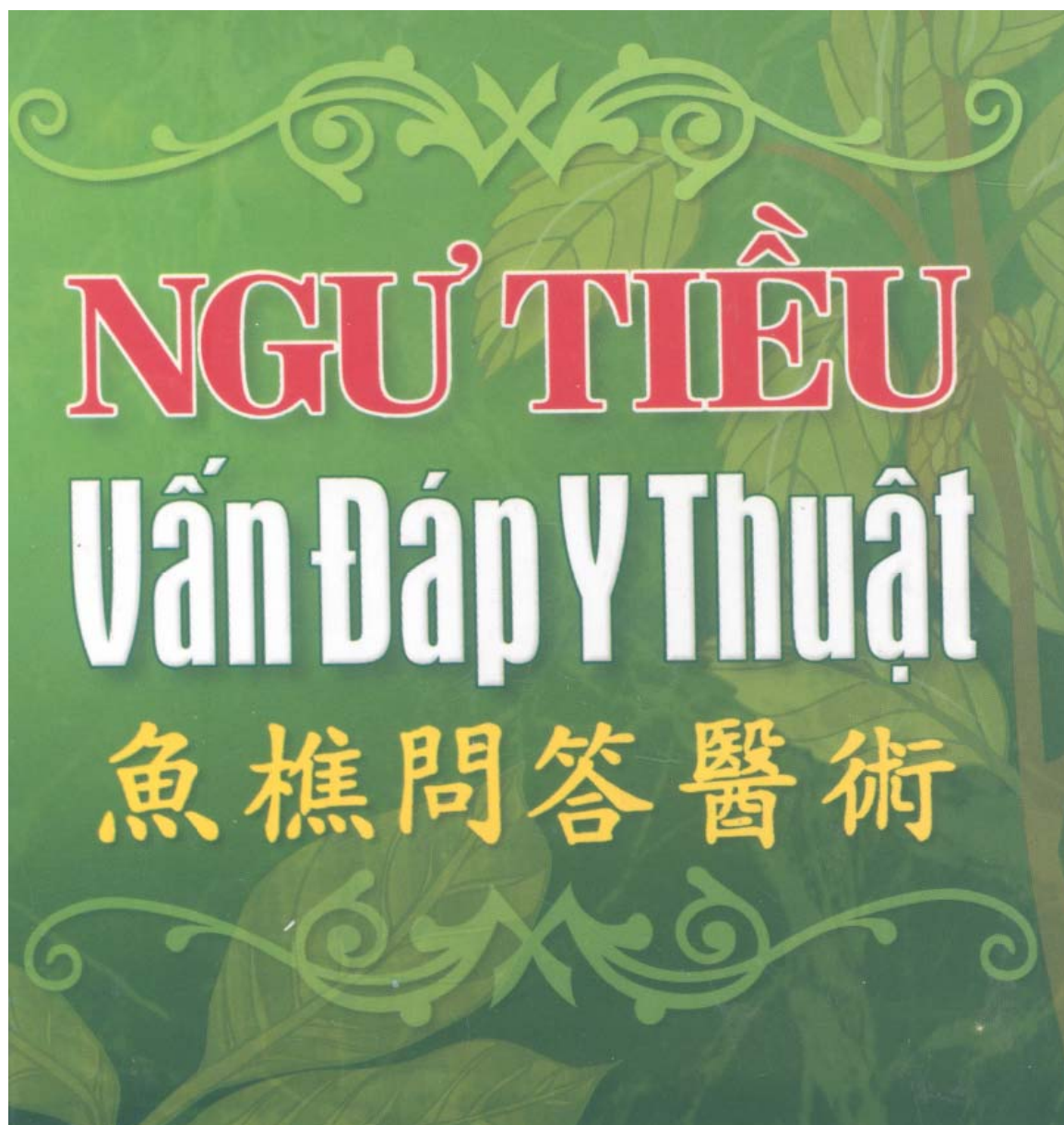


NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

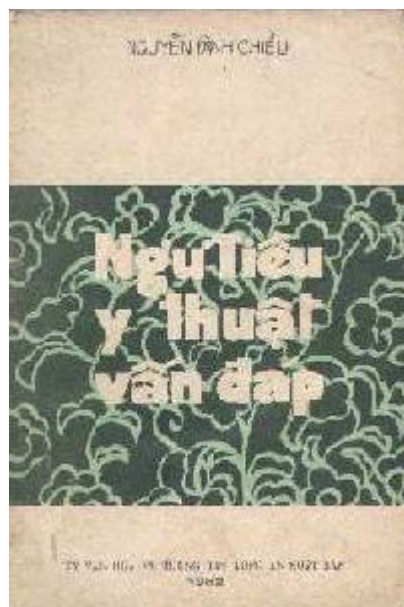
www.vnthuquan.net, 2006



Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vấn Đáp

www.vnthquan.net, 2006



Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vấn Đáp

Giới Thiệu

Thân nhân của tôi (sonvanNguyen) đem từ Việt-Nam qua,1998, hai quyển "Ngư tiều vấn đáp":

1/- Quyển 1 được xuất bản bởi Ty Văn hoá và Thông-tin Long-An 1982, để kỷ-niệm 160 năm sinh của Nguyễn-đình-Chiểu. Quyển này có lời giới-thiệu của giáo-sư Lê-trí-Viễn tại thành Hồ. Trong đoạn này ông Viễn đã có phân-tích về hai nghĩa quan trọng trong tác phẩm:

a/- Nguyên lý chủ đạo của ngành Y : "Lương y như từ mẫu"

b/- Thừa nhận cụ Nguyễn-đình-Chiểu là một người yêu nước.

Đây là điều tôi muốn nhấn mạnh về những việc làm sai trái cố tình lừa bịp người dân qua các khẩu hiệu như:

a/- **Ái quốc trung quân** (có lẽ được ra đời dưới triều đại nhà Nguyễn). Ái quốc là ái quốc không dính dáng gì đến trung quân hết. Trung với ông Lê-Lợi là trung với tổ-quốc Việt-Nam; trung với Lê-chiêu-Thống là phản bội quê hương Việt-Nam.

b/- **Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã-hội.** Xin đừng bịp bợm nữa, mặt nạ lừa bịp đã bị lộ rồi. Trong suốt dòng lịch-sử dân tộc, đất nước đã có những giây phút huy-hoàng mà không hề biết tới cái quái thai Xã-hội chủ-nghĩa (Xuống Hồ Cả Nút, Xếp Hàng Cả Ngày, Xạo Hết Chỗ Nói, Xoá hết chữ nghĩa...).

c/- **Quân đội phải trung với đảng, hiếu với dân.** Quân-đội Việt-Nam chỉ trung với đất nước Việt-Nam chứ không trung với triều đại nào, đoàn thể nào, hay cá nhân nào . Tôn chỉ của các Sĩ-quan của quân-lực Việt Nam Cộng-Hoà hay ít ra là của các sĩ-quan của trường võ bị quốc-gia Đà-Lạt là: "Tổ-Quốc, Danh-Dự, Trách-Nhiệm". Các chiến-sĩ của Việt-Nam Cộng-Hòa khi ra trận chỉ mang cờ của đất nước Việt-Nam, chứ không phải mang cờ của Mỹ, hình của tổng-thống Mỹ. Trong khi đó bộ-đội miền bắc ra trận với các chính-trị viên lồi theo cờ của Liên-xô, Trung-quốc, hình Stalin, Mao-trạch-Đông. Stalin có công là công với nước Nga; xin để cho người Nga họ vái. Mao-trạch-Đông thì để cho người Tàu họ thờ. Xin các "**đỉnh cao của trí tuệ loài người (khỉ ?)**" đừng tiếp-tục con đường **nô-lệ về tư-tưởng và hành động** nữa; và bắt con dân nước Việt phải đi theo một con đường mà quan thầy của quý-vị đã liệng vào thùng rác.

2/- Quyển 2 được xuất bản năm 1983 bởi nhà xuất bản Y-học tại Hà-Nội. Do Lê-trần-Đức biên soạn, mỏng hơn có kèm theo một số sơ đồ. Sau khi tra cứu tôi có thể sẽ bỏ túc vào quyển một là tác phẩm chính tôi đem vào mạng lưới điện-toán.

Cả hai không còn những chú-thích bằng chữ Hán như sách của nhà xuất-bản tư nhân Tân-Việt. Một cơ-sở tư-nhân còn có khả-năng hơn các cơ-sở của cái gọi là nhà nước xã-hội chủ-nghĩa!!!

Lời dẫn (trích từ quyển 1)

Để phục vụ việc nghiên cứu toàn diện về Nguyễn Đình Chiểu, quyển Ngự Tiều y thuật vấn đáp xuất bản lần này được biên soạn trên nguyên tắc đảm bảo tính chất về mặt văn bản và có cơ sở khoa học về mặt chú thích. Công tác hiệu đính văn bản tác phẩm này được tiến hành trên cơ sở ba tài liệu sau:

1- **Ngự Tiều vấn đáp nho y diễn ca**, bản chữ Nôm chép tay của Nam trung cư sĩ Khánh Vân năm Tân hợi (1911), gồm 3632 câu thơ lục bát và một số bài thơ, phú ...chữ Nôm và Hán chép xen kẽ, ngoài ra còn có hai bài:

a/- **Sưu tinh dụng được tâm pháp tự truyện**, và

b/- **Trích yếu âm dương biện luận** chữ Hán ở đầu sách (ký hiệu là bản V).

2- **Ngự tiều vấn đáp y thuật** do Phan Văn Hùm hiệu đính và chú thích, Nhượng Tống tặng bình và bổ chú, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn, 1952, đánh số đến 3644 câu thơ lục bát, tuy nhiên bị sót mất hai câu 1787 và 1788, ngoài ra còn chép nhập bốn chữ đầu của câu 1475 với bốn chữ sau của câu 1476 thành một câu tám chữ sau câu 1474. Bản này cũng có một số bài thơ, phú...chữ Nôm và Hán chép xen kẽ cũng như hai bài:

a/- **Sưu tinh dụng được tâm pháp tự truyện**, và

b/- **Trích yếu âm dương biện luận** chữ Hán ở đầu sách (ký hiệu là H).

3- **Ngự Tiều vấn đáp y thuật diễn khúc ca**, bản chữ Nôm chép tay của Nguyễn Thịnh Đức năm Tân mão (1951) chỉ có phần đầu gồm 1034 câu thơ lục bát và những bài thơ chữ Nôm và Hán xen kẽ ở phần này (ký hiệu là bản Đ). Chúng tôi dùng bản V làm bản trực và hiệu đính trên cơ sở hai bản kia. trường hợp những câu, chữ trong bản trực thấy cần được thay đổi cho hợp lý, chúng tôi chỉ lấy những câu, chữ trong phạm vi hai bản kia, tuyệt đối không thêm bớt hay đặt ra những chữ mới. Về chính tả, các âm được thống nhất theo cách phát âm phổ thông. Đối với các từ Hán Việt, trừ những trường hợp vì phải bảo đảm vần điệu câu thơ như nhu = nhu, cương = cương...chúng tôi giữ nguyên cách đọc địa phương, còn ngoài ra đều theo âm phổ thông. Các trường hợp này, chúng tôi không đưa vào phần khảo dị. Có những chữ ở bản H xét ra do lỗi chính tả như **giản** (dẫn), **mặt** (mặc) chúng tôi cũng không đưa vào phần khảo dị, trừ các chữ đó có thể đưa đến cách hiểu khác về câu thơ.

Bên cạnh phần nguyên tác của Nguyễn đình Chiểu, Ngự tiều y thuật vấn đáp còn trích dẫn, sao chép rất nhiều các bài thơ, phú...chữ Hán từ các sách y học (Đông y) Trung

Quốc cũ. Đối với các bài này, chúng tôi không làm công việc khảo dị văn bản, mà chỉ sử dụng nguyên văn các bài đó trong các sách thuốc Đông y, mà chủ yếu là trong y học nhập môn, Lý diên biên chú, Việt Đông Hán văn đường tàng bản, Quang tự Mậu tuất niên (bản khắc gỗ). Tuy nhiên trong điều kiện in ấn hiện tại, chúng tôi chỉ có thể giới thiệu bản dịch nghĩa của các bài này mà thôi.

Phần khảo dị văn bản được xếp riêng ở sau cùng quyển sách.

Về mặt chú thích, chúng tôi chủ yếu chú thích các điển tích, tên người, các chữ và câu khó hiểu đối với người đọc bình thường. Mặt khác, chúng tôi cũng lưu ý chú thích ở một mức độ nhất định các thuật ngữ, các vấn đề chuyên môn của Đông y, trên nguyên tắc ngắn gọn nhưng bảo đảm tính chính xác.

Mỗi chú thích được đánh dấu bằng số câu, được xếp ngay ở phần mỗi trang sách. Trường hợp trùng lặp, chúng tôi không chú thích mà chỉ ghi "Xem..." hoặc cần phải tham khảo thêm thì ghi "Xem thêm.." để người đọc tiện tra cứu.

Nhóm biên soạn

Hoàn cảnh xã-hội và mục đích biên soạn Ngự tiêu vấn đáp Y thuật (trích từ quyển 2)

Nguyễn Đình Chiểu sinh trưởng giữa lúc thực dân Pháp đang tiến hành xâm lược nước ta. Năm 1858, chúng đánh phá hải cảng Đà Nẵng. Năm 1859, chúng đánh Gia Định. Hồi ấy Nguyễn Đình Chiểu đang dạy học ở Gia Định, phải chạy về quê vợ ở Cần Giuộc (gần Chợ Lớn) lánh nạn và tiếp tục dạy học ở đấy. Năm 1861, Cần Giuộc cũng bị quân Pháp chiếm, ông lại phải chạy về Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Năm 1862, triều đình nhà Nguyễn đầu hàng, Tự Đức cắt ba tỉnh miền đông nhường cho Pháp. Tuy vậy Pháp vẫn tiếp tục mưu đồ xâm lược. Năm 1867, chúng chiếm luôn cả ba tỉnh miền tây Nam Bộ. Thế là cả sáu tỉnh Nam



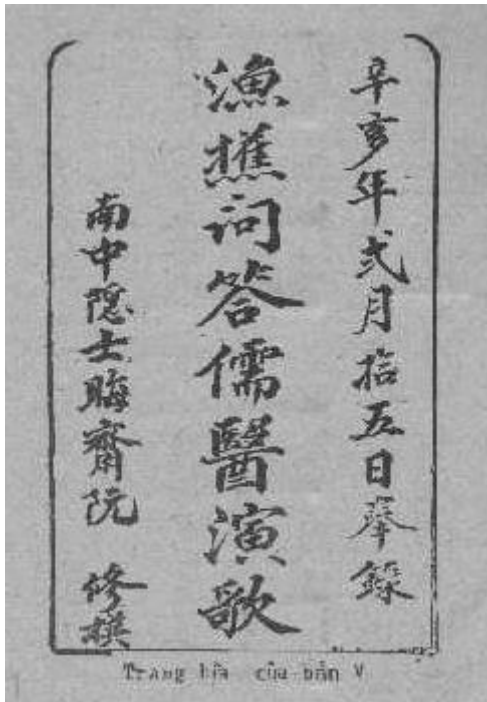
Bộ bị Pháp đô hộ.

Nguyễn Đình Chiểu cũng như nhân dân miền Nam lúc bấy giờ vô cùng căm phẫn. Ông rất đau xót về tình cảnh đất nước bị chia cắt, nhân dân khổ cực nhiều bề : nào bị giặc tàn sát, đàn áp, bức hiếp, nào đói rét, bệnh tật, chết chóc. Nguyễn Đình Chiểu vì bị mù, không có điều kiện cầm vũ khí giết giặc, nên đã dùng bút thay gươm, viết văn làm thơ để nói lên lòng yêu nước thương dân và nỗi căm thù sâu sắc của mình đối với quân cướp nước và bè lũ vua quan nhà Nguyễn bán nước hại dân.

Ngư Tiều vấn đáp y thuật ra đời vào khoảng thời gian sau khi Nam bộ đã bị Pháp xâm chiếm. Trong tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu đã mượn bối cảnh của đất nước U Yên ở Trung Quốc đời xưa bị giặc nước ngoài xâm chiếm, dựng lên câu chuyện mấy người dân xứ này đi lánh nạn và cũng tìm thầy học thuốc, để dưới hình thức nói chuyện về y học, thổ lộ lòng căm phẫn của mình đối với thời cuộc, nhấn động viên tinh thần đấu tranh chống xâm lăng của nhân dân; đồng thời để nói lên sự quan tâm của mình đối với tính mạng của bệnh nhân trước tình cảnh các dung y vụ lợi, nhằm bảo cứu tình hình y học đương thời.

Nội dung chuyện Ngư tiều vấn đáp Y thuật

(trích từ quyển 2)



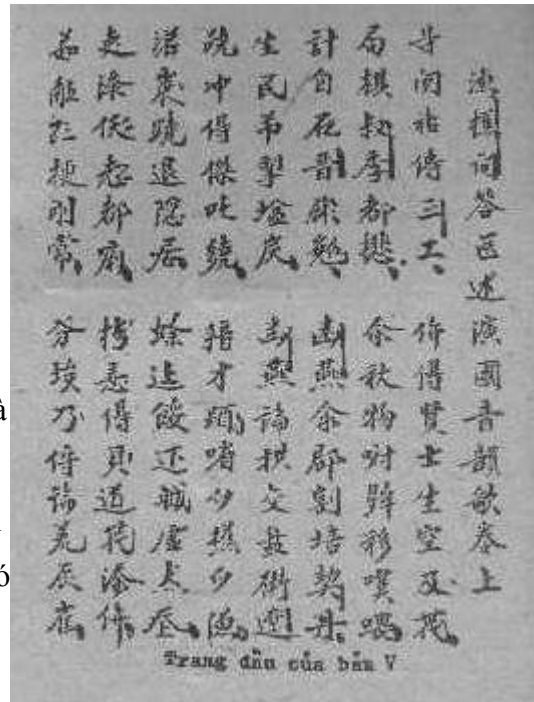
Vào khoảng năm 936, đất U Yên ở Trung Quốc, do Thạch Kính Đường là quan đô hộ sứ của nhà Đường, cai trị. Thạch Kính Đường thông mưu với quân Khiết Đan nước Liêu, cắt đất nhượng cho Khiết Đan, để được Khiết Đan phong cho làm vua xứ này. Dân U, Yên rơi vào tình cảnh lâm than dưới ách đô hộ của nước ngoài và dưới sự áp bức của bè lũ gian nịnh bù nhìn trong nước. Những người có tâm huyết không khuất phục chế độ ấy. Một số xiêu bạt đi nơi khác để sinh sống và tìm cách cứu nước, cứu dân. Trong số người này, có những nhân vật đã đi tìm con đường y học và cùng

gặp nhau trên đường đi tìm thầy học thuốc :

- **Mộng Thê Triền** tức là **Tiêu**, làm nghề đồn củi (tiều phu),
- **Bảo Tử Phước** tức là **Ngư**, làm nghề chài lưới (ngư ông),
- **Đạo Dẫn** và **Nhập Môn** là những người đã biết thuốc, cùng đi chạy loạn và tìm thầy học thêm,
- **Nhân Sư** là người thầy thuốc nổi tiếng ở U Yên đi lánh, không muốn hợp tác với giặc.

Truyện :

Vì tình cảnh đất U Yên bị chia cắt và đặt dưới sự đô hộ của nước ngoài, cho nên **Mộng Thê Triền** cũng như **Bảo Tử Phước** đi đánh cá. Chẳng may vợ con bị ốm đau nhiều và chết chóc, nên cả hai người đều muốn đi tìm thầy học thuốc. Họ đều có ý định đi tìm **Nhân Sư** là một thầy thuốc rất giỏi và cũng là người U Yên đi ẩn cư. **Mộng Thê Triền** và **Bảo Tử Phước** là hai người bạn cũ, bị hoàn cảnh loạn ly mà xa cách nhau từ lâu, gặp lại nhau trên đường đi tìm **Nhân Sư**. Dọc đường họ gặp thêm hai bạn cũ có cùng mục đích là **Đạo Dẫn** và **Nhập Môn**. Cả mấy người cùng dắt nhau đi tìm **Nhân Sư**. **Đạo**



Dẫn và **Nhập Môn** là những người đã biết chỗ ở của **Nhân Sư**. Vì họ đã đều biết thuốc, nên trên đường đi, Ngư Tiêu hỏi chuyện về y học rất nhiều. Đạo Dẫn và Nhập Môn đã lần lượt trả lời những câu hỏi của Ngư, Tiêu, và giải thích một cách rõ ràng nhiều điểm về lý luận y học cơ bản, kèm theo ca, phú mà phần chính lấy ở Y học nhập môn ra.

Giữa đường, Đạo Dẫn tìm đường đi luyện đan (tu tiên), còn Ngư, Tiêu thì theo Nhập Môn tiếp tục đi đến Đan Kỳ để tìm Nhân Sư, Nhưng khi đến nơi thì Nhân Sư đang bị bệnh và lánh ở Thiên Thai; song họ được gặp lại Đạo Dẫn ở đấy. Hỏi ra mới biết là Nhân Sư không phải là bị bệnh thật mà là vì vua Liêu nghe tiếng cho sứ đến mời Nhân Sư vào làm ngự y, nhưng Nhân Sư không muốn làm tôi kẻ thù nên đã xông hai mắt cho mù, rồi lánh về ở Thiên Thai và lưu học trò là Đạo Dẫn ở lại Đan Kỳ để từ chối với sứ Tây Liêu. Ngư, Tiêu không được gặp Nhân Sư và cũng không ở lại để đợi Nhân Sư trở về. Nhưng

Nhân Sư đã để lại hai bài dạy phép dùng thuốc (một bài luận về tiêu bản, một bài nói về phép chữa tạp bệnh). Ngư, Tiều lãnh hai bài đó rồi trở về. Sau khi từ biệt Đạo Dẫn và nhập Môn, Ngư, Tiều dự định sẽ bỏ nghề cũ để đi làm nghề y. Đêm đi lạc đường trong rừng, vào ngủ ở một cái miếu trong hang, nằm mê thấy mộng xử án các thầy thuốc, thầy châm cứu chữa xằng, và thầy phép, thầy chùa gieo mê tín dị đoan.

Tỉnh ra, Ngư, Tiều mới biết đó là những lời răn, nên khi về nhà, cả hai người đều ra công học thuốc cho thật giỏi, thấu đáo, rồi chuyên mỗi người một khoa. Ngư chữa bệnh nhi khoa, Tiều chữa bệnh phụ khoa. Họ đều trở nên những thầy thuốc lành nghề và chân chính.

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vấn Đáp

Trang 1

**Sưu tinh dụng dược tâm pháp tự truyện
(Tìm tòi tinh túy về tâm pháp dùng thuốc)**

Dịch nghĩa:

Xưa nay sách thuốc rất nhiều, nên những người làm nghề thuốc không khỏi thờ than về nổi quá nhiều sách. Nếu học không có căn bản, thì khi chữa bệnh sẽ ngơ ngác như dựa vào khoảng không, cưỡi trên ngọn gió, không biết đâu là chỗ dừng nữa.

Nói chung, bệnh có biến hóa hư thực rất nhiều, nên phương có cách chữa chính, chữa tòng, chữa gốc, chữa ngọn, nên công, nên trước, nên sau, phải dùng cho phù hợp. Xét trị chỉ sai một chút thì sống chết khác nhau ngay, há chẳng nên cẩn thận sao ? Cho nên nghề làm thuốc chỉ cốt tùy cơ ứng biến mà thôi.

Bậc hiền triết thuở trước thường nói : "**Tâm của người thầy thuốc giỏi giống như viên tướng có tài, mà phép dùng thuốc cứu người cũng tựa phép dùng binh đánh giặc**". Ra binh có khi đánh thắng, có khi dùng mưu; dùng thuốc có lúc chữa bệnh chính, có lúc chữa biến chứng. Vốn không học phép dùng binh thì không thể đánh trận, vốn không hiểu cách dùng thuốc thì không thể chữa bệnh.

Dịch Công nói : "**Con người ta bẩm thụ khí trung hoà của trời đất mà sinh ra, nhưng do**

ăn uống, làm lụng không biết tự giữ cho điều độ, nên những phần độc hại của âm dương mới nhân những chỗ sơ hở ấy trở thành quân giặc làm hại ". Nghề thuốc tức là thuật chống giặc của thánh nhân vậy. Chống giặc không chống ở ngoài bờ cõi mà chống trong sân, trước cổng, ấy là lối trăm phần trăm thua; chữa bệnh không chữa đến tận gốc rễ mà chữa trên ngọn, ngoài da, ấy là phép trăm phần trăm chết.

Lôi Công nói : "**Phương pháp linh hoạt của người làm thuốc cốt ở chỗ lựa nhiều biến đổi**".

Ví dụ như khí hậu nam bắc có phân biệt, thời trời nóng lạnh có đổi thay, thể chất có kẻ mỏng người dày, mắc bệnh có kẻ lâu người mới...; những yếu tố ấy không thể không xét cho rõ ràng vậy. Cũng như bệnh có khi nên bổ mà lại bổ bằng phép tả, có khi nên tả mà lại tả bằng phép bổ; có khi cần dùng thuốc lạnh mà lấy thuốc nóng dẫn đường, có khi cần dùng thuốc nóng mà lấy thuốc lạnh nương trị; hoặc bệnh ở trên mà chữa ở dưới, hoặc bệnh ở dưới mà chữa trên; bệnh như nhau mà dùng thuốc khác nhau, bệnh khác nhau mà dùng thuốc như nhau...; nghĩa ấy thật rất sâu xa, người học cần xét cho thật rõ. Tóm lại, bệnh là do khí huyết sinh ra, bệnh khí thuộc về dương, bệnh huyết thuộc về âm.

Việc âm dương hơn thua qua lại là then chốt, trăm bệnh theo đó mà thay đổi. Vì thế mà chữa bệnh nam giới khác chữa bệnh nữ giới, chữa bệnh người trẻ khác chữa bệnh người già.

Xét trong y thuật vốn có bốn khoa : nhìn sắc, nghe tiếng, hỏi chứng và bắt mạch, tuy chia thành môn loại trận thế, nào là bát yếu, nào là tam pháp...; nhưng tìm đến ý nghĩa, rốt lại chỉ trong mấy chữ biểu, lý, hư, thực, hàn, nhiệt mà thôi. Nếu trong vòng sáu chữ ấy mà xét nhận được rõ ràng, thì đó là hiểu biết được chỗ cốt yếu rồi vậy. Đó tức là câu người ta vẫn nói là "**Biết được chỗ cốt yếu thì chỉ một lời là hết, không biết được chỗ cốt yếu thì mênh mông không cùng** "

Than ôi, đạo lớn là của chung, xin cùng các bậc danh nho tài tử thông minh trong thiên hạ đem tinh thần để lĩnh hội, trên thì để thờ vua và cha mẹ giữa thì giữ gìn cho mình, dưới thì để cứu giúp mọi người đã ghi chép hết ra ở sách này. Xin chớ vì là sách quốc âm nômina, quê kệch mà xem thường xem khinh.

Trích yếu âm dương biện luận
(Trích phần chủ yếu trong bài Biện luận về âm dương)

Dịch nghĩa:

Phạm chỗ then chốt của sinh khí mà con người bẩm thụ đều gốc ở hai khí âm dương. Nhưng nếu đem khí huyết, tạng phủ, hàn nhiệt mà bàn, thì đó chỉ là nói riêng về khí âm dương hữu hình thuộc về hậu thiên mà thôi. Còn như khí âm dương vô hình thuộc về tiên thiên thì dương gọi là nguyên dương, âm gọi là nguyên âm. Dương tức là nguyên dương, âm gọi là nguyên âm. Nguyên dương tức là cái hỏa vô hình, việc sinh hóa thần cơ là ở đó, tính mạng quan hệ ở nó. Nguyên âm tức là cái thủy vô hình, việc tạo dựng thiên quý là ở đó, mệnh yếu quan hệ ở nó. Cho nên kinh Dịch gọi là nguyên tính, nguyên khí. Nguyên tính, nguyên khí tức là nguyên thần sinh ra tinh, hoá ra khí. Sinh khí của con người sở dĩ ứng hợp với tự nhiên, chỉ do nhờ ở nó mà thôi. Kinh nói rằng: "Được thần thì tốt, mất thần thì chết", chính là nói về điều đó vậy.

Vậy hai chữ âm dương, nên xét cho rõ ràng. Dương thì nóng nảy, âm thì lặng lẽ điềm đạm. Dương giữ việc sinh ra, âm giữ việc nuôi lớn. Dương thái quá thì hại, đưa đến tiêu khô; âm thái quá thì hại, xui nên bế tắc. Dương động mà tan, cho nên hoá ra khí; âm tĩnh mà động, cho nên thành ra hình. Người dương suy thì sợ lạnh, người âm suy thì phát nóng, bởi âm thắng thì dương bị bệnh, dương thắng thì âm bị bệnh, cho nên như vậy. Dương vô hình mà sinh ra hơi, âm có chất mà thành ra mùi, cho nên hơi trong của dương ra nơi các khiếu phía trên, vị đục của âm ra nơi các khiếu phía dưới. Dương rời rạc không tụ về thì bay vượt lên trên mà hơi thở khô khè như ngáy, âm tan tác không bền chặt thì dồn hãm xuống dưới mà mồ hôi nhờn quánh tựa dầu.

Tóm lại âm thì tính tĩnh, ở trong để gìn giữ cho dương; dương thì tính động, ở ngoài để phụng sự cho âm. Bệnh dương hư thì buổi chiều trăn trở, bệnh âm hư thì buổi sáng nhẹ nhàng; bệnh về dương thì buổi mai tĩnh, bệnh về âm thì buổi đêm yên; dương tà thịnh thì chiều nhẹ, sáng nặng, âm tà thịnh thì chiều nặng sáng nhẹ; bệnh về dương phần nhiều thích mát ham lạnh, bệnh về âm phần nhiều sợ lạnh muốn ấm.

Âm dương đã phân rõ, Vinh Vệ phải chia rành. Vinh là huyết, thuộc âm, cái để nuôi tốt

bên trong; Vệ là khí, thuộc dương, cái để đi giữ bên ngoài. Cho nên huyết để nuôi nấng thì đi trong mạch, khí để gìn giữ thì đi ngoài mạch. Khí là cái để hành huyết, huyết là cái để chở khí. Khí huyết vốn không rời nhau, cho nên âm hư dương ắt chạy, dương hư âm ắt thoát. Người giỏi chữa bệnh thì khí hư nên giúp huyết, huyết hư nên giữ khí. Tóm lại huyết là cái hữu hình, không thể sinh nhanh; khí là cái rất nhỏ, cần giữ cho chắc.

Than ôi, lẽ âm dương biến hoá thì không cùng, không thể kể hết, vả lại dương nắm cả âm, huyết theo với khí, nên người xưa chữa huyết ắt trị khí trước; đó là khéo hiểu được nghĩa "[Kiên nắm trời, khôn theo Kiên](#)" của kinh Dịch vậy. Thánh nhân giúp đỡ công việc của trời đất, thường ngụ ý nâng dương mà nén âm, cho nên Thần Nông nếm thuốc, cũng căn cứ vào âm dương để phân chia ra các vị hàn nhiệt ôn lương, cay ngọt chua đắng mặn khác nhau. Phàm cay ngọt thuộc dương, ôn nhiệt thuộc dương, hàn lương thuộc âm, chua đắng thuộc âm. Dương chủ việc sinh, âm chủ việc sát, nên người thầy thuốc muốn cho người ta xa nơi chết, tới chỗ sống thường dùng các vị ngọt, ôn, cay, nhiệt mà ít dùng các phương chua đắng hàn lương bởi hiểu lẽ ấy.

Như ngày Đông chí thì khí nhất dương sinh, ngày Hạ chí thì khí nhất âm sinh, hai ngày chí ấy vô cùng quan trọng. Chí nghĩa là cực, âm cực thì dương sinh, từ không mà thành khó, dương cực thì âm sinh, từ có mà thành không; đó là chỗ không giống nhau trong việc biến hóa của âm dương vậy. Kinh nói rằng "[Bên dưới tượng hỏa, khí thủy tiếp nối; bên dưới ngôi thủy, khí thổ tiếp nối; bên dưới ngôi thổ, khí phong \(mộc\) tiếp nối; bên dưới ngôi phong, khí kim tiếp nối; bên dưới ngôi kim, khí hỏa tiếp nối; bên dưới quân hỏa, âm tính tiếp nối. Găng thì hại, cái tiếp nối sẽ chế trị nó](#)". Như ngày Đông chí thì âm thịnh đến cùng cực, sinh ra khí dương tiếp nối sẽ chế trị. Ngày Hạ chí thì dương thịnh đến cùng cực, sinh ra khí âm tiếp nối, đó gọi là dương thịnh găng thì hại, âm tiếp nối sẽ chế trị.

Có người hỏi "Ngày Đông chí khí nhất dương sinh, đáng lẽ khí trời dần chuyển sang ấm áp, thế tại sao tháng chạp lại rét lớn, băng tuyết quá nhiều? Ngày Hạ chí khí nhất âm sinh, đáng lẽ khí trời dần chuyển thành mát mẻ, thế tại sao tam phục lại nắng gắt, nóng nực càng tăng? Có cách nào giải thích chăng? Triều Quán nói "[Đó là chuyện cái sẽ đến thì tiến, cái thành rồi thì lui](#)". Trong chỗ tinh túy và kín đáo, chưa dễ xét rõ được. Đại khái có lẽ là dương phục ở dưới bức âm ở trên, nước giếng tỏa hơi mà kỳ băng đóng cứng, âm thịnh ở dưới bức dương ở trên, nước giếng lạnh đi mà tới lúc sấm chớp tụ hợp lại. Nay

những người bệnh mặt đỏ miệng khô, trong người bứt rứt ho, suyễn, ai bảo không là hỏa thịnh đến cùng cực, nào biết cái hỏa đó là do khí âm hàn trong thận bức bách. Dem thuốc hàn lương cho uống mà kẻ chết đã nhiều, oan uổng lắm thay ! Vả dương thì một mà đặc, âm thì hai mà rỗng, tóm lại cái hại của âm là từ cái một của dương mà chia ra, cho nên mặt trời giữ được hình dáng ban đầu, còn mặt trăng khi tròn khi khuyết. Người ta lúc mới sinh ra thì chỉ thuần dương mà không có âm, nhờ mẹ cho bú sữa của vú thuộc Quyết âm mà âm bắt đầu sinh. Vì thế mà con trai đến mười sáu tuổi thì tinh mới thông, sau bốn mươi thì tinh kiệt; con gái đến mười bốn tuổi thì có kinh, bốn mươi chín thì kinh dứt. khí âm trong thân người chỉ đủ để dùng trong khoảng ba mươi sáu năm".

Chữ âm ấy là nói đến âm tinh, tức là chỉ âm huyết vậy.

Hướng chi âm dương làm gốc lẫn cho nhau, bản chuyên bổ âm phải lấy dương làm chủ, tóm lại nếu không có dương thì âm cũng chẳng thấy gì để sinh. Cho nên con trai thì **trái** thuộc hỏa làm khí, **phải** thuộc thủy làm huyết; con gái thì **trái** thuộc thủy mà **phải** thuộc hỏa. Sự huyền diệu của gốc âm và gốc dương, nếu không xét đến cùng, thì có phải tất vậy.

Kẻ bàn đến âm dương thường cho rằng đó là khí huyết, nào ai biết hỏa là gốc của âm huyết, nhưng âm dương thủy hỏa lại đều cùng ra từ một gốc. Bởi cùng ra từ một gốc mà không tách rời nhau, nên âm dương lại làm gốc lẫn cho nhau. Gốc của dương là ở âm, gốc của âm là ở dương, không có dương thì âm không lấy gì để sinh, không có âm thì dương không lấy gì mà hoá. theo âm mà dẫn dương, theo dương mà dẫn âm, đều tìm cái âm dương phụ thuộc mà xét tới cùng gốc của âm dương vậy. Người nay nhận lầm tâm, thậm là chân hỏa, chân thủy, đó là vì không rõ đạo ấy. Đại khái trời sinh con người có cái tướng hỏa vô hình đi trong hai mươi lăm độ dương, chân thủy vô hình đi trong hai mươi lăm độ âm mà gốc của chúng thì vốn là cái chân thuộc về Thái cực, đó mới gọi là chân. Một khi thuộc về hữu hình tức là hậu thiên mà không phải là chân nữa.

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vãn Đáp

Trang 2

1- Ngày nhàn xem truyện "Tam công",
Thương người hiền sĩ sinh không gặp đời.
Cuộc cờ thúc quý đua bơi,
Mấy thu vật đổi sao dời, than ôi !
5- Kể từ Thạch Tấn ở ngôi,
U Yên mấy quận cắt bồi Khiết Đan,
Sinh dân nào xiết bần than,
U Yên trọn cũng giao bàn về Liêu.
Theo trong người kiệt rất nhiều,
10- Ôm tài giấu tiếng làm tiều, làm ngư.
Nước non theo thói ẩn cư,
Thờ trên nuôi dưới, nên hư mặc trời.
Lại thêm Phật, Lão đua lời,
Nghĩ lòng người với đạo đời thêm thương.
15- Nhà năm ba gánh cương thường,
Phận ai nấy giữ, trọn giường thờ thôi.
Đời vương đời đế xa rồi,
Nay Di mai Hạ biết hồi nào an.
Năm trăm vận ở sông vàng,
20- Nước còn đương cầu, khôn màng thánh nhân,

Đã cam hai chữ "tỵ Tần",
Nguồn Đào tìm dấu, non xuân ruổi miền.
Có tên rằng Mộng Thê Triền,
Tuổi vừa bốn chục, nhân duyên năm lần,
25- Nhà nghèo ở núi Bạch Vân,
Dẹp văn theo võ, tách thân làm tiều.
Ngày ngày đốn củi rừng Nghiêu,
Hái rau non Thuần, phận nhiều lao đao.
Đông Xuyên lại có người hào,
30- Tên rằng Tử Phước, họ Bào, làm ngư.
Trong (thông ?) minh ba chục tuổi dư,
Sinh con mười đứa bé thơ thêm nghèo.
Ngược xuôi trên nước một chèo,
Nay doi mai vịnh, nghề theo lưới chài,
35- Họ Bào họ Mộng hòa hai,
Trước theo nghề học đều tài bậc trung.
Chẳng may gặp buổi đạo cùng,
Treo kinh dẹp sử, lánh vòng loạn ly.
Người nam kẻ bắc phân đi,
40- Nước non rẽ bạn cố tri bấy chầy.
Cách nhau mười mấy năm nay,
Tình cờ lại gặp một ngày gặp đây.
Ngư, Tiều mở tiệc vui vầy,
Ngâm thơ, uống rượu, đều bày chí xưa.

I- Tiều ngâm thơ rằng :

Non xanh mấy cụm đội trời thu,

Sưu thuế Tây Liêu chẳng đến đầu.
Tên đã gác ngoài sân thúc quý,
Minh liền dầm giữa suối Sào, Du.
Vui lòng bạn cũ thơ vài cuốn,
Rảnh việc ngày nay rượu một bầu.
Chút phận riêng nương hơi núi rặng,
Trăm năm ra sức dọn rừng nhu (nhỏ).

II- Ngụ ngâm thơ rằng :

Nghênh ngang trên nước một thuyền câu,
Chèo sóng buồm giông, trải mấy thu.
Ngày xé tấm mui che gió Tấn,
Đêm chầy bếp lửa chói trời U
Mặc tình sở ngộ đời trong đục,
Vui thú phù sinh bến cạn sâu.
Trăm tuổi trọn nhờ duyên cá nước,
Dù lòng ngao ngán giữa dòng nhu (nhỏ).

45- Tiều rằng : Sinh chẳng gặp thời,
Thân đà đến ấy, nghe thơ thêm phiền.
Lênh chênh chữ phận, chữ duyên,
Lỡ Tiên, lỡ Phật, lỡ nguyên nho phong.
Nhớ câu "quân tử cố cùng",
50- Đèn trắng, gió quạt, non sông phận đành.
Ngụ rằng : Hai chữ công danh,
Hoàng lương nửa gói, đã đành phôi pha.
Thương câu "thế đạo đời ba",
Ngày nay chưa biết mai ra lẽ nào !
Uống thêm vài chén rượu giao,
Ngâm thơ hoài cổ, để rao tiếng đời.

III- Ngự, tiêu hoài cổ ngâm ngụ ưu đạo ý
(thử xướng, bỉ họa)

Từ thuở Đông Chu xuống đến nay,
Đạo đời rậm rạp mấy ai hay
Hạ Thương đường cũ gai bò lấp,
Văn Vũ nền xưa lúa trở đầy.
Năm bá mượn vay, nhân nghĩa mọn .
Bầy hùng giành xé, lợi danh bay,
Kinh Lân mong đẹp tôi con loạn,
Sử Mã khôn ngăn mọi rợ bầy.
Dùi mõ Mặc, Dương thêm chộn rộn,
Tiếng chuông Phật, Lão rất vang ngày.
Lửa Tần, tro Hạng vừa nguôi dẫu,
Am Hán, chùa Lương lại réo dầy,
Trong đám cử lưu đều nói tổ,
Bên đường tam giáo cũng xưng thầy.
Khe Đào, động Lý nhiều đoàn trốn,
Rừng Trúc, đình Lan lắm bạn say.
Phép báu Thi, Thư dòng mực nát,
Màu xuê Lễ, Nhạc nhiễm sương bay,
Mấy dòng biển nghiệt chia nguồn nước,
Trăm cụm rừng hoang bít cội cây.
Hơi chính ngàn năm về cụm núi,
Thói tà bốn biển động vàng mây.
Ngày nào trời đất an ngôi cũ,
Mừng thấy non sông bật gió tây.

Thơ rồi Ngự mới hỏi Tiều :

Việc nhà con vợ ít nhiều đặng hay ?

Tiều rằng : Triền rất chẳng may,

60- Năm lần cưới vợ, còn nay một người.

Nằm hoài biếng nói, biếng cười,

Rề rề đau máu, da tươi bàu nhàu.

Bốn người trước thác theo nhau,

Người đau sản hậu, người đau thai tiền,

65- Khiến thêm nghèo khổ cho Triền,

Bán bao nhiêu củi về tiền thuốc thang,

Thầy hay thời ở xa đường,

Tin theo thầy tục, giúp phương hại người.

Ngự rằng : Phước cũng như người,

70- Hôm mai lận đận về mười đứa con.

Chí lắm nuôi đặng vuông tròn,

Chung tư trập trập, nhà còn phúc ghi.

Nào hay tạo hóa tiểu nhi,

Rủ bấy con nít đều đi bỏ mình.

75- Đứa thời đau chứng cấp kinh,

Đứa thời cam tích, bụng bình rĩnh ra,

Đứa thời hai mắt quáng gà,

Đứa thời tím miệng, khóc la rồn lòi,

Đứa thời đau bụng lải chòi,

80- Đứa thời ỉa kiết, rặn lòi tròn trê,

Đứa thời sài ghê, nóng mê,

Đứa thời hoa trái, độc về hông, vai.

Rủ nhau thỉnh thoảng chết hoài,

Đứa đôi ba tháng, đứa vài ba năm.

85- Trời đà hao tổn tiền trăm,

Thương con chạy bậy, lằm nhằm thuốc nhăng.

Đến nay còn sót hai thằng,

Nhờ trời khoẻ mạnh, đừng ăn chơi thường.

Cảm ơn kẻ sĩ du phương,

90- Dắt ta, điềm chỉ vào đường Y lâm.

Thê Triền nghe nói mừng thầm,

Hỏi rằng : **Thầy ở Y lâm tên gì ?**

Ngư rằng: Chưa biết tên chi,

Nghe người nói đó là kỳ Nhân Sư.

95- Tiều rằng : **Chữ gọi Nhân Sư,**

Tiên hay là Phật, bậc gì công phu ?

Ngư rằng : Vốn thật thầy nhu (nhô),

Lòng cru gấm nhiều, lại giàu lược thao.

Nói ra vàng đá chẳng xao,

100- Vắn ra dấy phụng, rời giao tung bùng.

Trong mình đủ chúc kinh luân,

Thêm trau đạo đức, mười phân rõ ràng,

Chẳng may gặp thuở nước loạn,

Thương câu "dân mạc" về đàng Y lâm.

105- Ẩn mình chôn ngọc, vùi câm (kim),

Người con mắt tục coi làm biết đâu.

Ta nhân bệnh trẻ đi cầu,

Có nghe du sĩ đọc câu thơ rằng :

IV- Du sĩ đọc nhân sư thi:

Xe ngựa lao xao giữa cõi trần,

Biết ai thiện tử, biết ai thần?

Nhạc thiều tiếng dứt khôn trông phụng,

Sử Lỗ biên rồi khó thấy lân !

Khỏe mắt Hi Di trời ngũ quý,

Mỏi lòng Gia Cát đất tam phân
Công danh chi nữa, ăn rồi ngủ,
Mặc lượng cao dày xử với dân

Tiêu rằng : Mừng gặp hiền nhân,
110- Nghe bài thơ ấy, thật trân bảo đời !
Bấy lâu những tưởng không người,
Nào hay hang trống còn dòi tiếng rân.
Thi danh trước có Đường thần.
Tài như Lý, Đỗ muôn phần khá thương.
115- Thấy nay cũng nhóm văn chương,
Vóc dê, da cạp khôn lường thực hư,
Tiếc thay đời có Nhân Sư,
Lại theo bốn chữ "vô như chi hà".
Nhớ xưa tiếng đại hiền ra,
120- " Rằng trời muốn trị, bỏ ta, ai dùng ?"
Thôi thôi người hãy gắng công,
Đem ta tới chỗ, học cùng Nhân Sư.
Ngư rằng : Nhắm chốn Đan Kỳ,
Éo le khúc nẻo, đường đi chẳng gần.
125- Nhiều non, nhiều núi, nhiều rừng,
Nhiều đèo, nhiều ải, nhiều chùng động hang.
Chút công khó nhọc chẳng màng,
Phần lo hóc hiểm một đàng Nhân Khu.
Nhân Khu ải ấy ở đâu,
130- Nẻo lạnh, nẻo dữ, cạn sâu khôn lường.
Tiêu rằng : Ta dốc tìm phương,
Xin phân cho rõ cái đường Nhân Khu.
Ngư rằng : Một ải Nhân Khu,
Lấy da bao thịt, làm bầu hồ lô.

135- Trở thông chín nẻo ra vào,
Mười hai kinh lạc chia đào dọc ngang.
Ngoài thời sáu phủ Dương Quan,
Trong thời năm tạng, xây bàn Âm Đô.
Hai bên tả hữu vách tô,
140- Có non nguyên khí, có hồ huyết quan.
Có nơi hòn phách ở an,
Có ngôi thần chủ, sửa sang việc mình.
Rước đưa có đám thất tình,
Có vườn ngũ vị nuôi hình tốt tươi.
145- Lại nghe du sĩ trao lời,
Rằng trong ải ấy lắm nơi hiểm nghèo,
Có làng Lục Tặc nhóm theo,
Chia phần đón ngách, giữ đèo Tam Thi.
Hôm mai rũ quên nhau đi,
150- Xui lòng nhân dục, nhiều khi lang loạn,
Hoặc theo bên động Bì nang,
Thăm trâu hoa mẫu mơn màng gió xuân.
Hoặc theo bên động Tôn Cân,
Nhem thềm cho sãi về dân, bỏ chùa,
155- Thêm bày quỷ quái theo lừa,
Nhóm non Thập Ác, tranh đua khuấy đời,
Ngửa xem ngoài cửa sáng giăng,
190- Thấy trên biển ngạch chữ rằng "Tam Công".
Bước vô trong miếu lạnh lùng,
Thấy treo ba bức song song họa đồ.
Nhân Sư ngồi giữa xem đồ,
Thấy ta han hỏi, dờ hồ linh đan.
195- Lấy ra thuốc đỏ hai hoàn,
Cho về cứu trẻ khỏi cơn tai nạn.
Ta nhân một thuở vội vàng,

Gặp thầy chưa kịp hỏi han việc gì.

Tiếc thay đã đến Đan Kỳ,

200- Mùi thơm chưa dính chút chi vào mình.

Tiêu rằng : Xin hỏi nhân huynh,

Trước quen du sĩ, tính danh cũng tường ?

Ngư rằng : Kẻ sĩ du phương,

Tên Châu Đạo Dẫn, đem đường cho ta.

205- Đang khi bối rối việc nhà,

Nào rồi hỏi việc trái qua cùng chàng.

Chín nghe Đạo Dẫn thở than,

Rằng bày Lục Tặc, biết toan lẽ nào !

Tiêu rằng : Lục Tặc làm sao ?

210- Xin phân sáu ấy, âm hao cho rành,

Ngư rằng : Tai mắt nhiều tình,

Tai tham tiếng nhạc, mắt giành sắc xinh.

Mũi thời tham vị hương hình,

Miệng thời tham béo, ngọt, thanh, rượu, trà,

215- Vóc thời muốn bận sô sa,

Bụng thời muốn ở cửa nhà thép son.

Cho hay Lục Tặc ấy còn,

Khiến con người tục lằn mòn hư thân

Tiêu rằng : Nghe tiếng ngọc phân,

220- Chạnh lòng muốn tách cội trần chơi mây.

Phải chi gặp Đạo Dẫn đây,

Ta xin theo dấu, tìm thầy Nhân Sư.

Ngư rằng : Phước nguyện đem đi,

Anh về sắm sửa lễ nghi sẵn sàng.

225- Vả nay vừa tiết xuân quang,

Hẹn năm ngày nhóm hành trang cho rồi

Thê Triền từ tạ, chân lui,

Về nhà thấy vợ ngùi ngùi đau rên,

Nhờ ơn nhạc mẫu ở bên,
 230- Dặn dò gửi vợ, lại lên họ Bào.
 Thứ này hai họ nghĩa giao,
 Sấm đồ hành lý những bao, những hồ.
 Bao thời đựng cá tôm khô,
 Hồ thời đựng rượu, trường đồ thắng xông,
 235- Trãi qua bờ liễu, non tùng,
 Trời hiu hiu thổi gió đông đưa mình,
 Mặt nhìn trong tiết Thanh minh,
 U Yên đất cũ, cảnh tình trên ngơoi,
 Trăm hoa nửa khóc nửa cười,
 240- Như tuồng xiêu lạc gặp người cố hương.
 Cỏ cây gie nhánh đón đường,
 Như tuồng níu hỏi Đông hoàng ở đâu ?
 Bên non đá cụm cúi đầu,
 Như tuồng oan khúc, lạy cầu cứu sinh.
 245- Lú lo chim nói trên cành,
 Như tuồng kể mách tình hình dân đau.
 Gió tre hiu hắt theo sau,
 Như tuồng xúi dục đi mau tìm thầy.
 Dưới non suối chảy kêu ngầy,
 250- Như tuồng nhắn hỏi sự này bởi ai ?
 Hai người nhìn thấy than dài,
 Cho hay non nước nhiều loài trông xuân,
 Mưa sầu gió thảm biết chừng nào thanh !
 255- Mảng xem cảnh cũ thương tình,
 Nào hay lạc nẻo lộ trình ải xưa.
 Cùng nhau ngơ ngẩn ngày trưa,
 Lại may gặp bạn cỡi lừa ngâm thơ.
 Hai người dừng gót đứng chờ,
 260- Lắng nghe du sĩ lời thơ ngâm rằng :

V- Đạo Dẫn ngâm thơ

Trời đông sùi sụt gió mưa tây,
Đau ốm lòng dân cây có thầy,
Phương cũ vua tôi gìn trước mắt,
Mạng nay già trẻ gửi trong tay.
Trận đồ tám quẻ còn non nước,
Binh pháp năm mùi sẵn cỏ cây.
Hỡi bạn Y lâm ai muốn hỏi,
Đò xưa bến cũ có ta đây.

Ngâm rồi thoát thấy Tiều, Ngư,
Vội vàng Đạo Dẫn trụ lư cười ngầm.
Chào rằng : này kẻ tri âm !
Ngày nay lại đến Y lâm cầu gì ?
265- Ngư rằng : **Dem bạn cố tri,**
Đồng lòng tìm đến Nhân Sư học hành.
Dẫn rằng : Hai chữ "phù sinh"
Người non, kẻ nước, phận đành tiều, ngư.
Bấy lâu sao chẳng tầm sư,
270- Đến nay lại có công dư học nghề ?
Tiều rằng : **Thời vận bất tề,**
Thêm làm thầy thuốc làm bê việc nhà.
Ngư rằng : **Ta nghĩ giận ta,**
Bởi thương con vợ mới ra hết tiền.
275- Dẫn rằng : Trong cõi trần duyên,
Hay người chưa trả rồi tiền nợ vay.

Người xưa ba chuyển gãy tay,
 Túc mình học thuốc, mới hay làm thầy,
 Tiều rằng : **Mấy cụm rừng y,**
 Đều noi đường cái Hiên Kỳ trở ra.
 285- Một ngày xuôi chảy một xa
 Rốt dòng lại có chính tà khác nhau.
 Ngư rằng : **Cách trở bấy lâu,**
 Đường đi ngày trước lạc đâu khôn tầm.
 Dẫn rằng : **Đây thật Y lâm,**
 290- Nhân khu ải khỏi, nào lằm chớ e !
 Ngư rằng : **Dặm cũ vắng hoe,**
 Minh tuy có thấy, không nghe biết gì.
 Dẫn rằng : **Đó chớ vội đi,**
 Ngày nay chưa gặp Tôn Sư ở nhà .
 295- Đến am Bảo Dưỡng theo ta,
 Nghỉ chơi vài bữa, rồi qua Đan Kỳ.
 Ngư, Tiều theo Đạo Dẫn đi,
 Ở am Bảo Dưỡng một khi vui vầy.
 Ba người kết bạn đông tây,
 300- Chuyện trò sách thuốc, lời này hỏi nhau.
 Ngư rằng : **Trước ải Nhân Khu,**
 Mười hai kinh lạc, cạn sâu chưa tường,
 Dẫn rằng : **Ba âm, ba dương,**
 Ba ba số bội, chia đường hai bên,
 305- Tay chân tả hữu hai bên,
 Âm dương đều sáu, dưới trên buộc ràng.

VI- Thập nhị kinh lạc ca
 (Bài ca về mười hai kinh lạc)

Dịch nghĩa :

Kinh Thủ Thái dương thông với ruột non,
Kinh Túc Thái dương thông với bọng đái,
Kinh Thủ Dương minh thông với ruột già,
Kinh Túc Dương minh thông với dạ dày,
Kinh Thủ Thiếu dương thông với tam tiêu,
Kinh Túc Thiếu dương thông với mật,
Kinh Thủ Thái âm thông với phổi,
Kinh Túc Thái âm thông với lá lách,
Kinh Thủ Thiếu âm thông với trái tim,
Kinh Túc Thiếu âm thông với thận,
Kinh Thủ Quyết âm thông với màng tim,
Kinh Túc Quyết âm thông với gan

VII- Hựu hữu ca

(Lại có bài ca rằng)

Dịch nghĩa :

Kinh Thái dương thuộc thủy, ứng với Thìn, Tuất,
thông với ruột non, bọng đái,
Kinh Dương minh thuộc kim, ứng với Mão, Dậu,
thông với ruột già, dạ dày,
Kinh Thiếu dương thuộc hỏa, ứng với Dần, Thân,
thông với tam tiêu và mật,
Kinh Thái âm thuộc thổ, ứng với Sửu, Mùi,
thông với phổi và lá lách,
Kinh Thiếu âm thuộc hỏa, ứng với Tý, Ngọ,
thông với tim và thận,
Kinh Quyết âm thuộc mộc, ứng với Tỵ, Hợi,
thông với màng tim và gan.

Ngư rằng : Kinh lạc là tiêu,
Chỗ nào khí huyết ít nhiều biết đâu.
Dẫn rằng : Khí huyết nhân khu,
310- Ta từng coi sách, thấy câu ca rằng :

VIII.- Thập nhị kinh lạc khí huyết đa thiếu ca
(Bài ca về khí huyết nhiều ít của mười hai kinh lạc)
Dịch nghĩa :
Nhiều khí, nhiều huyết, anh nên nhớ :
Kinh Thủ Dương minh tức ruột già, và
Kinh Túc Dương minh tức dạ dày.
Ít huyết, nhiều khí, có sáu kinh :
Tam tiêu, mật, thận, tim, lá lách, và phổi.
Nhiều huyết, ít khí chia ra bốn kinh :
Bọng đái, ruột non, màng, tim và gan.

Ngư rằng : Kinh lạc nhiều đàng,
Người đau nhiều chứng, biết toan lẽ nào ?
Dẫn rằng : Chớ hỏi thầy cao,
bệnh nào thuốc nấy đem vào đường kinh.
315- Tiều rằng : Xin hỏi tiên sinh,
lệ trong năm tạng, ghi hình trạng sao ?
Dẫn rằng : Tổ có lời rao :
Tạng can thuộc mộc, cây rào mùa xuân.
Sắc xanh, con mắt là chùng,
320- Hoa ra giáp móng, dày gân buộc lèo.

Giấu hồn, đựng máu, tiếng kêu,
 Vị toan, nước mắt, mạch nêu chữ Huyền.
 Quyết âm kinh túc ấy truyền,
 Hợp cùng phủ đảm, ngôi liền ngoài trong.
 325- Tạng tâm thuộc hoả, mạch Hồng,
 Mùa hè, sắc đỏ, chừng trong lưới này.
 Giấu thân, nuôi máu, ở đây,
 Đắng mùi, tiếng nói, nước vầy buồn hôi.
 Thiếu âm kinh thủ phải rồi,
 330- Hợp cùng ngoại phủ, rằng ngôi tiểu trường.
 Tạng tỳ thuộc thổ sắc vàng,
 Vượng theo tứ quý, đều tàng ý vui.
 Miệng chừng, nước dãi, ngọt mùi,
 Tiếng ca, mạch Hoãn, hay nuôi thịt hình.
 335- Thái âm kinh túc đã đành,
 Hợp cùng phủ vị, ngôi giành trung châu.
 Tạng phế thuộc kim, mạch Phù,
 Vị cay, sắc trắng, mùa thu, phách rỗng.
 Giấu hơi, nuôi khắp da, lông,
 340- Mùi chừng, tiếng khóc, nước trong mũi thường.
 Thái âm kinh thủ cho tường,
 Hợp cùng ngoại phủ đại trường ấy thông .
 Tạng thận thuộc thủy, mùa đông,
 Sắc đen vị mặn, chi dùng nuôi xương,
 345- Tiếng rên, nước nhỏ hôi uơn,
 Hai tai chừng đó, giữ phương mạch Trâm.
 Phân về kinh Túc Thiếu âm,
 Hợp bàng quang phủ, gìn cầm hóa nguyên.
 Tiều rằng : Nam tạng đã biên,
 350- Kia như sáu phủ, xin liền nói ra.
 Dẫn rằng : Cái mật người ta,

Tượng theo xuân mộc, kinh là thiếu dương.
 Đâm ngoài làm phủ cho can,
 Tóm vào muôn mối, việc toan lo lường.
 355- Máy chiều ruột nhỏ tiểu trường,
 Tượng theo hạ hỏa, thái dương kinh cầm.
 Ở ngoài làm phủ cho tâm,
 Nước trôi đem xuống đặng dâm nguồn sinh.
 Vị là kinh Túc Dương minh,
 360- Đứng theo đất chứa, việc mình uống ăn,
 Bao nhiêu nước, xác chứa ngăn,
 Phát ra các chỗ, chịu bằng quan ty.
 Ở ngoài làm phủ cho tỳ,
 Cái bao tử ấy thật ghi công dày.
 365- Đại trường ruột lớn liền đây,
 Dương minh kinh thủ, tượng vầy thu cầm (kim).
 Ngồi theo nhờ phế hơi cầm,
 Vật ăn bã xác xuống hàm phản ra,
 Bàng quang thật bọng đái ta,
 370- Tượng theo đông thủy, kinh là thái dương.
 Ngồi theo ngoài chốn thận hương,
 Hóa hơi nước xuống, làm đường niệu tân.
 Tam tiêu phủ ấy ba tầng,
 Kiêm trên, giữa, dưới, gọi rằng tam tiêu.
 375- Trên thân ăn uống, nạp nhiều,
 Giữa chia trong đực, dưới điều gạn ra.
 Làm đường nước xác trải qua,
 Nhờ ba hơi ấy tiêu hòa máu, hơi.
 Trước sau bữa khắp ba hơi,
 380- Thiếu dương kinh thủ thật nơi dinh người.
 Tiêu rằng : **Kinh lạc mười hai,**
Tạng phủ mười một biết hài thế sao ?

Dẫn rằng : Trước có lời rao :

Quyết âm kinh thủ, tâm bào lạc nêu.

385- Tâm bào cùng phủ tam tiêu,

Trong ngoài hai ấy chia đều âm, dương.

Muốn làm thầy đặng chữ "lương",

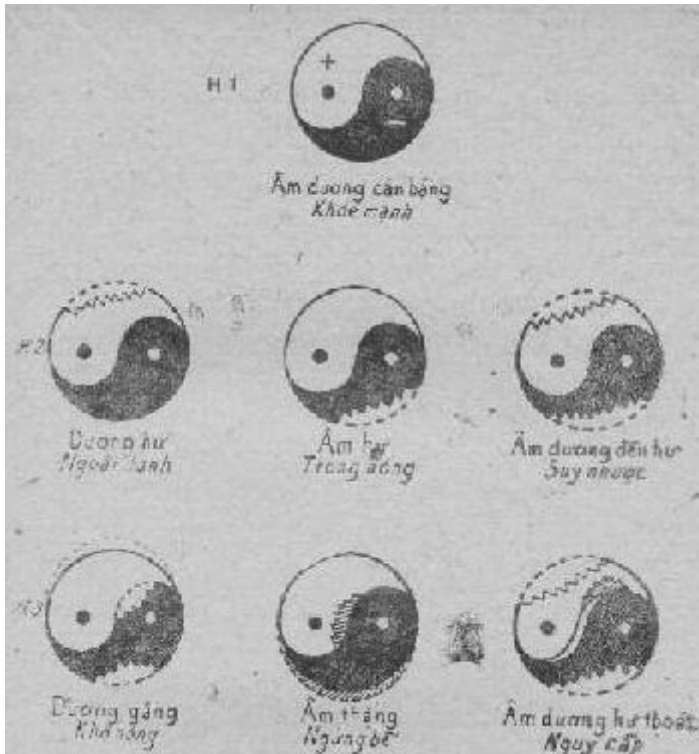
Bệnh trong tạng phủ phải lường thực hư.

Rồi đây hỏi lại Nhân Sư,

390- Xin phân chứng thực, chứng hư cho rành.

Ngư rằng : Kia bốn Ngũ Hành,

Chia ra nẻo khắc, nẻo sinh làm gì ?



Dẫn rằng : Trên, dưới hai nghi,

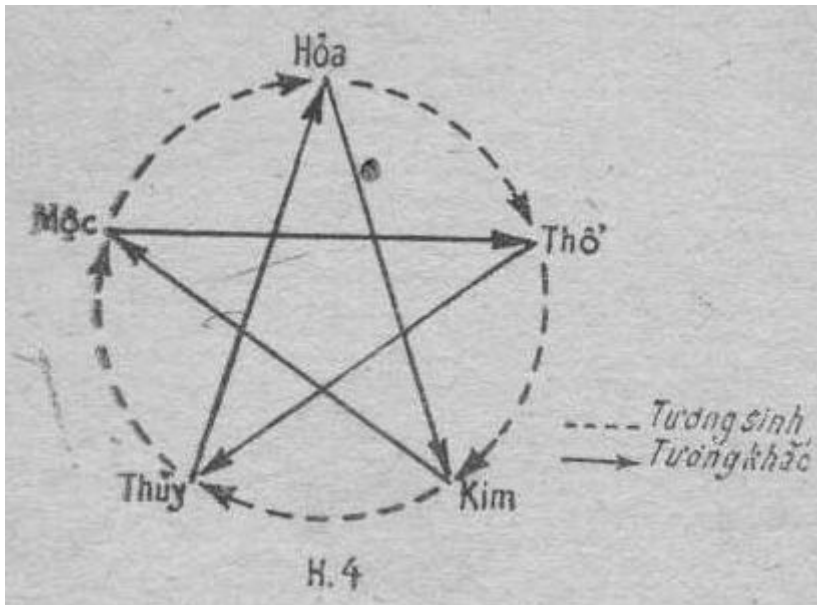
Có năm hành ấy, hoa ky (cơ) xây vắn.

395- Mộc, kim, thủy, hỏa, thổ phân,

Sinh : phần ấy tốt, khắc : phần ấy hư.

Muốn cho rõ lẽ nên hư,

Coi lời sinh khắc tổ sư ca rằng :



IX - Ngũ hành tương sinh ca

(Bài ca về ngũ hành tương sinh)

Dịch nghĩa :

Mộc sinh hỏa chừ, hỏa sinh thổ,
Thổ sinh kim chừ, kim sinh thủy,
Thủy sinh mộc chừ, năm mối sinh,
Trong khoảng trời đất đều tốt lành.

X - Ngũ hành tương khắc ca

(bài ca về ngũ hành tương khắc)

Dịch nghĩa :

Mộc khắc thổ chừ, thổ khắc thủy,
Thủy khắc hỏa chừ, hỏa khắc kim,

Kim khắc mộc chừ, năm mỗi khắc,
Trong khoảng trời đất thảy tai ương.

Ai mà rõ lẽ ngũ hành,
400- Việc trong trời đất dữ lành trước hay.
Trên thời mưa móc, gió mây,
Dưới thời non nước, cỏ cây muôn loài.
Giữa thời nhà cửa, đèn đài,
Năm hành tóm việc ba tài nhỏ to.

405- Ví dù tạo hóa mấy lò,
Hóa công mấy thợ, một pho ngũ hành.
Muôn coi phép ấy cho tinh,
Đồ thư Hà Lạc, Dịch kinh rõ bàn.

Ngư rằng : Nơi ải Thiên Can,
410- Có non Ngũ Vận để toan việc gì ?
Chưa hay chủ vận là chi ?

Lại thêm khách vận, sách ghi rộn ràng ?
Dẫn rằng : Mười chữ thiên can,
Anh em thứ lớp, rõ ràng chẳng sai.

415- Anh em một gái, một trai,
Âm dương chia khác, lâu đài năm phương,
Giáp, Ất: mộc, ở đông phương,
Bính, Đinh: hỏa, ở nam phương tỏ tường.

Mậu, Kỷ: thổ, ở trung ương,
420- **Canh, Tân**: kim, ở tây phương ấy thường.
Nhâm, Quý : thủy, ở bắc phương,
Đều rằng chủ vận, sử đương việc trời.
Năm ngôi chủ vận chẳng dời,
Ngôi nào theo nấy, có lời thơ xưa.

XI - Chủ vận thi

(Bài thơ về chủ vận)

Dịch nghĩa :

Mộc vận bắt đầu từ tiết Đại hàn ;

Hỏa vận bắt đầu từ ba ngày trước tiết Thanh minh;

Thổ vận bắt đầu từ ba ngày sau tiết Mang chủng;

Kim vận bắt đầu từ sáu ngày sau tiết Lập thu ;

Thủy vận bắt đầu từ chín ngày sau tiết Lập đông;

Hết vòng rồi trở lại từ đầu, muôn năm vẫn như vậy.

425- Năm nhà đều có túc duyên,

Vợ chồng phối hợp, tách miền theo nhau.

Anh Giáp, chị Kỷ cưới nhau,

Hóa ra vận thổ, trước sau chẳng lầm.

Ất, Canh hợp lại hóa câm,

430- Đinh, Nhâm hợp lại hóa trâm mộc cây.

Bính, Tân hòa thủy nước đầy,

Anh Mò, chị Quý hóa vầy hỏa quang.

Muôn coi năm hóa tạo đoan.

Gọi rằng khách vận, này chàng nghe thơ.

XII - Khách vận thi

(Bài thơ về khách vận)

Dịch nghĩa :

Giáp Kỷ hóa ra thổ, Ất Canh hóa ra Kim,
Đinh Nhâm hóa ra mộc, tất cả thành rừng,
Bính tân hóa ra thủy, chảy đi cuộn cuộn,
Mậu Quý hóa ra hỏa, bốc lên thành ngọn lửa ở phương
Nam.

435- Kể từ năm ấy hóa ra,
Làm năm vận khách xây mà theo niên.
Trọn mười hai tháng một niên,
Nói theo khách vận, thay phiên đi liền.
Giả như Giáp, Kỷ chi niên,
440- Hóa ra hành thổ, thật truyền vận sơ.
Thổ sinh kim ấy vận nhị,
Kim sinh thủy ấy, lại trì vận ba.
Thủy sinh mộc, vận thứ tư,
Mộc sinh hỏa vận, luận từ năm nay.
445- Mỗi vận bảy mươi hai ngày,
Lại dư năm khắc, cứ vậy tính qua.
Lấy năm Giáp, Kỷ suy ra,
Bao nhiêu năm nữa đều là như đây.
Lại xem vận khách đổi xây,
450- Thái quá bất cập, lẽ này cho mình.
Năm Giáp, Bính, Mậu, Nhâm, Canh,
Thật năm thái quá, đã đành dương phân.
Năm Đinh, Ất, Kỷ, Quý, Tân,
Thật năm bất cập, về phần âm can,

455- Thái quá trước tiết Đại hàn,
Mười ba ngày chẵn, giao bàn tiên thiên.
Bất cập sau tiết Đại hàn,
Mười ba ngày chẵn giao bàn hậu thiên.
Cho hay trời có hậu, tiên,
460- Mười can trên dưới, liền liền xây đi.

Ngư rằng : **Kìa ải Địa Chi,**
Có non Lục Khí, đường đi lộn nhâu.
Chưa hay chủ khí ở đâu,
Lại thêm khách khí, để âu việc gì ?

465- Dẫn rằng : Trong ải Địa Chi,
Có mười hai chữ, thứ đi xây vắn.
Dần, Mão thuộc mộc, mùa xuân,
Ty, Ngọ thuộc hỏa, ở chung mùa hè.
Mùa thu Thân, Dậu, kim khoe,
470- Mùa đông Hợi, Tý, nước be dững tuyền.
Thìn, Tuất, Sửu, Mùi : đất liền,
Vượng theo tứ quý, chở chuyên bốn mùa.
Vậy nên sáu khí ẩn bùa,
Khí phong thứ nhất, thổi lửa gió xuân,
475- Thứ hai, khí hỏa lửa phừng,
Thứ ba, khí thử nóng hừng viêm oai,
Thứ tư, khí thấp ướt bày,
Thứ năm, khí táo ráo bay hơi nồng,
Thứ sáu là khí hàn chung,
480- Sắp ra thứ lớp, giữ trong bốn mùa.
Kêu rằng chủ khí bốn mùa,
Có bài thơ cổ, để tua thuộc lòng.

XIII. Chủ khí thi

(Bài thơ về chủ khí)

Dịch nghĩa :

Khí đầu tiên là khí Quyết âm (phong mộc) bắt đầu từ tiết Đại hàn.

Khí thứ hai là khí quân hỏa, bắt đầu từ tiết Xuân phân.

Khí thứ ba là khí Thiếu dương (tương hỏa), bắt đầu từ tiết Tiểu mãn.

Khí thứ tư là khí thái âm (thấp thổ), bắt đầu từ tiết Đại thử.

Khí thứ năm là khí Dương minh (táo kim), bắt đầu từ tiết Thu phân.

Khí thứ sáu là khí Thái dương (hàn thủy), bắt đầu từ tiết Tiểu tuyết.

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vấn Đáp

Trang 3

Sáu hơi chủ khí chẳng dời,
Năm nào theo nấy, tại trời ở an.
485- Mỗi năm từ tiết Đại hàn,
Chính trong ngày ấy giao sang khí đầu.
Hơi bình chẳng trước, chẳng sau,
"Tề thiên" hai chữ, sách Tàu rõ biên.
Kêu rằng "bình khí chi niên",
490- Cho hay hơi chủ, chính chuyên giữ phòng.
Kể từ sáu cặp đối xung,
Định ngôi khách khí, xây dòng chia ra.
Tý đối với **Ngọ** một toà,
Làm ngôi quân hỏa, ở nhà Thiếu âm.
495- **Sửu**, **Mùi** cặp đối Thái âm.
Làm ngôi thấp thổ, thấm dầm năm phương.
Dần, **Thân** cặp đối Thiếu dương,
Làm ngôi tướng hỏa, sử đương việc mình.
Mão, **Đậu** cặp đối Dương minh,
500- Làm ngôi hàn thủy, băng sương trầm trầm.
Tỵ, **Hợi** cặp đối Quyết âm,
Làm ngôi phong mộc, rầm rầm gió cây.

505- Sáu ngôi khách khí đổi xây,
Giữ trời giữ đất, từ đây chia miền,
Giả như Tý, Ngọ chi niên.
Thật ngôi quân hoả, việc chuyên giữ trời,
Lấy hai năm ấy làm lời,
510- Còn mười năm nữa, cũng dòi như nhau.

XIV- Khách khí thi

(Bài thơ về khách khí)

Dịch nghĩa :

Năm Tý, năm Ngọ, khí Thiếu âm quân hỏa giữ trời,
Còn khí Dương minh tảo kim giữ đất.
Năm Sửu, năm Mùi, khí Thái âm thấp thổ giữ trời,
Còn khí Thái dương hàn thủy giữ đất, mưa liên miên.
Năm Dần, năm Thân, khí Thiếu dương tướng hỏa giữ trời,
Còn khí Quyết âm phong mộc truyền ở trong đất
Năm Mão, năm Dậu thì ngược lại với năm Tý, năm Ngọ,
Các năm Thìn, Tuất, Ty, Hợi, cũng vậy.
(Thìn Tuất ngược lại với Sửu Mùi ; Ty Hợi ngược lại với Dần Thân).

Cho hay quân hỏa giữ trời,
Tảo kim giữ đất, hai nơi cầm quyền.
Một khí ở trên tư thiên,
Hai khí tả hữu xen liền theo bên...
515- Một khí ở dưới tư tuyên,
Hai khí tả hữu xen liền theo bên.

Trên dưới sáu khí chia miền,
Mặt nam, mặt bắc, cầm quyền một niên.
Giả như Tý, Ngọ chi niên.
520- Đất xen bên tả, làm truyền khí sơ,
Trời xen bên hữu, khí nhị,
Tư thiên, ngôi chính, ấy thì khí ba,
Trời xen bên tả, tư ra,
Đất xen bên hữu thật là khí năm,
525- Tư tuyền làm khí sáu chung,
Bốn mùa hơi khách thay dòng đổi xây.
Một khí là sáu mươi ngày,
Tám mươi bảy khắc nửa rày hữu cơ.
Ta nêu hơi khách đầu bờ,
530- Kia lời yếu quyết xưa thờ rất vui.
Mỗi niên thoái lại hai ngôi,
Nhận làm làng khách, cứ xuôi đến liền.
Loại như ngôi Tý tư thiên,
Thoái về ngôi Tuất, ấy biên khí đầu.
535- Hai heo, ba chuột, bốn trâu,
Năm hùm, sáu thỏ, trọn xâu tư tuyền.
Lại như ngôi Mão tư thiên,
Thoái về ngôi Sửu, đấy truyền khí sơ.
Hai hùm, ba thỏ, bốn rồng,
540- Năm rắn, sáu ngựa, trọn công tư tuyền.
Lấy hai năm ấy lệ biên,
Bao nhiêu năm nữa, cũng truyền có phiên.
Như năm thấp thổ tư thiên,
Thời ngôi hàn thủy tư tuyền, là phiên,
545- Như năm hàn thủy tư thiên,
Thời ngôi thấp thổ tư tuyền, đôi phiên,
Như năm tướng hoả tư thiên,

Thời ngôi phong mộc tư tuyền, đến phiên,
Như năm phong mộc tư thiên,
550- Thời ngôi tướng hỏa tư tuyền trọn niên.
Lại coi khách khí dưới trên,
Chính hoá, đối hoá, hai bên chẳng đồng.
Sáu năm chính hóa gốc trồng,
Ngựa, dê, gà, cọp, heo, rồng lung tung,
555- Sáu năm đối hóa ngọn duồng,
Chuột, trâu, khỉ, thỏ, rắn, muông đua giành.
Chính hóa theo gốc, số sinh,
Đối hóa theo ngọn, số thành, thực, hư.
Cho hay chữ "thực", chữ "hư",
560- Rằng "tiêu", rằng "bân" đều từ ấy ra.
Sau rồi dở sách y tra,
Tiềm tâm mới thấy lời ta tỏ bày.

Tiêu rằng : Trời đất máy xây,
Năm vận, sáu khí, nghe nay tỏ tường.
565- Còn e khách, chủ hai đường,
Theo niên chộn rộn, khó toan rẽ rời.

Dẫn rằng : Vận lấy vận coi,
Khí theo khí xét, có mò sách biên.
Giả như Giáp tý chi niên,
570- Khách vận, khách khí, chia quyền một năm.
Giáp làm thổ vận mỗi cầm,
Tý làm quân hỏa, khí thâm xây đi.
Khách gia trên chủ, chẳng vì,

Chủ lòng dưới khách, hóa khi ngưng tà.

575- Thời trời bởi ấy chẳng hòa,

Trái theo hơn thiệt, mới ra bất tề.

Mùa xuân hơi ấm chẳng về,

Lại thêm hơi gió thê thê, ớn mình.

Mùa hè hơi nóng chẳng lành,

580- Khí âm núp ở, nóng giành ngôi dương.

Mùa thu chẳng trọn khí lương,

Dầm dề mưa khô, đi đường kêu than.

Mùa đông chẳng vẹn khí hàn,

Xen hơi nóng rực, giá tan keo hình.

585- Phong hơn thời đất rêm mình,

Hòa hơn thời đất quánh hình sượng câm,

Thử hơn thời đất nóng hằm,

Thấp hơn thời đất ướt dầm bùn ô,

Táo hơn thời đất ráo khô,

590- Hàn hơn thời đất nứt mô, lở về.

Nhớ câu: "khí hậu bất tề",

Nhiều hơi độc ác, đổ về dân đau.

Cho hay chủ khách sinh nhau,

Gọi rằng "tương đắc", trước sau hòa lành.

595- Chín e khách khí khắc giành,

Rằng "không tương đắc", mới sinh bệnh tà.

Ngũ hành con soán ngôi cha,

Gọi rằng "bất đáng" mới ra lẽ ngay.

Tiêu rằng : Khí vận biến vậy,

600- Mấy năm thuận, nghịch, xin thầy chia riêng,

Dẫn rằng : **Y học** rõ biên,
 Năm nào vận khắc tư thiên, nghịch tâm,
 Tư thiên sinh vận, thuận tâm,
 Vận đồng với khí, rằng năm thiên phù.
 605- Sáu mươi năm giáp một chu,
 Mười hai năm gọi thiên phù rõ phân.
 Loại như Mậu tý, Mậu dần,
 Mậu thân, Mậu ngọ, Bính Thìn, Tuất chi.
 Cùng năm Kỷ sửu, Kỷ vị,
 610- Mão Dậu hai Ất; Hợi, Tý hai Đinh,
 Cho hay vận khí đồng tình,
 Mười hai năm ấy thật danh thiên phù.
 Vận lên ngôi khí ở sau,
 Gọi rằng tuế hội, đếm đầu tám chi.
 615- Loại như Kỷ sửu, Kỷ vị,
 Giáp Thìn, Giáp Tuất, Thổ vị Thổ làm.
 Đinh Mão Mộc, Ất Dậu Kim (kim),
 Bính Tý, Mậu Ngọ, nước ngâm lửa dầu.
 Thiên phù, tuế hội hợp nhau,
 620- Gọi rằng thái Ất thiên phù, bốn chi.
 Loại như Kỷ sửu, Kỷ vị,
 Ất Dậu, Mậu Ngọ, hơi đi một bờ.
 Lấy năm coi tháng, ngày, giờ,
 Tháng, ngày, giờ cũng có cờ tư thiên.
 625- Giả như Mậu Ngọ ngày Kiên (kiến),
 Vận đồng với khí, là duyên thiên phù.
 Cho hay tuế hội, thiên phù,
 Gặp ngày năm ấy, bệnh đau khó lành.
 Ta nay ước nói việc **Kinh**,
 630- Máy trời lắm chỗ gặp ghèn sâu xa.
 Mười hai năm gọi bất hòa,

Bởi vận khắc khí, mới ra bất bình.
Mười hai năm gọi thiên hình,
Bởi khí khắc vận, đua giành tai nguy.
635- Vận mà sinh khí, lỗi nghi,
Gọi rằng tiêu nghịch thị phi nhộn nhàng.
Khí mà sinh vận thời an,
Gọi rằng thuận hóa, muôn ngàn cõi vui.
Nhiệm mầu chẳng những vậy thôi,
640- Can chi còn có hai ngôi đức phù.
Lại đồng tuế hội, thiên phù.
Vận đi suy tỵ phải âu xét bàn.

Nội kinh câu chữ rõ ràng :

"Cang hại, thừa chế", khuyên chàng gắng coi.
645- Hữu dư, bất túc rẽ rời,
Xuất, nhập, thăng, giáng, hãm hòi chẳng ngoa.
Mỗi năm trước vẽ đồ ra,
Xét so vận khí chính, tà thời hay.
N như vậy mới phải gọi thầy,
650- Giúp công hóa dục, nuôi bầy dân đen.
E người học đạo chẳng chuyên,
Vào tai ra miệng, luống phiền lòng ta.

Tiêu rằng : **Kinh** nghĩa kín, xa,
Một câu "cang hại..." nghe qua chưa tường.

655- Dẫn rằng : Đây gặp giữa đường,
Nói phô kinh sách, mang trưng khó lòng.
Muốn cho biết lẽ tinh thông,

Lần vào cửa đạo, hỏi ông Đan Kỳ.
Học cho thấy chỗ u vi,
660- Phép màu ý nhiệm, rộng suy giúp đời.

Ngư rằng : Xin dạy cạn lời,
Trong rừng **Bản thảo** nhiều nơi chưa tường.
Kìa mười hai bộ đan phương,
Mấy mùi, mấy tính, mở đường từ ai ?

665- Dẫn rằng : **Bản thảo** nhiều loài,
Kể ra cho hết chuyện này và lâu.
Một bộ *kim thạch* ở đầu,
Trăm ba mươi tám giống suu đá vàng.
Một bộ *thảo thượng* giàu sang,
670- Chín mươi lăm giống, rõ ràng hột hoa.
Một bộ *thảo trung* nổi ra,
Chín mươi bảy giống gốc, chà, lá cây.
Một bộ *thảo hạ* rộng xây,
Trăm hai mươi có ba loài củ căn.
675- Một bộ *mộc thụ* giăng giăng,
Một trăm sáu chục bảy, rằng giống cây.
Một bộ *nhân* ấy thuốc vầy,
Có hai chục vị đủ xây ra dùng.
Một bộ *thú* vật thuốc sung,
680- Chín mươi một giống mật, lòng, da, xương.
Một bộ *cầm điều* thuốc thường,
Ba mươi bốn giống, đều dường cánh lông.
Một bộ *trùng ngư* thuốc chung,

Chín mươi chín giống, non sông khắp vời.

685- Một bộ *mễ cốc* nuôi đời,

Ba mươi tám giống, nơi nơi vun trồng.

Một bộ *quả phẩm* thanh phong,

Có bốn mươi giống trái nòng hơi hương.

Một bộ *sơ thái* khắp phương,

690- Sáu mươi hai giống, lá vườn thơm tho.

Cộng mười hai bộ toán cho,

Một nghìn bốn vị, đều lò hóa công.

Từ xưa có họ Thần Nông,

Thay trời trị vật, tấm lòng yêu dân.

695- Trải đi nếm vị khổ tân,

Một ngày hơn bảy mươi lần trúng thương.

Thử rồi muôn vật âm dương,

Dọn làm **Bản thảo** để phương cứu đời.

Thuộc tuy nhiều vị, khác hơi,

700- Chẳng qua sáu tính, ở nơi năm mùi.

Năm mùi dưới đất nên hình,

Trên trời cho tính, rộng vinh theo mùa,

Đắng, cay, ngọt, lạt, mặn, chua,

Năm mùi hơi giúp, khá tua chia bàn.

705- Cay thời hay nhóm hay tan,

Chua hay thâm góp, mặn ăn nhuyển bền.

Đắng thời hay dội nóng lên,

Ngọt hay lời chậm, lạt nên lọc lường.

Vị cay, ngọt, lạt thuộc dương,

710- Vị chua, đắng mặn tỏ tường thuộc âm.

Có vị dương ở trong âm,

Âm trong dương, ấy máy cầm nhiệm thay,

Khác nhau hơi mỏng, hơi dày,

Hơi trong, hơi đục, chỗ thay chẳng đồng.

715- Trộn gìn sáu tính linh thông,
 Gọi rằng "thăng, giáng" ấy cùng "ôn, lương",
 Bồ hư, tả thực mọi giường,
 Cho hay tính thuốc nhiều đường sâu xa.
 Xưa chia năm vị ấy ra,
 720- Làm binh sáu cửa, ngăn tà sáu dâm.
 Phong mòn cây gió âm âm.
 Có mùi cay mát giữ cầm nửa phong.
 Lửa hùng cửa nhiệt nóng hung.
 Có mùi mặn lạnh, chỗ phòng nhiệt môn.
 725- Đất trong cửa thấp ướt dòn,
 Có mùi cay nóng giữ dòn thấp quan.
 Vàng nằm cửa táo khô khan,
 Có mùi đắng âm giữ đàn táo hương.
 Nước là cửa lạnh băng sương,
 730- Có mùi cay nóng giữ đường hàn môn.
 Lại thêm sang độc một môn,
 Nhóm mùi thuốc ghê, đóng dòn ngoại khoa.
 Phải coi năm vị ấy ra,
 Gọi là úy ố, gọi là phản nhau.
 735- Có mười tám vị phản nhau,
 Lại mười chín vị úy nhau chẳng hiền.
 Sách y xưa có lời biên,
 Phản cùng úy ố nhà truyền lời ca.

XV.- Thập bát phản ca
 (Bài ca về mười tám vị thuốc trái nhau)
 Dịch nghĩa :

Bản thảo nói rõ mười tám vị thuốc trái nhau :

Bán hạ, Qua lâu, Bối mẫu, Bạch liễm, Bạch cập đều trái với Ô đầu.

Hải tảo, Đại kích, Cam toại, Nguyên hoa đều trái với Cam thảo.

Các loại sâm (Nhân sâm, Huyền sâm, Đan sâm, Khổ sâm...), Tế tân, Bạch thược đều trái với Lê lô.

XVI.- Thập cửu úy ca

(Bài ca về mười chín vị thuốc sợ nhau)

Dịch nghĩa :

Lư hoàng vốn là tinh túy của lửa,

Một khi gặp Phác tiêu liền tranh nhau.

Thủy ngân chớ để gặp Tỳ sương.

Lang độc rất sợ Mật đà tăng.

Ba đậu là vị tính dữ nhất,

Riêng không thuận tình cùng Khiên ngư,

Đinh hương chớ để gặp Uất kim.

Nha tiêu khó hợp cùng Kinh tam lăng.

Xuyên ô, Thảo ô không thuận với tê giác.

Nhân sâm rất sợ Ngũ linh chi.

Quan quế điều hòa khí lạnh rất hay,

Nhưng nếu gặp Thạch chi sẽ mất công hiệu.

Phạm chế thuốc phải xem tính thuận nghịch của các vị.

Nếu nghịch thì bào chế đừng để lẫn với nhau.

Ngư rằng : Xin cặn lời trao,

740- Lệ xưa dùng thuốc đường nào đắng tình ?

Dẫn rằng : Gắng sức học hành,

Rộng xem sách thuốc, gấm tình dùng phương.

Nhớ câu đối chứng lập phương,

Quân, thần, tá, sứ đo lường chớ sai.

745- Vua tôi hoà hợp theo loài,

Đừng cho phản úy làm tai hại người.

Mở ra mấy cửa chỉ người,

Bảy phương đã sẵn, lại mười tể dư.

Phương là đại, tiểu, ngẫu, cơ,

750- Phúc, cùng hoãn, cấp, sờ sờ khá trông.

Tể là bổ, tả, tuyên, thông,

Trọng, khinh, hoạt, sáp, táo cùng thấp thôi.

Bảy phương, mười tể biết rồi,

Mặc trau thang, tán, mặc dồi hoàn, đan.

755- Làm thang, làm tán, làm hoàn,

Ít nhiều cân lượng đón bàn phân minh.

Phải coi vị thuốc cho rành,

Gạn màu thật, giả, xét hình mới, lâu.

Lại xem bào chế phép màu,

760- Khuyên đừng lỗi tính, nào cầu khéo tay.

Sẵn dùng muối mặn, gừng cay,

Dấm chua, mật ngọt, rượu say, đồng tiền (tiện).

Coi theo vị thuốc chế liền,

Hoặc sao, hoặc nướng, hoặc chuyên nấu dầm.

765- Chớ cho vị độc hại thâm,

Khiến vào kinh lạc chẳng làm mới hay.

Mật ong vào phế là thầy,

Muối kia vào thận, dấm này vào can.
Nước gừng vào chỗ tỳ quan,
770- Rượu cùng nước đái vào đàng tâm kinh.
Cho hay mấy vị dẫn kinh.
Muốn nên công hiệu, phải tinh chế dùng.
Vị nào dùng sống, sạch tinh,
Vị nào dùng chín tốt hình mới nên.
775- Lại gìn năm cấm chớ quên,
Răn người uống thuốc cho bền cữ ăn.
Mặn thời máu chạy làm nhăng,
Hơi ôi bệnh huyết chớ ăn mặn mòi.
Cay thời hơi chạy chẳng thôi,
780- Hơi ôi bệnh khí chớ giời ăn cay.
Đắng thời hay chạy xương ngay,
Hơi ôi cốt bệnh đắng rày chớ ăn,
Chua thời hay chạy gân sấn,
Hơi ôi cân bệnh chớ ăn chua nhiều.
785- Ngọt thời thịt chạy có chiều,
Hơi ôi nhục bệnh chớ nhiều ngọt ăn.
Thánh xưa cận kề bảo răn,
Hễ bụng thuốc uống, vật ăn phải dè.
Vật ăn nhiều món khát khe,
790- Miệng thềm chẳng nhin, thời e hại mình.
Giả như thuốc có Truật, Linh,
Thấy mùi tỏi, dấm thật tình chẳng ưa.
Uống trà thời chớ ăn dưa,
Hoàng liên, Cát cánh phải chừa thịt heo.
795- Thường sơn, hành sống chẳng theo,
Địa hoàng, củ cải, lại chèo nhau ra.
Thịt trâu, Ngưu tất tránh xa,
Xương bồ, Bán hạ chẳng hoà thịt dê.

Vật ăn khắc thuốc bộn bề,
800- Mỡ, dầu, thịt, cá ê hề...noi dai.
Trái cây rau sống nhiều loài,
Cữ kiêng thời khá, kèo nài thời đau.
Ta xin đón nói một câu :
"Bệnh tòng khẩu nhập", phải âu giữ mình.
805- Phép dùng thuốc muốn cho tinh,
Hợp theo nước, lửa, sinh, thành số dương.
Như vậy mới thật tiên phương,
Mới rằng tâm pháp rộng đường xưa nay,
Sau rồi coi sách thời hay,
810- Lời ca thi quyết ta nay truyền lòng :

XVII.- Dụng dược tổng quyết

(Tổng quyết về phép dùng thuốc)

Dịch nghĩa :

Các vị làm quân, làm thần phải hòa hợp, không trái nghịch.

Bảy phương mười tể đều có phép tắc,

Hoặc sắc thành thang, viên làm hoàn, tán làm bột, luyện làm đan, liệu mà
châm chước.

Các vị thuốc thực, giả, mới, cũ phải xem xét tỉ mỉ.

Theo phép tắc mà bào chế, chớ cậy khéo léo,

Vị chín thì thắng, vị sống thì giáng, phép cũ định rồi.

Cho uống kịp thời, lại phải biết những điều kiêng kỵ,

Dùng cho đúng và hợp, không sơ sót, đó là thuốc tiên .

XVIII.- Chế dược yếu phương

(Những điều quan trọng trong việc chế thuốc)

Dịch nghĩa :

Nguyên hoa vốn lợi thủy, nhưng không sao dấm không thông.
Đậu xanh vốn giải độc, nhưng để nguyên vỏ không công hiệu,
Thảo quả chữa đầy bụng, nhưng để vỏ lại sinh tức ngực,
Hắc sủu để sống lợi thủy, gặp Viễn chí thành có độc,
Bồ hoàng để sống thông huyết, dùng chín thì bỏ huyết.
Địa du là thuốc cầm huyết, nhưng dùng ngọn thì huyết không cầm.
Trần bì chuyên chữa khí, nếu để cả màng trắng thì bỏ vị.
Phụ tử là vị cứu dương, nếu dùng sống thì chữa được bệnh phong ngứa.
Thảo ô chữa phong tê, nhưng dùng sống lại gây bệnh.
Nhân sâm đốt qua hãy dùng.
Các loại đá thì phải nung,
Ngâm dấm thì mới tán nhỏ được,
Lễ lới phải cho khéo.
Xuyên khung phải sao bỏ chất dầu, vì dùng sống sinh tê đau.

XIX.- Dược hữu cứu trần ca

(Bài ca về kinh nghiệm dùng chín vị thuốc)

Dịch nghĩa :

Trần bì, Bán hạ với Hương nhu,
Chỉ thực, Chỉ xác, Ngô thù du,
Kinh giới, Ma hoàng cùng Lang độc,
Muốn hay, cần phải để cho lâu.

Tiêu rằng : Xuân, hạ, thu, đông,
Bốn mùa dùng thuốc chữa thông đạo thường.

Dẫn rằng : Trời bốn khí thường,
Xuân ôn hạ nhiệt, thu lương, đông hàn.
815- Theo mùa dùng thuốc thời an,
Mùa nào khí nấy, phải toan nhớ dôi.
Mùa xuân thời khí nóng bồi,
Hốt trong thang thuốc gia mùi thanh lương.
Mùa hè thời khí nóng thương,
820- Hốt trong thang thuốc thêm lương cho nhiều,
Mùa thu khí mát hiu hiu,
Gia vào vị ấm mới điều hơi dương.
Mùa đông khí lạnh thấu xương,
Gia vào vị nóng ngăn đường tà âm,
825- Nào lo trị bệnh, thuốc lành,
Bốn mùa tay thước đều cầm ở ta.
Kinh rằng : "Vật phật thiên hòa,
Tất tiên tuế khí" ấy là lời ngay.
Đạo thường giữ vậy thời hay,
830- Dù nhằm bệnh biến mặc tay dùng quyền.
Làm thầy há dễ một thiên,
Lòng hay chế biến cho chuyên mới ròng.

Tiêu rằng : Tinh thuốc bằng thông,
Cứ theo **Bản thảo** xây dùng nên chăng ?

835- Dẫn rằng : **Bản thảo** có ngần,
Coi kinh **Tổ vấn** bệnh căn mới tường :
Biết đau bởi khí nào thương,
Thừa theo tính thuốc, dựng phương ra dùng.
Hồi ôi học thuốc dày công,
840- Còn nhiều phép bí ở ông Đan Kỳ.

Ngư rằng : **Mỗi đạo** rùng Y,
Nổi qua mở lại, tên gì xin nghe ?

Dẫn rằng : Ta chẳng nói khoe,
Lớn thay đạo thuốc chống bè hóa công.
845- Viêm Hoàng là họ Thần Nông,
Dọn ra **Bản thảo**, thật công mở đầu.
Có vua Hoàng Đế ráp sau,
Cùng ông Kỳ Bá hỏi nhau nạn đời.
Nội kinh từ ấy nên lời,
850- Văn trời, lý đất, bệnh người đủ biên.
Nhờ câu "y đạo đại nguyên",
Một pho **Tổ vấn** lưu truyền xưa nay.
Hai mươi bốn quyển rõ bày,
Trong chia tám chục một rày thiên danh.
855- Mấy lời đại luận rất tinh.
Phép màu, ý nhiệm máy linh không cùng.
Vẽ đường kinh lạc ngoài trong,
Xây năm vận khí, cách chồng theo năm,
Trị ngoài có phép biếm châm,

860- Trong thời thang dịch sửa cầm mạng dân.

Từ Hiên, Kỳ thị xuống lần,

Đời nào cũng có bậc thần thánh ra.

Như ông Biển Thước nhà ta,

Tám mươi một quyển gọi là **Nạn kinh**.

865- Như ông Hoàng Phủ tài lành,

Dọn **Kinh Giáp Ất** để danh thơm đời,

Hán, Đường nhần xuống nhiều đời,

Ông Trương Trọng Cảnh mấy người dám tham ?

Coi pho **Kim quĩ ngọc hàm**

870- Trong, ngoài, hư, thực, phép làm rộng xa.

Hà Gian Lưu tử nổi ra,

Bệnh nguyên, Yếu chỉ, sách nhà hai pho.

Đông Viên ông Lý trời cho,

Mười pho bạt tụy, ý dò thăm sâu.

875- Đan Khê lại có thầy Chu,

Nhóm kinh sách thuốc đặng pho đại thành.

Ấy đều nơi gốc **Nội kinh**,

Diễn ra làm sách tinh anh cứu người.

Y thư kể hết các nơi,

880- Buồn trâu đầy cột, sách đời biết bao.

Tiêu rằng : **Sách thuốc chào rào,**

Bọn ta tính học bộ nào cho hay ?

Dẫn rằng : Đạo thuốc xưa nay,

Hơn trăm bộ sách, đều tay thánh hiền.

885- Người sau lấy việc công truyền,

Tới trong có chỗ chú biên lỗi lầm.
Hỡi ai muốn trọn đạo tâm,
Xét nguồn, tỏ gốc, rộng tâm trong **Kinh**.
Nghĩa trong **Kinh** biết đặng tinh,
890- Chỗ hay nường lấy ý mình suy ra.
Lại coi các sách bách gia,
"Chiết trung" hai chữ, mặc ta học đòi.
Đạo đời ai dễ giầu mòi ?
Dón nơi đại khái, hẩn hời chỉ cho.
895- Trước coi **Bản thảo** làm đồ,
Sau xem **Tổ vấn**, chín so bệnh tình.
Muốn sai vị thuốc hành kinh,
Lôi công Bào chế phép linh để lòng.
Muốn xây thang dịch cho ròng,
900- Phép ông Y Doãn, tới trong lo lường.
Bệnh người ngoại cảm nhiều phương,
Học ông Trọng Cảnh một đường cho chuyên.
Nội thương học phép Đông Viên,
Bao nhiêu chứng nhiệt học quyền Hà Gian.
905- Kia như tạt bệnh nhộn nhàng,
Đan Khê phép cũ, khuyên chàng sử đương.
Mạch kinh đọc sách họ Vương,
Sự thân đọc sách ông Trương Tử Hòa.
Hỡi ơi nghề thuốc lắm khoa,
910- Kể cho hết sách, nói ra bấu thừa.
Sách nhiều mà lý càng thừa,
Phương nhiều mà phép so xưa lỗi dòng
Muốn cho nguồn sạch dòng trong,
Nêu ngay bóng thẳng, ghi lòng lời ta.

915- Ngự rằng : **Miếu tổ một toà,**
Thờ trong bài vị ấy là bậc chi ?

Dẫn rằng : Trong miếu rừng y,
Tổ xưa vốn họ Phục Hy làm đầu.
Thiên nguyên ngọc sách trước trau,
920- Mười đời tới Quý Du Khu đọc truyền.
Linh khu, Tổ vắn noi biên,
Nói theo vua thánh, tôi hiền dạy ra.
Họ tên kẻ đặng mười ba,
Đều người thượng cổ y khoa mở dòng.
925- Nho y bốn chục một ông,
Đều người kinh sử dày công học hành.
Theo trong khoa mục là mình,
Trương, Tôn bọn ấy đổi danh trên đời.
Mình y chín chục tám người,
930- Tần, Sào bọn ấy tài tươi sáng lò.
Thế y hai chục sáu nhà,
Lâu, Từ bọn ấy nối cha nghiệp này.
Đức y mười có tám thầy,
Từ, Tiền bọn ấy lòng đầy yêu thương.
935- Tiên y như bọn Trường Tang,
Có mười chín họ, truyền phang nhiệm màu.
Tính danh cộng đếm trước sau,
Hai trăm một chục năm đầu tiên sư,

Tiêu rằng : **Trước họ Phục Hy,**
940- Chưa hay nghề thuốc tên chi mở đàn ?

Dẫn rằng : Người thuở Tam hoàng,
Có ông Tụ Thái mở mang mối đầu.
Dạy ông Kỳ Bá học sau,
Huyết do kinh lạc, phép mầu cứu châm.

945- Ngự rằng : Trong phép cứu châm,
Chẳng chờ thuốc uống mà âm dương hòa.
Xin lời vàng ngọc nhả ra,
Sách ông nào bí, về ta học hành.

Dẫn rằng : Muốn học máy linh,
950- Cõi chùng trời đất trong hình người ta.
Độ trời giáp một năm qua,
Ba trăm sáu chục lẻ ra năm ngày,
Mình người kẻ khắp chân tay,
Ba trăm sáu chục năm vài lóng xương.
955- Đếm theo kinh lạc âm dương,
Ba trăm sáu chục năm đường huyết danh,
Khá coi Hoàng Phủ **Châm kinh**,
Cảnh Khôi Cứu pháp cùng Minh Đường đồ
Huyết nào sâu cạn phải đo,
960- Bệnh nào bỏ tả phải dò cho thông,
Nhớ câu "đoạt được chi công",
Phép châm cứu ấy chẳng đồng phương thơ (thư).

Tiêu rằng : Ta hãy còn mờ,
Ngoại khoa phép bí, biết thờ ông chi ?

965- Dẫn rằng : Từ thuở Hiên, Kỳ,
Có ông Du Phủ khôn bì ngoại phang,
Bệnh người chẳng dụng thuốc thang,
Xẻ đầu, mổ bụng, rửa gan, cạo trường,
Hoa Đà sách cũng khác thường,
970- Hùng kinh chi cổ, nhiều phương rất kỳ.
Cho hay mấy bậc thần y,
Để kinh sách lại thiếu gì ngoại khoa.
Đan Khê sau nhóm các nhà,
Bổ di một bộ ngoại khoa thêm rành.
975- Khuyên người gắng đọc **Nội kinh**,
Sờ sâu, mò kín, tỏ tình ngoài, trong.

Ngư rằng : Kia bốn lầu song,
Chưa hay bốn ấy để phòng coi chi ?

Dẫn rằng : Tâm pháp nhà y,
980- Vọng, văn, vấn, thiết, chữ ghi bốn lầu,
Vọng là xem sắc người đau,
Văn là nghe tiếng nói màu thấp cao,
Vấn là hỏi chứng làm sao,
Thiết là coi mạch bộ nào thật hư.
985- Sau rồi thông thả học sư,
Bốn lời yếu quyết ta chừ đọc cho.

XX.- Quan hình sát sắc

(Xem hình dáng, xét khí sắc)

Dịch nghĩa :

Thứ nhất là xem thần khí, sắc của người bệnh,
Xem nhuận hay khô, gầy hay béo, dậy cùng nằm thế nào.
Nhuận thì sống, khô thì chết, béo là thực,
Gầy là hư yếu, xưa nay vẫn truyền.
Lom khom là trong lưng đau, nhìn biết ngay.
Chau mày là nhức đầu, chóng mặt.
Tay không nhấc lên được là vai và lưng đau.
Bước đi khó nhọc là đau trong khoảng ống chân,
Chấp tay đè trước ngực là trong ngực đau,
Đè trước rốn là đau trong vùng bụng,
Trở dậy không ngủ được là đờm và nhiệt;
Thích ngủ là vì lạnh và hư khiến nên,
Quay mặt vào vách nằm co ro, phần nhiều là vì lạnh.
Ngửa mặt nằm sổng soãi là vì bị nóng nung nấu.
Mặt, trên người và con mắt có màu vàng là bị bệnh thấp nhiệt.
Môi xanh, mặt xạm đen cũng là bị lạnh như trên.

XXI.- Thính thanh âm

(Nghe giọng, xét tiếng nói)

Dịch nghĩa :

Thứ hai là nghe xem tiếng trong hay đục;
Xét xem người bệnh nói thật hay nói xàm.
Tiếng đục biết ngay là bị đờm vướng lấp;

Tiếng trong, đó là vì bị lạnh ở bên trong,
Lời nói rõ ràng thì không phải là thực nhiệt;
Nói bậy và kêu gào thì bệnh nhiệt đã sâu lắm rồi.
Nói chuyện ma quỷ, lại còn trèo tường, leo mái nhà,
Đó là ngực bụng có động đờm, gọi là bệnh điên.
Lại có thứ bệnh kéo dài đã lâu ngày,
Bỗng nhiên mất tiếng, thì mạng ôi thôi !

XXII.- Vấn chứng

(Hỏi chứng lạnh)

Dịch nghĩa :

Thử hỏi đầu mình có đau hay không,
Nóng lạnh không ngót thì rõ ràng là bệnh ngoại cảm.
Bàn tay nóng, ăn không biết ngon,
Đó là nội thương vì ăn uống hay nhọc mệt quá sức.
Trong lòng bồn chồn lại thêm bị ho,
Người gầy gò, đó là chứng âm hư hỏa động.
Trừ ba chứng ấy ra, còn thì các chứng khác,
Như sốt rét, kiết lỵ đều có tên.
Từ đầu tới chân phải hỏi cho rõ.
Chứng bệnh tương tự, cần nghe cho cận kề,

XXIII.- Chẩn mạch (Xem mạch)

Thốn quan xích định vị

(Xác định vị trí các bộ Thốn, Quan, Xích)

Dịch nghĩa :

Chỗ xương cao ở sau bàn tay gọi là Quan.
Bên xương ấy mạch quan hiện rõ ràng.

Lần lượt suy ra mà đặt Thốn, Quan, Xích.
Ba bộ ấy ứng với tạng tài là thiên, địa, nhân.

Tạng phủ định vị
(xác định vị trí các tạng phủ)

Dịch nghĩa :

Tay trái là tim, ruột non, gan, mật, thận ;

Tay phải là phổi, ruột già, lá lách, dạ dày và mệnh môn.

Tim và ruột non ứng với bộ Thốn tay trái.

Gan, mật cùng hội về bộ Quan tay trái.

Mạch thận nguyên ở bộ Xích tay trái.

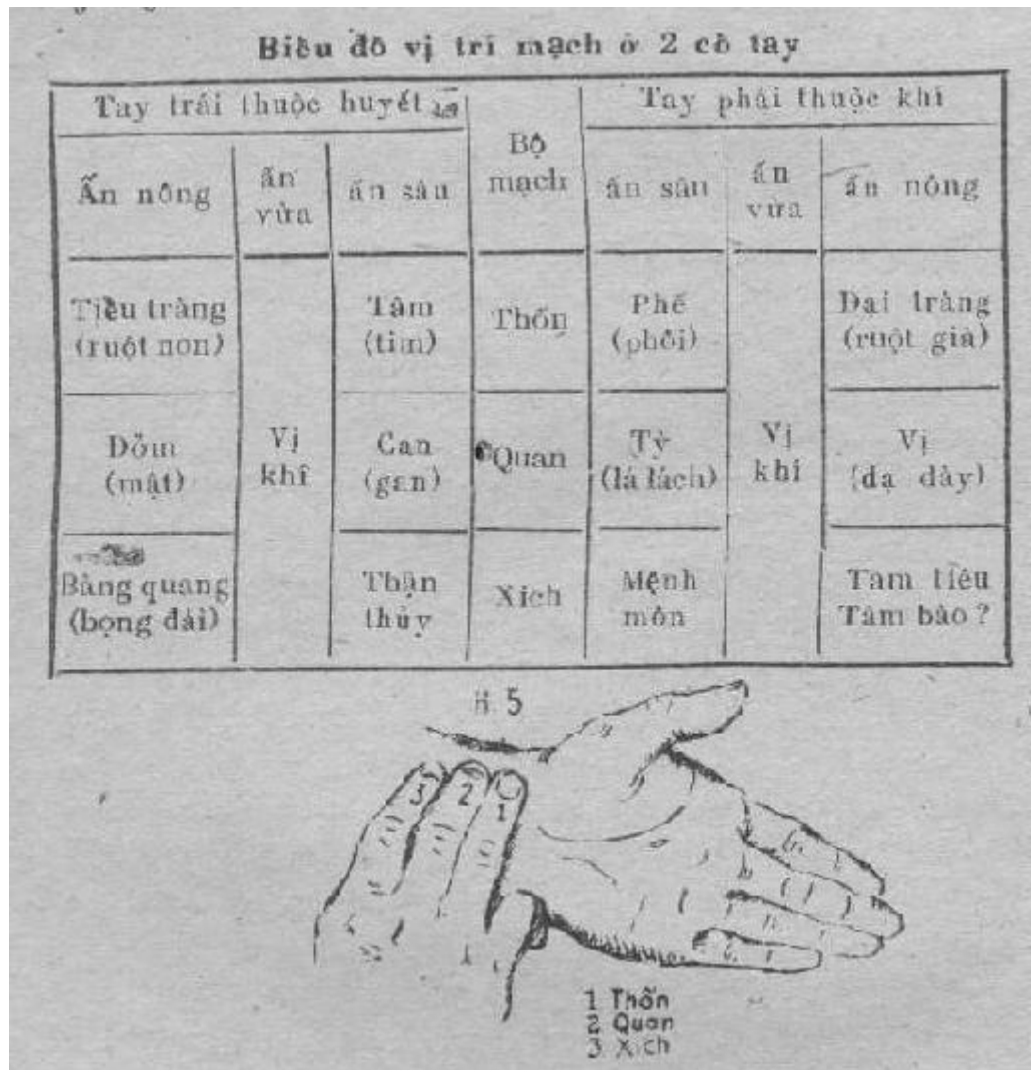
Bàng quang là phủ của thận cũng ở đây.

Phổi cùng ruột già ứng với bộ Thốn tay phải.

Lá lách, dạ dày xem ở bộ Quan tay phải.

Màng tim sóng đôi với tam tiêu, hợp với bộ Xích tay phải.

Đó là bí quyết cho kẻ mới học nghề y.



Tiêu rãng : Xem bệnh tử sinh,
 Phép ông nào trọn, xin rành dạy ta ?

Dẫn rằng : Xưa có Thúc Hòa,
 990- Xem hình, xét sắc, ít nhà dám chê.
 Chẳng chờ miệng nói tai nghe,
 Mấy mòi sống thác khôn che mắt thần.

Nay trau con mắt phong trần,
Coi lời ca quyết sáng ngần hơn châu.

XXIV.- Vương Thúc Hòa quan bệnh sinh tử hậu ca
(Bài ca về phép xem triệu bệnh sống chết của Vương Thúc Hòa)

Dịch nghĩa :

Bệnh sắp khỏi, vè mắt có sắc vàng (vị khí đã lưu hành).
Vành quanh mắt thành linh trũng xuống, biết chắc là chết
(ngũ tạng tuyệt).

Tai, mắt, mũi, miệng nổi sắc đen,
Đã lan vào đến miệng thì mười phần có đến tám là khó cứu
(thận khí chế vị khí),

Mặt vàng, mắt xanh thường do uống rượu quá say,
Dễ gió tà xông vào vị nên mất mạng (mộc khắc thổ).

Mặt đen, mắt trắng là mệnh môn hồng.

Trong người lại thấy quá nhọc mệt, thì tám ngày chết.

Trên mặt thành linh thấy có sắc xanh,

Nếu như dần dần trở thành màu đen là chết, khó cứu (can
và thận tuyệt).

Mặt đỏ, mắt trắng, lại thở khò khè thì rất đáng sợ,

Đợi qua mười ngày sẽ rõ sống hay chết (hỏa khắc kim).

Sắc vàng, đen, trắng nổi lên chạy vào mắt,

Vào cả mũi, miệng là có tai vạ (thận chế tỳ).

Nếu lại thêm mặt xanh, mắt vàng thì giờ Ngọ sẽ chết,

Còn lại thì cũng chỉ sống trong vài ngày là cùng (mộc khắc
thổ).

Mắt không có tinh thần, lợi răng có sắc đen (tâm và can

tuyệt).

Mặt trắng, mắt đen cũng là tai vạ (phế và thận tuyệt)

Miệng mở ra như miệng cá, không ngậm lại được (tỳ tuyệt),

Thở ra mà không hít vào thì mạng lên tiên (can và thận đã tuyệt trước).

Vai xo lên, mắt trợn ngược, môi khô,

Mặt sưng lên, mắt trợn ngược, môi khô,

Mặt sưng lên lại có sắc xám hay đen cũng khó thoát chết.

Nói xàm bậy bạ hay không nói gì,

Hơi thở nặng mùi như xác chết, biết là không thọ (tâm tuyệt).

Nhân trung đầy hết lên, miệng và môi xanh,

Nên biết là ba ngày mạng không còn (mộc khắc thổ).

Chỗ giáp lưỡng quyền (hai gò má) đỏ, là bệnh tim đã lâu.

Miệng há, thở ra thì mạng khó sống (tỳ và phế tuyệt).

Chân đau, ngón sưng, đầu gối sưng to như cái đầu,

Nên biết là khó giữ mạng sống trong mười ngày (tỳ tuyệt).

Gân cổ lỏng lẻo biết chắc là chết (mạch Đốc tuyệt).

Trong lòng bàn tay không còn ngón vết cũng sống không lâu (màng tim tuyệt).

Môi xanh, mình lạnh, nước tiểu cứ són ra (bọng đái tuyệt).

Thấy đồ ăn thức uống thì quay mặt đi, hẹn trong bốn ngày sẽ chết (can tuyệt)

Móng chân, móng tay đều xanh đen,

Xương sống đau, lưng nặng, trở mình khó,

Đó là xương tuyệt, năm ngày rồi xem.

Mình nặng, nước tiểu đỏ lại són ra không ngớt,

Đó là thịt tuyệt, sáu ngày là chết.

Móng chân, móng tay xanh, thường chửi rửa la hét,

Đó là gân tuyệt, khó qua được chín ngày.

Tóc cứng như sợi gai, nửa ngày là chết (ruột non tuyệt).
Lần áo, nói chuyện chết, mười phần biết là hồng (tâm tuyệt).

995- Ngự rằng : **Mạch lý u vi,**
Chưa hay hình trạng mạch đi ít nhiều ?

Dẫn rằng : **Tên mạch rất nhiều,**
Hai mươi tám trang sách nêu rõ ràng.
Chẳng qua hai chữ âm dương,
1000- Muốn cho phân biệt coi thường lẽ biên.

XXV.- Chu mạch thể trạng
(Hình trạng các mạch)
Dịch nghĩa :
Mạch **Phù** ấn xuống thấy yếu, nâng lên thấy mạnh,
Mạch **Trầm** ấn xuống thấy mạnh, nâng lên thì không thấy,
Mạch **Trì**, một hơi thở đến ba lượt.
Mạch **Sắc** một hơi thở đến sáu lần.
Mạch **Hoạt** như chuổi hạt trai và đi, lại mau,
Mạch **Sắc** đi lại vương như róc da tre.
Mạch **Đại** ấn nổi thì đầy ngón tay, ấn chìm thì không có sức,
Mạch **Hoãn** so với mạch **Trì** nhanh hơn chút,
Mạch **Hồng** như nước lụt nổi sóng lên.

Mạch **Thực** ấn thấy găng tay, mạnh khác hẳn.
Mạch **Huyền** thẳng rỗng như giương dây cung.
Mạch **Khẩn** như là mới kéo dây, vắn chặc.
Mạch **Trường** qua ngón tay, ra ngoài bộ.
Mạch **Khâu** hai đầu có mà giữa thừa không.
Mạch **Vi** như tơ nhện, khá dễ xét.
Mạch **Tế** đi lại như sợi chỉ càng dễ coi,
Mạch **Nhu** không có sức không ưa ấn.
Mạch **Nhược** thì như muốn đứt, nửa có, nửa không,
Mạch **Hư** tuy mở rộng song không chắc,
Mạch **Cách**, rất bền vững, như ấn vào da trống.
Mạch **Động** như hạt đậu lăn, không có đi, lại,
Mạch **Tán** chốc chốc mới thoáng tới đầu ngón tay.
Mạch **Phục** ấn xuống sát xương mới thấy.
Mạch **Tuyệt** thì không có hẳn, tìm cũng uống công,
Mạch **Đoản** ngay trong bộ cũng không tới.
Mạch **Xúc** đến mau gấp, dần dần khoan đi là đáng mừng.
Mạch **Kết** đi chậm, thỉnh thoảng lại dừng.
Mạch **Đại** cũng dừng giữa chừng mà không trở lại được.

Tiêu rằng : Tên mạch đã trao,
Mạch nào chuyên chủ bệnh nào xin nghe.

Dẫn rằng : Chẳng méch chẳng phe,
Mạch nào chứng nấy, tay đè thì hay.
1005- Xiết bao trong sách nhiều thầy,
Sẵn lời ca quyết ta rày vẽ người.

XXVI.- Chư mạch chủ bệnh

(Các bệnh thể hiện qua hình trạng mạch)

Dịch nghĩa :

Phù là bệnh phong, Khâu là bệnh huyết, Hoạt là nhiều đờm,

Thực là bệnh nhiệt, Huyền là bệnh lao, Khẩn là bị đau đớn.

Hồng là bệnh nhiệt, Vi là bệnh hàn, đều tích tụ dưới rốn.

Trầm là đau vì khí, Hoãn thì da tê.

Sắc là bị tổn tinh âm, hại huyết.

Trì cũng là bệnh lạnh, Phục là bệnh ở cách quan.

Nhu thường bị toát mồ hôi, riêng người già thường mắc.

Nhược là tinh khí thiếu, xương và thân thể ê ẩm,

Trường là khí tốt, Đoản thì khí bị bệnh.

Tế là khí ít, Đại là khí suy.

Xúc là bệnh nhiệt cùng cực, Kết là tích tụ.

Hur là bệnh kinh giật, Động là thoát bị ra máu liên tiếp.

Sác là bệnh trong lòng buồn bực, Đại là bệnh đang tiến.

Cách là bệnh di tinh, băng huyết, cũng lạ lòng thay.

Tiêu rằng : **Thầy thuốc nói thường,**

Thất biểu, bát lý, chín đường mạch chi ?

Dẫn rằng : Ấy thật tục y,

1010- Thấy đâu nói đó, biết gì **Mạch kinh,**

Ta từng coi sách **Mạch kinh,**

Chín đường, biểu, lý, không danh mục đề.

Mạch kinh đã chẳng nêu đề,

Đến ông Trọng Cảnh rờng nghề nào biên.

1015- Ngư rằng : **Gốc bởi ai truyền,**

Cớ sao sách thuốc còn biên làm gì ?

Dẫn rằng : **Sách thuốc thiếu chi,**

"Hãn ngư sung đồng" câu ghi trước tường.
Gốc ra từ họ cao Dương,
1020- Đặt tên mạch ấy mạo Vương Thúc Hoà.
Nổi sau, họ Đới đồng ra,
Mạch thư san ngộ cứu tra dọn rồi.
Đan Khê chẳng nở bỏ trôi
Đề cho hậu học làm dùi chiết trung.
1025- Hời ôi mạch lý nhiều ông,
Ông nào ý nấy, rỗng rỗng đua nhau.
Những kiêm nhau với giống nhau,
Coi vào mạch lý lộn nhàu như tương.
Nói cho rộng chước y phương,
1030- Rọt đồng hồ, cũng về đường tứ tông.
Phù, Trâm, Trì, Sác, tứ tông,
Tóm coi ba bộ cho rỗng thời hay.
Nghìn xưa bốn mạch đón thay !
Lời ca tâm pháp ta nay thuộc lòng :

XXVII.- Tổng Khan tam bộ mạch pháp

(Tổng quát về phép xem mạch ba bộ)

Dịch nghĩa :

Mạch hội ở kinh Thái âm, xem ở đó có thể biết sống chết,

Thốn, Quan, Xích đủ cả tình hình âm dương.

Bằng ba cách ấn nổi, ấn giữa, ấn chìm mà biết mạch đi trì
hay sác.

Thuận hay nghịch, thực hay hư đều ứng với ngũ hành.

Nào cửu hậu, nào thập biến, rất là phiền phức

Nhưng đều do tạng phủ hợp lại mà thành ra.

Mạch ba bộ mà đủ thì dễ biết bệnh,
Nhưng nếu khi đến, khi không đến thì thật khó có bằng cứ.

Mạch lên, xuống, đi, lại đều có dấu vết,
Nên tìm mạch, tay phải cứng và nằm ngang.
Duy có mạch Thiên hòa thì không ứng,
Nhảy gập khác thường là thuộc kỳ kinh.

Một mạch mà biến hai lần chớ lo là lạ,
Nam hay nữ cũng vậy, nếu thấy nó giữa giờ Dần chớ lo sợ
hảo,
Năm mươi là số chót của phép Thái diễn,
Theo ngôi chủ tiên thiên mới biết là thiêng liêng.

Bốn mùa đều lấy khí của vị làm gốc,
Sáu Giáp kế tiếp nhau như anh với em.
Gọn gàng thay phép tứ mạch để lại cho ngàn đời,
Lập ra then chốt để xem động tĩnh thật giản dị và rõ ràng.

Chẳng cần hỏi ở kinh nào hay tạng phủ nào,
Chỉ cần định ninh xét rõ mạch mạnh hay yếu.
Muốn rõ gốc nguồn, không có sự khéo léo nào khác,
Chỉ cốt là khi xem mạch thì tâm thần phải trong sạch.

1035- Phép hay nhóm một thiên này,

Ý sâu, nghĩa kín, vốn thầy bách gia.

Thêm còn Y quán dộn tra

Kiên lời tiểu tự biên ra hẳn hoi.

Cứ theo thiên ấy tóm coi,

1040- Thực hư ba bộ, biết mời tử sinh.

Lạ thay mấy mạch kỳ kinh,

Thiên hoà, chẳng ứng nhiều anh dốt ngằm.
Ngư rằng : **Tám biển Y lâm**,
Chữ "Tam Công" ấy, chủ cầm ý chi ?
1045- Dẫn rằng : Bốn chữ phép kỳ,
"Vọng, văn, vắn, thiết", bậc ghi ba tầng.
Thượng công là chữ "vọng văn",
Trung công chữ "vắn" chủ rằng thông minh.
Hạ công chữ "thiết" đã đành,
1050- Trong ba bậc ấy tài lành khác nhau.
Ba công nghề nghiệp lau làu,
Coi kinh **Tổ vắn** thấy màu thợ hay.
Ngư, Tiêu, đều dầy vòng tay,
Rằng : Xin lạy tạ gặp nay lời lành.
1055- Tuy chưa đến cửa cao minh,
Trước đã nghe dạy mở tranh lấp rào.
Mấy hồi lòng chịu miệng trao,
Phá ngu phát rậm, biết bao nhiêu lời.
Bấy lâu ngồi giếng xem trời,
1060- Dòm beo trong ống, đạo đời biết đâu.
Dẫn rằng : Bằng hữu giúp nhau,
Miễn cho trọn nghĩa theo câu ngũ thường.
Phản ta học hãy tầm thường,
Còn nhờ một bạn tên Đường Nhập Môn.
1065- Nhập Môn học có tiếng đồn,
Rộng thông kinh sử, trí khôn vượt bầy.
Nhà nho đèn sách công dày,
Tài kiêm tám đấu, sách đầy năm xe.
Văn chương ai cũng muốn nghe,
1070- Phun châu, nhả ngọc báu khoe tinh thần.
Vì câu "sinh bất phùng thần",
Đẹp nghề của Không theo phần kỹ lưu.

Đan Kỳ đồ đệ trước sau,
Đều nhường tên ấy ở đầu y sinh.
1075- Ngư, Tiều nghe nói tỏ tình,
Nhìn rằng tên ấy tiền trình vốn quen,
Nhớ xưa cũng bạn sách đèn,
Nước loạn nên mới thân hèn lìa nhau.
Tấm lòng mơ tưởng bấy lâu,
1080- Chưa hay tông tích ở đâu đi tầm (tìm) .
Ngư, Tiều đang lối mừng thầm,
Xây nghe ngoài cửa tiếng ngâm thơ rền,
Gió trong đưa đất hơi lên,
Trước am Bảo Dưỡng nghe rền lời thơ,

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vãn Đáp

Trang 4

XXVIII.- Nhập môn ngâm thơ rằng :

Hoa cỏ ngùi ngóng gió đông,
Chúa xuân đâu hỡi, có hay không ?
Mây giăng ải bắc trông tin nhận,
Ngày xé non nam bật tiếng hồng.
Bờ cõi xưa đã chia đất khác,
Nắng sương nay há đội trời hung,
Chùng nào thánh đế ân soi thấu
Một trận mưa nhuần rửa núi sông

1085- Nghe rồi Đạo Dẫn vội vàng,
Bước ra trước cửa rước chàng Nhập Môn.
Ngư, Tiều nhìn thấy Nhập Môn,
Chạnh lòng bạn cũ, bồn chồn hỏi chào,
Miệng cười mà nước mắt trào,
1090- Mừng thương giao cách, biết bao nhiêu tình.

Mừng là mừng gặp bạn lành,
Thương là thương đạo ở mình hèn lâu.
Luống ôm bấu tốt mình châu,
Ở nơi nước tối, ai hầu biết ai.
1095- Cách nhau mười mấy năm dài,
Gặp nhau một thuở, dễ phai lòng này.
Việc nhà ấm lạnh rủi may,
Cùng nhau trót đã tỏ bày căn duyên.

Môn rằng: **Cám cảnh bạn hiền,**
1100- Người sông, kẻ núi lưu liên bấy chầy.
Từ năm dứt hội rồng mây,
Những ngờ chúng bạn theo bầy tinh chiên.
Buồn xem trong đất U Yên,
Y quan xưa hóa nón chiên áo cầu.
1105- Người so cầm thú khác nhau,
Vì nơi lễ nghĩa, giữ câu cương thường.
Tuy rằng ở cuộc tang thương,
Tấm lòng ngay thảo nào thường đổi xây.
Hai người tài trí vượt bầy,
1110- Chẳng tham danh lợi buổi này khá khen

Dẫn rằng : **Mấy mặt như sen,**
Đứng trong bùn lấm, mà bèn sạch trơn.
Chưa hay trong ý cao hơn (nhân),
Lời thơ ngâm trước còn hờn, trông chi ?

1115- Môn rằng: Ta đọc sách y,
Thấy trong vận khí xây đi nhiều tòa,
Trời đông mà gió tây qua,
Hai hơi ẩm mát chẳng hòa, đau dân.
Nhớ câu "vận bệnh hồi xuân",
1120- Đòi ngày lương đợi Đông quân cứu đời.

Tiêu rằng : Nào xiết lo đời,
"Vinh, khô" hai chữ, mặc trời chủ trương.
Thánh kinh còn chữ "xuân vương",
Trong, ngoài, há dễ lộn đường Hoa, Di.
1125- Đạo đời có thịnh có suy,
Hết cơn bế bĩ, đến kỳ thái hanh,

Ngư rằng : Gặp thuở thái hanh,
Bọn ta cũng dựng rạng danh nước nhà,
Chín e đời xuống càng xa,
1130- Tấm lòng nhân dục đắm sa lở bờ.

Dẫn rằng : Gặp bạn Thi,Thư,
Luống bàn lý sự, bao giờ cho xong.
Ai ai cũng có tấm lòng,
Biển sâu chưa hẳn đục trong lẽ nào.
1135- Nay xin mở tiệc tửu hào,
Phú thi vài lời tấm phào nghe chơi.

Ngư, Tiều, Môn, Dẫn bốn người,
Cùng nhau ăn uống vui cười ngỗ nguê.

Môn rằng: Nam, bắc, đông, tây (tây),
1140- Gặp nay thơ biết cảnh đề ra chi ?

Dẫn rằng : Nào phải trường thi,
Ra đề hạn vận, một khi buộc ràng !
Trượng phu có khí ngang tàng,
Rộng cho phóng tứ làm bàn thi tiên.
1145- Noi theo đạo cũ kim liên,
Cùng nhau xướng họa đoản thiên nói bài.
Mặc dù hai chữ tả hoài,
Việc xưa được mất bởi ai, có gì ?
Người xưa sao có thị phi ?
1150- Đạo đời sao có thịnh suy chẳng đồng ?
Học theo ngài viết chí công,
Trong thơ cho ngụ tấm lòng Xuân Thu.

Họ Đường mở vận xướng đầu,
Sau Châu Đạo Dẫn nói theo họa liền.

XXIX.- Nhập môn xướng rằng :
Đời hoàng rồi đế, đế rồi vương,
Từ đầu vương sau bá dạn đường.

Ai cấm đình Chu người Sở hỏi,
Mây trời đã mở tiệm giày sương.

XXX.- Đạo Dẫn họa rằng :
Nghìn năm có một hội minh lương,
Vua thánh tôi hiền vững bốn phương.
Nhớ thuở khóc lân treo bút đạo,
Mặc tình trời đất với quân vương.

XXXI.- Nhập môn xướng rằng :
Tà thuyết đưa ra lấp nẻo đường,
Bủa lời Dương, Mặc, nét Thân, Hàn.
Sự đời bóng rọi cười ông Lão,
Nợ nước khô lâu khóc họ Trang.

XXXII.- Tiêu họa rằng :
Nửa nghìn chưa gặp vận sông Vàng,
Năm nhạc, hơi che một chữ quang,
Khổng thánh còn mang lời hạ quý,
Mạnh hiền luống chịu tiếng Tàng Thương.

XXXIII.- Nhập Môn xướng rằng :
Kiếm phù Hán tổ đãi Hàn công,
Nệm gối Đường tông sánh vợ chồng.
Hai chữ cương thường như thế ấy,
Dầu lân, diêm phụng, vội khôn trông.

XXXIV.- Ngự họa rằng :

Bạo Tàn dọn chỗ sẵn cho Lưu,
Trời khiến bấy hùng dấy đuổi hươu.
Lửa đốt A Phòng đền lửa sách,
Hầm chôn hàng tốt trả hầm nhu (nhỏ).

XXXV.- Đạo Dẫn ngâm rằng :

Thuở nào năm ngựa lội sông nam,
Lắm bậc tài danh mấy có làm
Người Địch chống chèo thẻ cũng luống,
Họ Đào vận bạch sức còn tham.

XXXVI.- Nhập Môn ngâm rằng :

Công danh bọn trước rủi xiêu bề,
Biển bụi lênh đênh sóng gió đè.
Rồng phụng Kinh Châu còn mắc núp,
Chó gà Tề khách chớ nên khoe.

XXXVII.- Tiêu ngâm rằng :

"Mông thỏ, cung chim" tiếng trước de,
Tôi người họ Lục chở đầy xe,
Kén tơ kéo hết ra thân nhộng,
Hơi tiếng kêu còn nhọc sức ve,

XXXVIII.- Ngự ngâm rằng :
Tàu ngựa cầm trâu, trước lối nghi.
Năm Hồ roi dấu lấp đường đi.
Việc đời hỏi tới người mò rận,
Nạn nước trông về kẻ bán ky.

XXXIX.- Nhập Môn ngâm rằng :
Cuộc cờ thúc quý ngựa xe đua,
Nay chúa, mai tôi, lộn ẩn bùa.
Một núi ông Đoàn riêng trốn khách,
Năm triều người Đạo nhọc thờ vua.

1155- Bốn người họa xướng thơ rồi,
Thứ này Đạo Dẫn phản hồi Đông Thanh,

Dẫn rằng : Bên quán Đông Thanh,
Ngày mai đã đến giờ lành luyện đan.
Ta xin về chốn luyện đan,
1160- Ngự, Tiều người phải theo Đường Nhập Môn.
Hai người nay gặp Nhập Môn,
Theo nhau cho trọn một phồn nho y,
Phản ta theo việc tiên y,
Ngày sau cũng tới Đan Kỳ hợp nhau,

1165- Ngự, Tiều nghe nói dầu dầu,
Muốn theo Đạo Dẫn trước sau vuông tròn.

Riêng hiềm một nỗi vợ con,
Trần duyên chưa mãn, khó lòng động tiên,
Trót đà chịu phép chân truyền,
1170- Ở am Bảo Dưỡng hỏi biên năm ngày.
Tuy chưa đủ thấy nghề hay,
Song nhờ dạy vẽ, công dày, ơn sâu.
Nửa đường đây lại chia nhau,
Khiến lòng bịn rịn, mặt sầu chẳng vui.
1175- Rót ba chén rượu phụng bồi,
Lễ đưa Đạo Dẫn, một hồi tạm ly.

Tiêu rằng: Chưa đến Đan Kỳ,
Mười phần đường thuốc, mới đi năm phần.
Mấy ngày nghe đạo truân truân,
1180- Như mình ngồi giữa gió xuân hơi hòa.
Xưa rằng : "Ích hữu có ba",
Giúp ta lành ấy cũng là ngô sư.

Môn rằng : Đạo Dẫn đã đi,
Bữa nay cũng vắng Đan Kỳ thầy ta.
1185- Nhân khi gặp tiết thưởng hoa,
Bạn hiền mời nhóm chơi toà Thiên Thai.
Mỗi phen chơi cảnh Thiên thai,
Cầm, kỳ, thi , tửu, tiệc dai quên về,
Thầy đi chưa hẹn ngày về,
1190- Xin hai người hãy đề huề theo ta.
Theo ta tới chỗ riêng nhà,
Ở chờ vài bữa rồi qua Đan Kỳ.

Ngư,Tiêu theo Nhập Môn đi,
Tách am Bảo Dưỡng đến Y quán rồi.
1195- Từ nay Y quán lần hồi,
Đến nhà thông thả tiệc bồi vui say.
Họ Bào, họ Mộng lối này,
Ở nơi đường thị lâu ngày học riêng.
Sẵn sàng nghề nghiệp thầy truyền,
1200- Vây nhau bàn luận, hỏi biên phép mẫu,
Lại đem vấn đáp chuyện đầu,
Tra vào sách thuốc, câu câu chẳng lằm.

Môn rằng : **Bạn cũ thanh khâm,**
Mừng nay đặt chữ đồng tâm giúp đời,
1205- Chi lan thơm cũng một hơi,
Chớ chê bỉ thử, mờ lời keo sơn.
Nhớ câu "Thủ thiện phụ nhân",
Nhờ người biết trước mở lần biết sau.
Mấy lời Đạo Dẫn vẽ đâu.
1210- Chỗ nào sót ý, phải âu xét bàn,
Miễn cho thấy đạo rõ ràng,
Chớ e hỏi dưới ngỗ ngang hổ người.

Tiêu rằng : **Muốn học làm người,**
Đã đi cầu đạo, sợ cười chê chi.
1215- Chưa hay trước cõi rừng Y,
Có trông Âm Chất, việc gì kể ra ?

Môn rằng : Thứ nhất y khoa,
Chữ kêu "âm chất", thật là âm công.
Xưa rằng : Thầy thuốc học thông,
1220- Thể theo trời đất một lòng hiếu sinh.
Giúp đời chẳng vụ tiếng danh,
Chẳng màng của lợi, chẳng ganh ghét tài,
Biết không, không biết mặc ai,
Chuyên nghề làm phải, chẳng mài thiết hơn.
1225- Trọn mình noi nghĩa ở nhơn (nhân).
Bo bo giữ việc ra ơn, làm lành.
Bệnh nào cho thuốc chẳng lành,
Nhỏ lòng lo sợ, xét mình phải chẳng.
Vốn không theo thói tham nhăng,
1230- Nhân khi bệnh ngặt, đòi ăn của nhiều.
Cũng không ghé mắt coi dè,
Chỗ giàu trân trọng, chỗ nghèo đảo điên.
Đòi nhiều thầy thuốc bất thiên,
Đủ tiền đủ vị, thiếu tiền hốt vờ.
1235- Mở coi trong sách y thư,
Nêu thiên **Âm chất** chỗ nhờ sinh linh.
Phong, lao, các chứng thiên hình,
Gặp thời thương xót, bệnh tình khôn toan.
Chẳng nên láu táu khoe khoang,
1240- Lấy tiền ăn trước, cuốn đàng chạy sau.
Thấy người đau, giống mình đau,
Phương nào cứu đặng, mau mau trị lành.
Ăn mày cũng đũa trời sinh,
Bệnh còn cứu đặng, thuốc đành cho không.
1245- Tổ xưa thuốc điểm mắt rờng,

Thuốc châm môi cộp, khổ công đường nào,
Chữ **Kinh** "ngô dữ ngô bào".
Nghĩ dân cùng vật lẽ sao cũng đồng.
Nhớ câu "Y tích âm công",
1250- Ta nên chứa phúc để dùng lâu thay !
Hỡi ai có bụng như vậy,
Đạo y ngày sáng, tiếng thầy nào hư,

Ngư rằng : Nhà đạo chẳng hư.
Bởi thầy trước để phúc dư đã đành.
1255- Đến như người tục làm lành,
Chưa hay âm chất có thành cùng chẳng?

Môn rằng : Âm chất không ngần,
Việc làm lành ấy, há ngăn người nào ?
Giàu thời bắt chước xưa hào,
1260- Nợ lâu đốt khế, lúa vào đong ra,
Con ai cô quạnh mẹ cha,
Lớn khôn chọn gả, bé nhà gìn nuôi.
Thấy người đói khó chó nguôi,
Chỗ cho cơm áo, chỗ giới tiền lương,
1265- Chỗ thời thí được, thí quan,
Chỗ thời giúp táng, trợ tang vuông tròn.
Bạn nghèo chôn bạn giùm con,
Nhà con vợ sẵn hầu non cho về.
Vàng quên, của gửi trả về,
1270- Thế thường, thay nạm, người bia nhờ mình.
Sang thời bắt chước xưa mình,

Ân từ rửa sạch tình hình dân oan.
 Noi câu "xuất tội hoạt hàng",
 Cứu tai muôn họ, dấy đảng lợi sinh,
 1275- Nghèo thời bắt chước xưa thanh,
 Gặp nạn trút đây, cứu sinh mạng người.
 Tập theo nghề thuốc cứu người,
 Cứu đui, cứu ngọng, ai cười trời thây.
 Phóng hư, phóng hạc theo bầy,
 1280- Bắc cầu đưa kiến, làm thầy quạ đau.
 Hèn thời bắt chước xưa tu,
 Vá giày, vá dép, công phu lợp nhà.
 Hoặc khi khâm liệm, khiêng ma,
 Việc người khó nhọc, thầy ra sức giùm.
 1285- Ấy là âm chất cả dùng,
 Lấy câu "vi thiện" kể chung phẩm người.
 Đến như âm chất gốc trời,
 Ở câu hiếu thuận, đời đời bia son.
 Người xưa giữ vẹn đạo con,
 1290- Thảo nhờ cha mẹ, thuận tròn nghĩa thân.
 Sống thời bắt chước thầy Tăng,
 Hôm mai nuôi miệng lại phẫn nuôi lòng.
 Thác thời bắt chước Chu công,
 "Lành noi lành nối", dấu ông chú rằng.
 1295- Thường thời bắt chước vua Văn,
 Sớm khuya thăm hỏi, bữa ăn kính hầu.
 Biến thời bắt chước họ Ngu,
 Lân lân đồ đất, khỏi câu gian tà.
 Chuyện khôn xiết kể trăm nhà,
 1300- Kia làm con thảo, sinh ra cháu lành.
 Hễ như mấy kẻ có danh,
 Hai mươi bốn thảo, tiếng lành đồn xa,

Bằng ai bắt chước nhà va,
Hết lòng thảo thuận, ấy là âm công.
1305- Cho hay gốc lớn vững trồng,
VẬY sau dòng lớn mới không mối đường.
Coi pho **Vĩnh loại kiềng phươg**,
Thể nhân vị lực, thời tường các danh.

Tiêu rằng : **Hỏi việc bất bình**,
1310- Xưa nay nhiều kẻ làm lành làm duyên.
Những người cùng Phật, cùng Tiên,
Cắt chùa, cắt miếu, bạc tiền đua nhau.
Những người đắp sửa đường cầu,
Làm chay hát bội, của giàu thí ra,
1315- Ta nghe làm phúc nhiều nhà,
Cớ sao mắc họa lại ra bần xừ ?

Môn rằng: **Đời lăm danh hư**,
So câu "tích thiện hữu dư " sao nhằm ?
Kẻ giàu muốnặng ngàn trăm,
1320- Cho vay một vốn, bốn năm mười lời,
Kẻ sang cậy thế lăm hơi,
Tham lam của quấy, ăn chơi mấy ngày
Lấy câu hãn huyết chi tài,
Cúng cho chùa miếu, nào ai chứng lòng.
1325- Trong mình thảo thuận vốn không,
Gọi là làm phúc, phúc trông vào đâu?
Coi câu "Thiện ác đáo đầu..",
Lành đâu có trả, dữ đâu có đền.

Người tua xét lại hai bên,
1330- Ít lành, nhiều dữ, chẳng nên trách trời.

Tiêu rằng : **Trước Đạo Dẫn** mời,
Đến am Bảo Dưỡng kẻ nơi trướng này.
Chưa hay **Âm Chất** trướng này,
Có am Bảo Dưỡng ở vậy theo chi ?

1335- Môn rằng : **Chỗ** dạy nhà y,
Đã tu âm chất phải vì tám thân.
Tiếc yêu hai chữ "tinh thần",
Nhảy vòng thực sắc, theo phàn đấm lung.
Dù không biết chước gìn long,
1340- Theo bề **Lục Tặc** hại trong lẽ trời.

Ở mình đã tối lẽ trời,
Làm thầy cứu mạng giúp đời sao xong,
Muốn cho thần sáng, tinh rỗng,
Giữ nuôi khí huyết, ngăn lòng dục sâu,

1345- Thử coi **Tổ vấn** thiên đầu,
Kỳ Hoàng tôi chúa hỏi nhau rõ ràng,
Kỳ Hoàng xưa đã mở đàn,
Sách y nay có lời bàn **Thiên chân**.

Thiên chân tiết giải rõ phân,
1350- Coi vào thấy gốc, giữ thân nuôi lòng.
Muốn bề ăn ở đặng xong.
Rượu trà có bữa, việc phòng chó dâm.
Người nào đàm hỏa hư âm,
Lời bàn **Nhự đạm** phải tầm (tìm) chín coi,

1355- Người nào tình dục không soi,
Lời bàn **Âm hỏa** phải coi cho ròng.
Cho hay thực sắc đấm lòng,
Người nhiều thềm muốn, khá phòng khá răn.
Ta nghe thánh trước bảo răn :
1360- "Đau hay cầu thuốc, chi bằng ngựa đau".
Biết người trước khỏi bệnh đau,
Máu hơi đầy đủ, tuổi đầu sống dai,

Tiêu rãng : **Xưa ấy sống dai,**
Nay nhiều chết trẻ, cũng loài vi nhân.
1365- **Cớ sao thọ yếu khác phần,**
Hoặc là thiên quý độ lần sai chăng ?

Nhập môn giây phút than rằng:
"Xưa nay một lẽ", thầy hằng dạy ta.
Người xưa ăn ở thật thà,
1370- Ít ai đấm rượu tham hoa quên mình.
Vốn không làm quấy nhọc hình,
Nào lo mắc bệnh thất tình, lục dâm.
"Thiên niên" hai chữ trọn cầm,
Vừa chừng trăm tuổi mới trăm về quê.
1375- Người nay ăn ở khác bề,
Rượu dâm trong bụng, sắc kẻ bên thân.
No say rồi lửa dục hùng,
Đốt trong khí huyết, tinh thần còn chi ?
Chịu đau lấy chứng nan y,
1380- Bốn năm mươi tuổi chết đi uống đời,

Coi thiên **Bảo dưỡng** mấy lời,
Biết người thọ, yếu, số trời nào riêng,
Thường nghe thiên quý số biên,
Con trai, con gái, xưa truyền như nay,

1385- Gái sinh, *bảy* tuổi răng thay,
Tóc lần lần rậm, phần đầy hơi âm.
Hai bảy thông mạch Xung Nhâm,
Gọi "thiên quý chí", mở trâm nguyệt kinh.
Ba bảy hơi thận quân bình,
1390- Răng cùng mọc đủ, trong mình mới sung,
Bốn bảy gân cốt đều sung,
Tóc đen dài tóc, hình dung trắng phỉ.
Năm bảy Dương minh mạch suy,
Tóc dài hầu rụng, diện bì hết non.
1395- *Sáu bảy* hơi dương trên mồn,
Tóc rậm mặt ngắn, ít còn như xưa.
Bảy bảy Xung Nhâm mạch hư,
Gọi "thiên quý kiệt" mới từ đường kinh.
Hỡi ôi ! phận gái chữ trinh,
140- *Bốn* mươi chín tuổi, hết sinh đẻ rồi.

Con trai *tám* tuổi thận bồi,
Răng thay, tóc rậm, vừa ngôi tiểu đồng,
Hai tám hơi thận mới sung,
Rằng "thiên quý chí" mạch thông, tinh đầy.
1405- *Ba tám* răng cứng, tóc mây,
Bốn tám xương đá, gân dây, mạnh kỳ.
Năm tám hơi thận mới suy,
Tóc răng hầu mồi, diện bì hầu tiêu.
Sáu tám tóc rụng răng xiêu,

1410- *Bảy tám* xương mõi, gân teo, da dòn.
Tám tám tạng phủ đều thun,
Rằng "thiên quý kiệt" lạnh lùng hơi dương.

Cho hay thiên quý số thường,
Con trai, con gái, một đường xưa nay,
1415- Bằng ai bảo dưỡng thời may,
Ngoài tuần thiên quý còn bày gót lân.
Bằng ai tửu sắc quá chừng,
Dầu còn thiên quý trong tuần, cũng hư.

Tiêu rằng : **Rõ lẽ nên hư,**
1420- "**Dưỡng sinh**" hai chữ tinh như lời này,
Có sao còn kẻ chơi mây,
Lìa đời, dứt thói, gọi thầy tu tiên ?

Môn rằng: **Một việc tu tiên,**
Xưa vua Hoàng Đế phép truyền gây ra.
1425- Sau rồi phép ấy sai ngoa,
Đòi sau phương sĩ lấy tà hoặc nhân.
Vậ thà theo lẽ an phần,
Trăm năm nhờ mạng trong thân có trời.
Coi **Vương Bao tụng** mấy lời,
1430- Sáng giờ đường chính, dạy đời báu to,
Làm chi nghiêng ngửa đuổi co,
Như ông Bành Tổ riêng lò hóa công.
Làm chi như họ Kiều, Tùng.
Thỏ hà, xì hít hơi hung luyện hình.

1435- Xin lòng nhân dục cho thanh,
Trau mình nào phải đọc kinh **Hoàng đình**.
Xin lòng luân lý cho minh,
Nuôi lòng nào phải đọc kinh Âm phù.
Cho hay Tiên, Phật rằng tu,
1440- Cũng trong bảo dưỡng đương đầu trở ra.
Cả than Đạo Dẫn bạn ta,
Học y một cửa, nay đã tách thân.
Lòng và muốn chữ xuất trần,
Để câu phụ tử quân thân mặc ai.
1445- Tiếc đời ôm đức cru tài,
Sĩ đều có khí khôn nài đó sao.

Ngư rằng : Thời vậy nài sao.
Dù Tiên, dù Phật, bề nào cũng xong.
Nay ta còn chỗ nghi lòng,
1450- Nghề y, nghề bốc, khác dòng nhau xa.
Cờ sao ba tượng trong tòa,
Tiên thiên đồ ấy treo ra làm gì ?

Môn rằng: Tám quẻ Bào Hy,
Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.
1455- Tiên thiên, một bức đồ khai,
Để coi phương hướng muôn loài hóa sinh.
Kiền, tây bắc, Tuất, Hợi đình,
Khảm phương chính bắc, ngôi đàn Tý cung,
Cấn, đông bắc, Sửu, Dần thông,
1460- Chấn ngôi đương Mão, chính đông phương trời.

Tổn, đông nam, Thìn, Ty vùi,
Ly cung đương Ngọ, hướng trời chính nam.
Khôn : Mùi, Thân, phía tây nam,
Đoài đương ngôi Dậu, chính nhằm tây phương.
1465- Xét trong tám hướng âm, dương,
Mấy trời xây bủa, bốn phương năm hành.
Hậu thiên Ly, Khảm vẽ hình.
Cho hay khí huyết trong mình chủ trương.
Ly là hơi, lửa, thuộc dương,
1470- Khảm là nước, máu, lẽ thường thuộc âm.
Song mà Ly trống vốn âm,
Khảm cung đầy giữa, thật cầm chân dương.
Ấy chia hư thực âm dương,
Nước đầy, lửa trống, khôn lường mấy sâu.
1475- Mạnh thời nước lửa, hoà nhau,
Yếu thời nước lửa chia đau trong mình.
Đạo y nửa ở **Dịch kinh**,
Chưa thông lẽ **Dịch**, sao rành chước y.
Tổ rằng "Muốn học Hiên Kỳ,
1480- Trước tua đọc quẻ Bào Hy mới tường " .

Tiêu rằng : **Một tượng Minh Đường,**
Một đồ khí hậu chủ trương việc gì ?

Môn rằng: Trên dưới hai nghì,
Giữa thì người vật, tóm ghi một đồ.
1485- Vẽ mười vòng nhóm một đồ,
Để coi khí hậu xây bờ ứng nhau.

Năm ngày một hậu đến xâu,
Ba hậu một khí, cú đầu toán ra.
Hai khí một tháng kể ra,
1490- Giáp mười hai tháng, ấy là một niên.
Một niên chia bốn mùa riêng,
Hai mươi bốn tiết, theo liền dựng giao.
Đoanh xây hai chục tám sao,
Trải ba mươi sáu cung nào chẳng xuân.
1495- Mỗi năm khí hậu xây vắn,
Mười vòng lớn nhỏ, có chừng thủy chung.
Việc người, lẽ vật ở trong,
Một hồ trời đất, mười vòng tóm giờ.
Lặng lòng coi bức đồ thơ (thư),
1500- Ba ngàn thế giới, thấy bờ cõi xinh.
Sách châm lại vẽ ba hình,
Ba hình người ấy gọi Minh Đường đồ.
Một hình nằm sắp để đo,
Thái dương kinh túc, huyết dò sau lưng.
1505- Một hình nằm ngửa làm chừng,
Dương minh kinh túc, huyết ngưng trước mình,
Một hình ngồi mé hông trinh,
Thiếu dương kinh túc, huyết hành hai bên.
Ba hình tóm lại một nền,
1515- Ba trăm sáu chục năm tên huyết rời.
Rộng coi kinh lạc nơi nơi,
Minh người đủ ứng độ trời một niên,
Dón coi thủ túc đôi bên,
Trong ba âm, với ngoài liền ba dương.
1515- Mười hai kinh huyết chia đường,
Sáu du, sáu hợp, chỗ thường phép châm.
Bệnh nào đau ở kinh âm,

Huyết du cấp cứu, khỏi lâm tai ương.
Bệnh nào đau ở kinh dương,
1520- Cứu theo huyết hợp ngăn đường tà đi.
Cứ theo du hợp phép ghi,
Chân trời kịp tỉnh, bệnh gì còn lo.
Kinh dương sáu phủ đếm cho,
Bảy mươi hai huyết, đủ dò tay chân,
1525- Kinh âm, năm tạng có chùng,
Sáu mươi chỗ huyết, tay chân chia đều.
Kể mười hai huyết tóm nêu,
Có lời toát yếu, đặt điều thơ ca.
Sáu âm, sáu dương đã ca,
Lại thêm khí huyết theo ra sáu bài,
Kể thơ, mười có tám bài,
Âm dương khí huyết theo loài quán thông.
Muôn cho châm cứu phép ròng,
Huyết kinh phải đọc thuộc lòng thi ca.

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vấn Đáp

Trang 5

XL.- Dương kinh lục phủ tỉnh, vinh, du, nguyên, kinh, hợp ca

(Bài ca về các huyết tỉnh, vinh, du, nguyên, kinh, hợp của dương kinh thuộc sáu phủ)

Dịch nghĩa :

Tay chân đều có ba dương kinh, tổng cộng ba mươi sáu huyết, cả hai bên phải và trái tổng cộng là bảy mươi hai huyết..

[illegible]

Hợp kê làm huyết vinh.

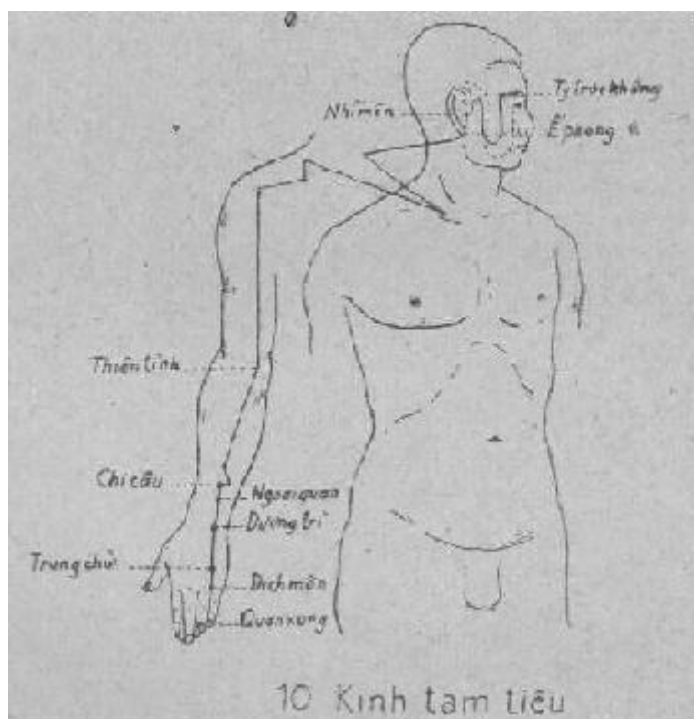
Khuru khur làm huyết nguyên.

Dương lã làm huyết hợp.

Kỷ hiệp khô lâm khắp đồ quyền.

Phiên quân **dương phụ** ký **lăng** tuyền.)

2. Thủ thiếu dương : tam tiêu



Quan xung làm huyết tĩnh.

Dịch môn làm huyết vinh.

Trung chủ làm huyết du.

Dương trì làm huyết nguyên.

Chi câu làm huyết kinh

Thiên tinh làm huyết hợp.

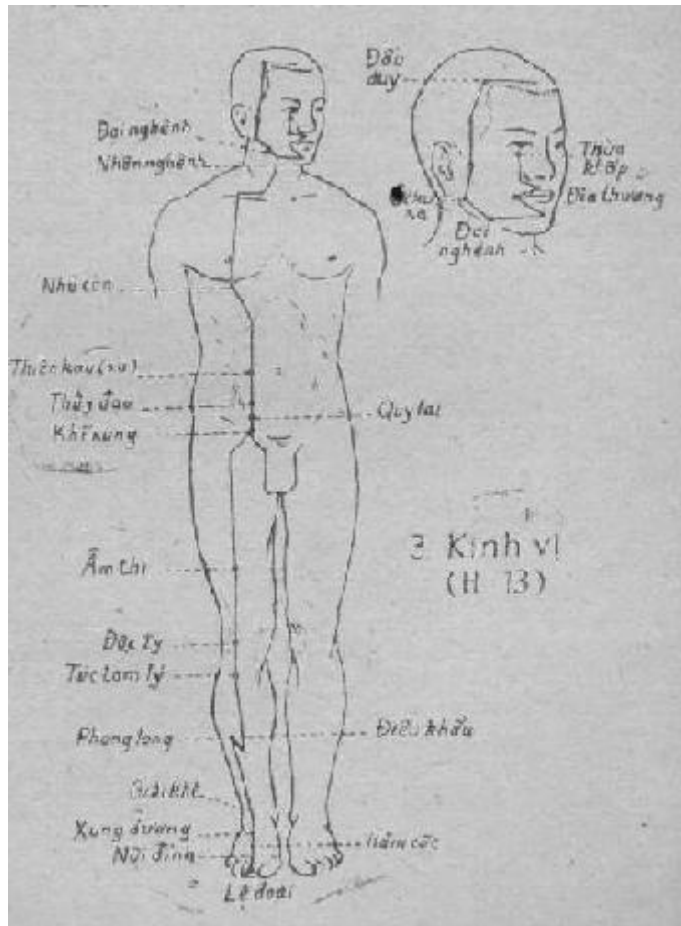
(Quang xung đào lý **dịch môn** tài,

Trung chủ, dương trì thứ đệ khai.

Hoa lạc **chi câu** hương mãn giản.

Nhất **thiên tinh** tự diệp phi lai).

3. Túc dương minh : Dạ dày



Lê đoái làm huyết tĩnh.

Nội đình làm huyết vinh.

Khê cốc làm huyết du.

Xung dương làm huyết nguyên.

Giải khê làm huyết kinh.

Tam lý làm huyết hợp.

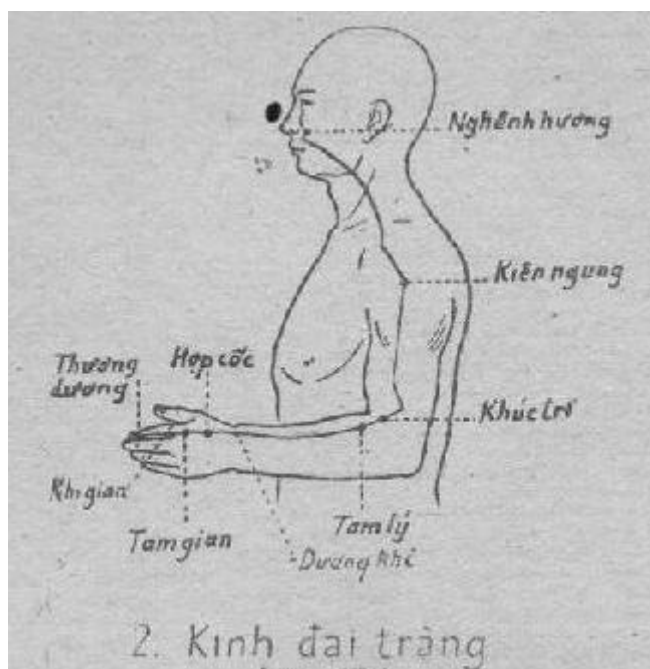
(Nhất phàm phong tống **đoái đình** tê (tây)

Hãm cốc xung dương quá **giải khê**.

Tam lý vị trí hà nhật đáo,

Kỷ phiên kiều thủ dục tư tề).

4- Thủ dương minh : Ruột già



Thương dương làm huyết tĩnh,

Nhị gian làm huyết vinh.

Tam gian làm huyết du.

Hợp cốc làm huyết nguyên.

Dương khê làm huyết kinh.

Khúc trí làm huyết hợp.

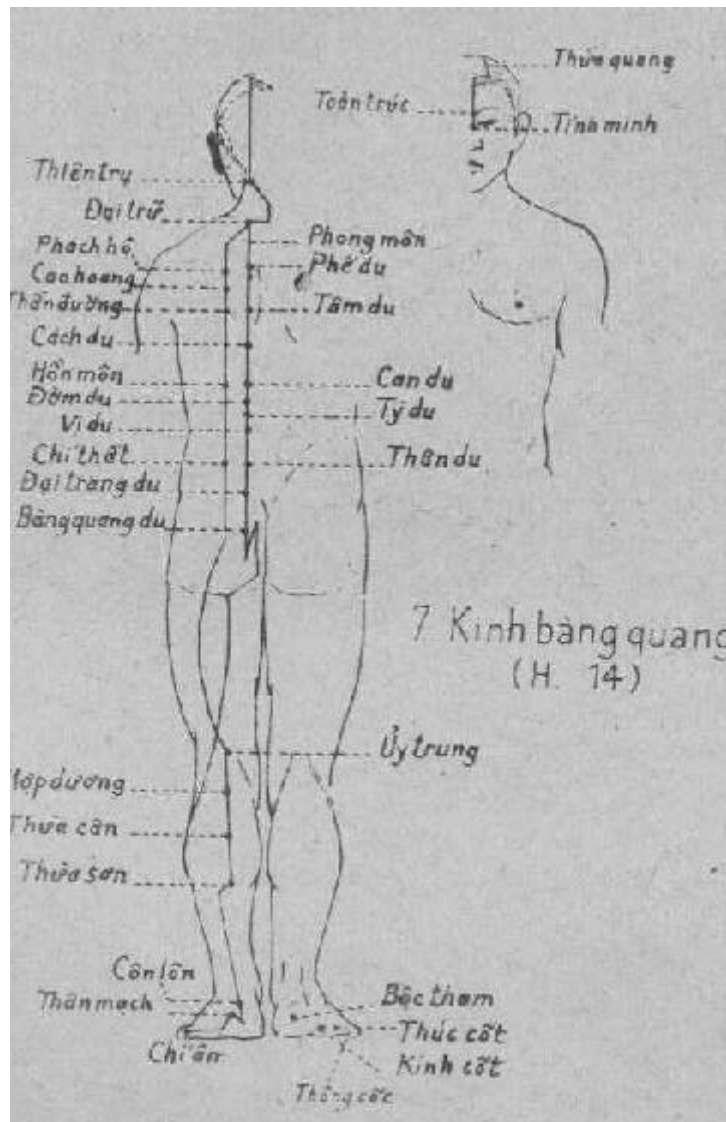
(Thương dương mao ốc nhị tam gian.

Hợp cốc dương khê độ kỷ loan

Cưu khúc trí biên minh nguyệt sắc,

Mãn thiên tinh đầu dục ba lan).

5- Túc thái dương : Bọng đái



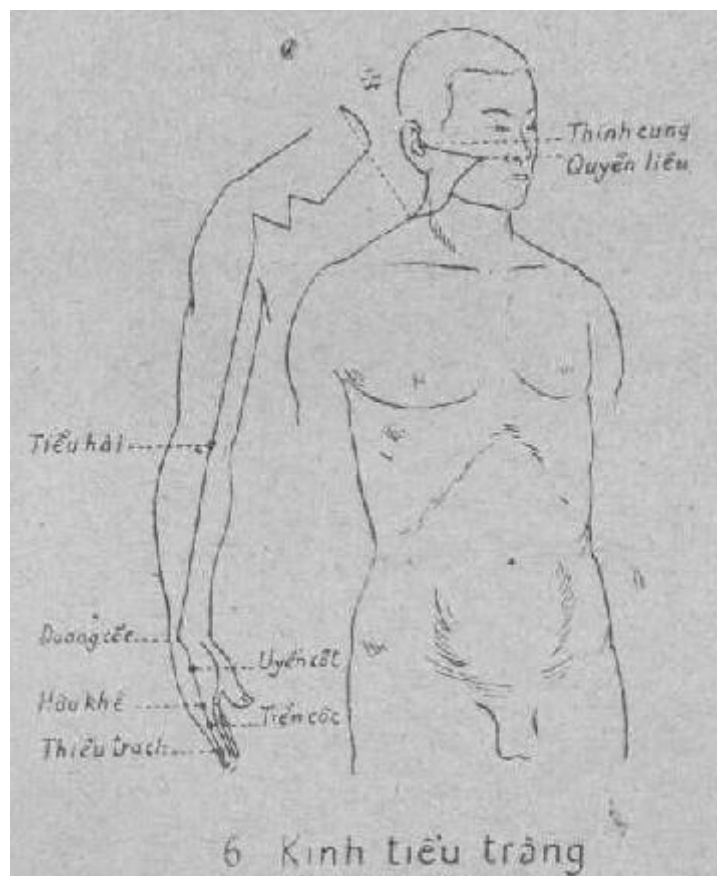
Chí âm làm huyết tĩnh.
 Thông cốt làm huyết vinh.
 Thúc cốt làm huyết du
 Kinh cốt làm huyết nguyên
 Côn lân làm huyết kinh
 Ủy trung làm huyết hợp,
 (Mao đỉnh kết khởi **chí âm** biên,

Thông cốt phù vân tứ vọng yên.

Kinh, thúc lưỡng phong long thổ phục,

Côn lân sơn cận **ủy trung** liên).

6- Thủ thái dương : Ruột non



Thiếu trạch làm huyết tĩnh,

Tiền cốc làm huyết vinh.

Hậu Khê làm huyết du,

Hoãn cốt làm huyết nguyên.

Dương cốc làm huyết kinh.

Thiếu hải làm huyết hợp.

(Phù bình **thiếu trạch** nhậm đông tề (tây)

Tiền cốc nguyên lưu quá **hậu khô**

Hoãn cốt hựu thông **dương cốc** giản,

Tận cung thiếu hải lý ngư đề)

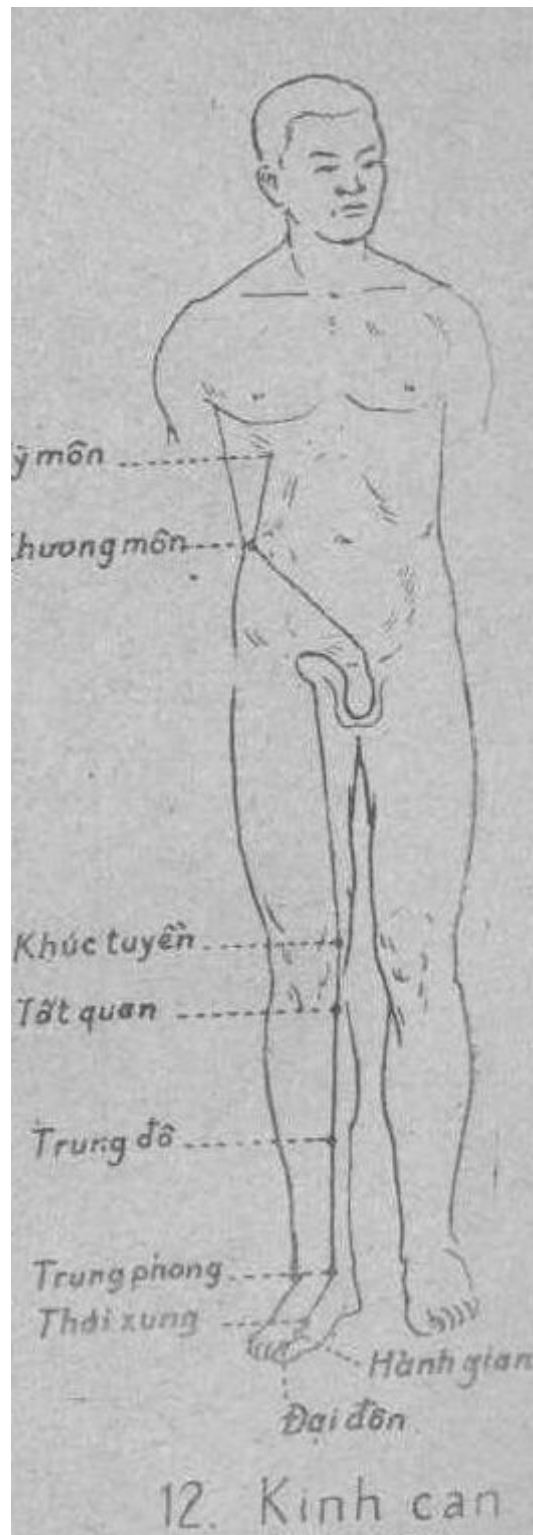
XLI.- Âm kinh ngũ tạng tĩnh, vinh, du, kinh, hợp ca

(Bài ca về các huyết tĩnh, vinh, du, kinh, hợp của các kinh âm thuộc ngũ tạng)

Dịch nghĩa :

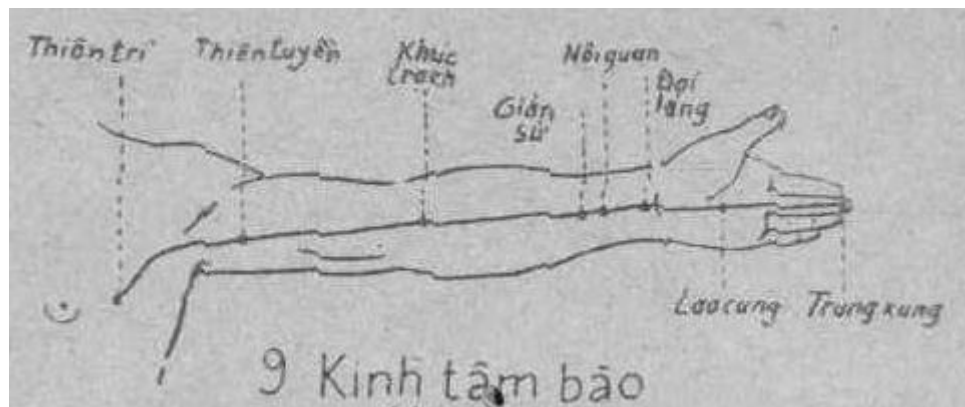
Tay chân đều có ba kinh âm, tổng cộng ba mươi huyết, cả hai bên phải và trái tổng cộng sáu mươi huyết .

1- Túc quyết âm : Gan



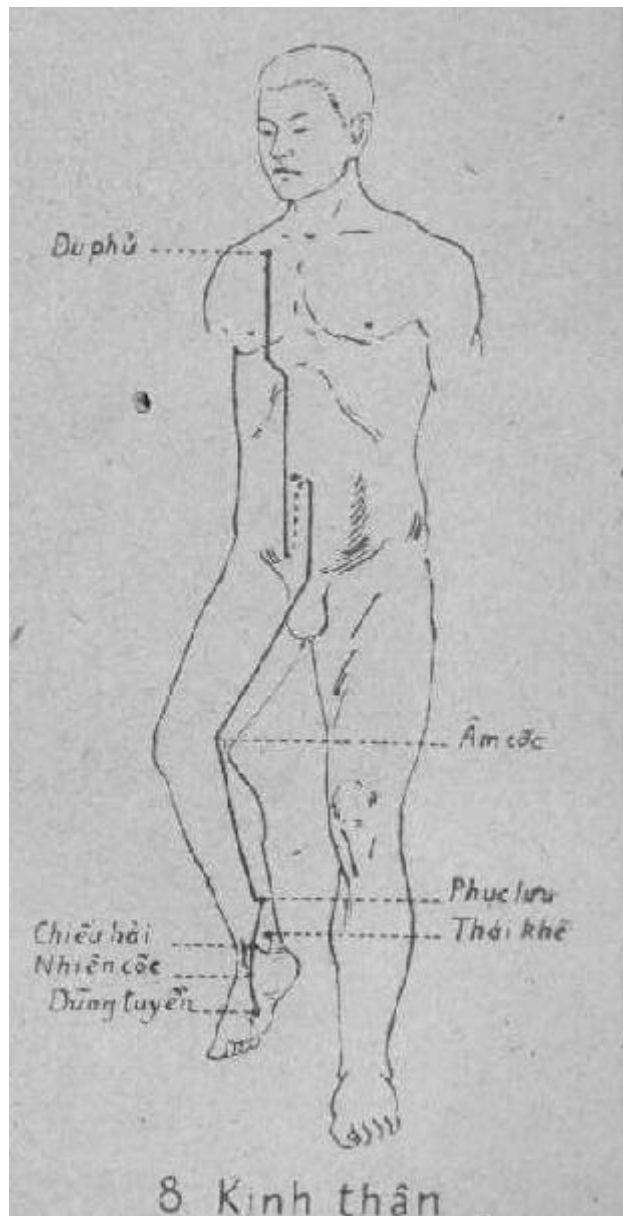
Đại đôn làm huyết tĩnh.
 Hành gian làm huyết vinh.
 Thái xung làm huyết du.
 Trung phong làm huyết kinh.
 Khúc tuyền làm huyết hợp.
 (Vân hà yên tỏa **đại đôn** hề,
 Tiểu chỉ **hành gian** lộ thái mê.
 Dã tự **trung phong** vô đạo nhập,
Khúc tuyền hoàn hữu lão tăng quy).

2- Thủ quyết âm: Màng tim



Trung xung làm huyết tĩnh.
 Lao cung làm huyết vinh,
 Đại lạng làm huyết du.
 Giác sù làm huyết kinh.
 Khúc tuyền làm huyết hợp.
 (**Trung xung** cô nhận triệt vân tiêu,
 Kỷ độ **lao cung** chỉ tự liêu.
 Cánh hữu **đại lạng** biên **giác sù**.
 Xung dương **khúc** trạch mạc chiêu diêu).

3.- Túc thiếu âm : Thận



Dũng tuyền làm huyết tĩnh.

Nhiên cốc làm huyết vinh.

Thái khê làm huyết du.

Phục lưu làm huyết kinh.

Âm cốc làm huyết hợp.

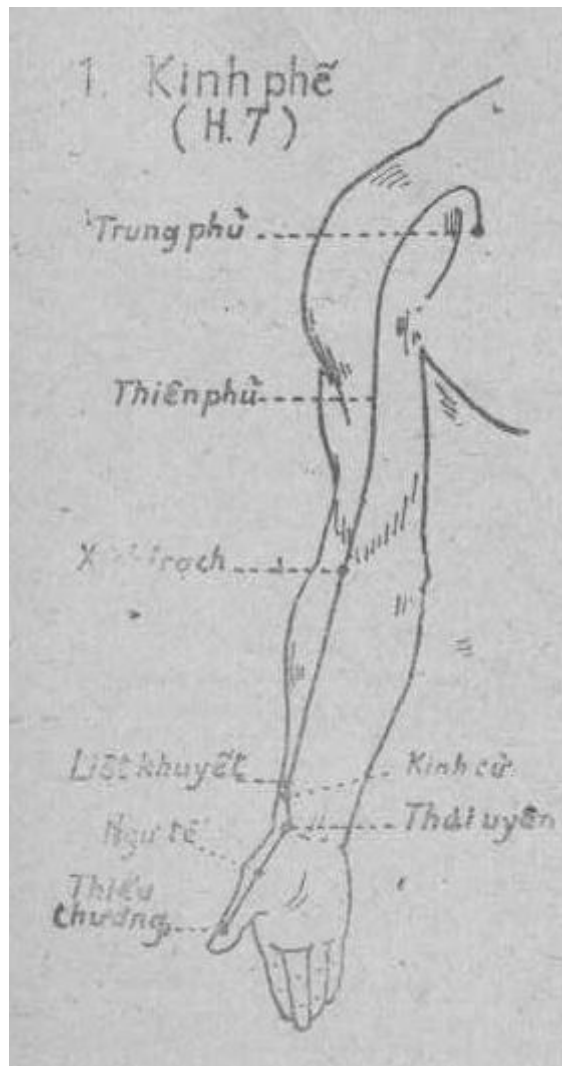
(Tam thu vi khách **dũng tuyên** biên,

Nhiên cốc, khô, lưu quá tiểu niên.

Âm cốc hữu thuyền hồi tiện đáp,

Vấn cử quy khứ kỷ đa tiền).

4.- Thủ thiếu âm : Tim



Thiếu xung làm huyết tĩnh.

Thiếu phủ làm huyết vinh.

Thần môn làm huyết du.

Linh đạo làm huyết kinh.

Thiếu hải làm huyết hợp.

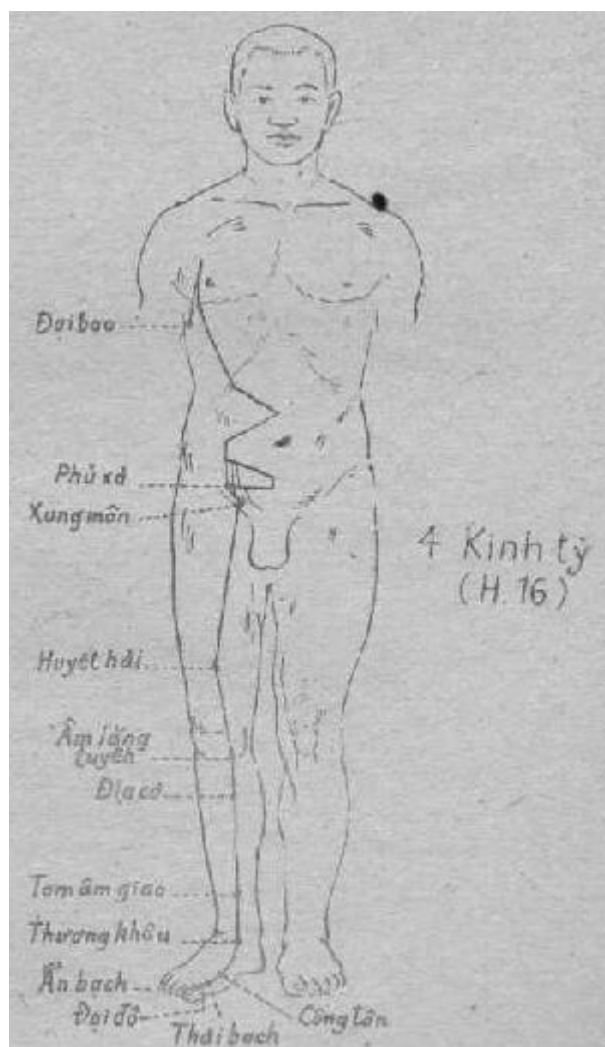
(**Thiếu xung, thiếu phủ** bả sư ban.

Bình mã **thần môn** đắc thắng hoàn.

Linh đạo chiến thư tiền nhật phát,

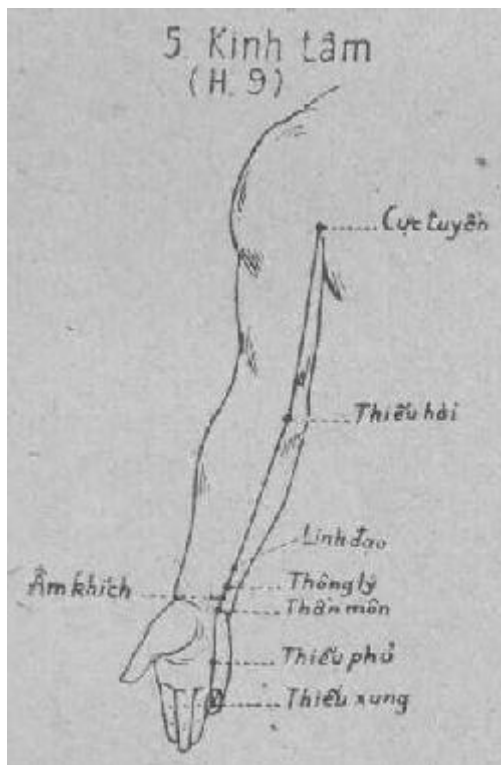
Như kim **thiếu hải** tận quy hàng).

5.- Túc thái âm : Lá lách



Ân bạch làm huyết tĩnh.
 Đại đô làm huyết vinh.
 Thái bạch làm huyết du.
 Thương khuru làm huyết kinh.
 Lãng tuyền làm huyết hợp.
 (Ân bạch vân trung nhất lão tăng,
 Đại đô ly tục thiếu nhân tăng.
 Kỷ hồi **thái bạch thương khuru** quá,
 Ngập tận **lãng tuyền** thủy cộng chung).

6.- Thủ thái âm : Phổi



Thiếu thương làm huyết tỉnh.
Ngư tế làm huyết vinh.
Thái uyên làm huyết du.
Kinh cừ làm huyết kinh,
Xích trạch làm huyết hợp.
(**Thiếu thương** hồ hải đồ ngư ông,
Ngư tế thái uyên bất khả phùng.
Kim nhật **kinh cừ** thuyền mã tải,
Tu tri **xích trạch** hoạch xà long).

XLII.- Khí huyết quán chú thập nhị kinh, trú dạ chu nhi phục thủy ca
(Bài ca về vòng tuần hoàn trong một ngày đêm của khí huyết vận hành
qua mười hai kinh mạch)

Dịch nghĩa :

Hiểu trình **trung phủ** mã đề mang,
Hoài bảo tư lương xuất **thiếu thương**.
Cực mục **thương dương** tòng thử khứ,
Gia tiên nhất trực thượng **ngheên hương**.

Tự **thừa khắp** biệt lưỡng vi mang,
Ức tích phân huê **lệ đoái** hương,
Quy **ẩn bạch** vân chuyên mại túc,
Đại bao lưỡng tận, tiểu bao lưỡng.

Tâm xuất **cực tuyền** tự thủy thanh,
Thân như bình diệp **thiếu xung** linh.
Tự tòng **thiếu trạch** thừa tra khứ,
Hốt **thính cung** nga hữu tiểu thanh.

Tinh minh lưỡng mục phán phù dung,

Vũ **chí âm** trầm nguyệt sắc mông.
Tịch mạch **dũng tuyến** nhân bất kiến,
Không văn **du phủ** báo thời chung.

Kỷ niên hạp kiếm được **thiên trì**,
Vân quyền **trung xung** nhập tử vi.
Tam vũ **quan xung** vô trú trở,
Trúc ty liên ngoại bá lao phi.

Đồng tử hiểu tư tự điều nhiên,
Thời thời lưu luyện khiêu âm biên,
Đại đôn nhật nguyệt thường lai vãng
Phục nhập kỳ môn hựu nhất thiên.

1535- Tiêu rằng : **Tạng phủ trong ngoài,**
Mười hai kinh nguyệt gấm bài thơ hay.
Hơi đi máu chạy dần quay,
Sáu bài khí huyết nghe nay mặt mờ.

Môn rằng: **Khí huyết sáu thơ,**
1540- **Mỗi câu mỗi huyết luôn bờ lại qua.**
Lần nghe thứ lớp kể ra :
Bài đầu từ phế chạy qua đại trường.
Xung phủ đến huyết Thiếu thương,
Mỗi theo hung ức, ra đường ngón tay.
1545- **Thương dương cũng ngón cái tay,**
Chạy lên trước mũi, tên bày Nghênh hương,
Bài nhì, vị với tỳ hương,

Thừa khắp tủa xuống dưới đường ngón chân.
 Lệ đoài lên ngón cái chân,
 1550- Ấn bạch xuống ngón thẳng chừng Đại bao
 Đại bao vú tả làm rào,
 Bài ba tâm chủ, cùng ao tiểu trường.
 Cực tuyền chỗ tốt da xương,
 Hữu ra ngón út, đầu đường Thiếu xung.
 1555- Thiếu trạch ngón út tả thông,
 Thính cung tai tả ở lồng bên tai.
 Bài tư bàng quanh, thân cai,
 Tình minh gốc mũi xuống dài Chí âm.
 Ngón chân út tả Chí âm.
 1560- Giữa bàn chân hữu lại xâm Dũng tuyền.
 Dũng tuyền ấy chạy lên liền,
 Đến Du phủ huyết tả biên hữu điều.
 Bài năm tâm bào, tam tiêu,
 Thiên trì giữa bụng ra chiều Trung xung.
 1565- Tay hữu ngón giữa : Trung xung,
 Tay tả ngón cái : Quan xung trở màu,
 Quan xung tả chạy lên đầu,
 Trúc ty huyết ấy ở sau chạng này.
 Bài sáu đâm với can vậy,
 1570- Ra từ Đồng tử, xuống đây Khiếu âm.
 Đồng tử gò má tả cầm,
 Ngón chân út tả, Khiếu âm chỗ phòng.
 Ngón chân út hữu Đại đôn,
 Thẳng bên vú hữu, Kỳ môn đóng đôn.
 1575- Ngày đêm khí huyết xây vòng,
 M ười hai kinh lạc, ngoài trong khắp hòa.
 Khí như mã, huyết như xa,
 Xa nhờ mã kéo, mã hoà xa đi,

Thử xem bộ sách **Lý y**

1580- Về hình gương giá dùng thì khá tra.

Ngư rằng : Như gắm thêm hoa,

Nhớ lời đạo hữu dạy ta đành(rành?) rành.

Dạy rằng : "Muốn thấy phép linh,

Coi chừng trời đất trong hình người ta ".

1585- Đường huynh nay lại về ra,

Mấy trời đất nhăm trong ba hình người.

Môn rằng : **Coi tẩm thân người,**

Mười hai chi hóa, cùng mười can sinh

Nội kinh câu chữ luận rành :

1590- "Thân tứ đại hóa hữu sinh ", phải lời.

Dung y mấy biết thời trời,

Nữ đem thuốc độc thử chơi mạng người,

Ta thường lo sợ mạng người,

Gắng công đọc sách hơn mười năm nay,

1595- Nhiệm màu mới thấy chỗ hay,

Mình Đường thơ cổ, ngâm rày người nghe :

XLIII.- Minh Đường thi

(Bài thơ về minh đường)

Dịch nghĩa :

Giáp thuộc mật, Ất thuộc gan, Bính thuộc ruột non,
Đinh thuộc tim, Mậu thuộc dạ dày, Kỷ thuộc lá lách,
Canh thuộc ruột già, Tân thuộc phổi,
Nhâm thuộc bọng đái, Quý do thận giữ,
Tam tiêu cũng gởi về ở cung nhâm,
Màng tim cùng tụ về ở cung quý.

XLIV.- Lại có thơ rằng

(Bài thơ về minh đường)

Dịch nghĩa :

Phổi ứng với Dần, ruột già ứng với Mão, dạ dày ứng với
Thìn,
Lá lách ứng với Ty, tim ứng với Ngọ, ruột non ứng với
Mùi,
Thận ứng với bọng đái, Dậu ứng với thận, màng tim ứng
với Tuất,
Hội ứng với tam tiêu, Tý ứng với mật, Sửu ứng với gan.

Coi hai thơ ấy tỏ tình,
Thấy trời đất ở trong mình người ta
Cho hay máy tạo chẳng xa,
1600- Âm dương qua lại, trẻ già trong thân.

Tiêu rằng: Đạo hữu trước phân,
Mười hai kinh lạc có phần thơ ca.
Còn lo tính thuốc nhiều khoa,
Dẫn kinh mấy vị, hỏi qua chưa rành.

1605- Môn rằng : Học phải có hành,
Hợp coi vị thuốc dẫn kinh cho tường.
Thái dương kinh túc bàng quang,
Kinh thủ tiểu trường, phần biểu nêu tên.
Khương hoạt, Cao bản, dẫn lên,
1610- Hoàng bá dẫn xuống, chớ quên mà lầm.
Trong ấy là kinh Thiếu âm,
Gọi rằng túc thận, thủ tâm hai phần.
Vào trong Hoàng bá, Tế tân,
Khương hoạt, Tri mẫu, về phần thận chuyên.
1615- Thiếu dương kinh hoả biểu truyền,
Túc là phủ đảm, thủ liên tam tiêu.
Sài hồ, Xuyên khung lên điều,
Thanh bì xuống đất, trị tiêu nhờ chàng.
Trong rằng Túc Quyết âm can,
1620- Thủ mệnh môn hỏa, hai đàng kinh đi.
Sài hồ, Xuyên khung, Thanh bì
Tuy chia biểu lý, cũng y một đường.
Dương minh kinh túc vị hương,
Kinh thủ đại trường, chỗ chứa đồ ăn,
Thăng ma, Bạch chỉ, Cát căn,
Thạch cao lên xuống, nêu rằng dẫn kinh,
Phần trong là Thái âm kinh
Túc tỳ, thủ phế, hai tình cũng y.
Bạch thược, Thăng ma vào tỳ,

1630- Cát cánh, Bạch chỉ, Thung đi phế đình.
Ấy đều vị thuốc dẫn kinh,
Trong ngoài nhận chứng cho tinh khỏi lâm.

Ngư rằng : Ba dương, ba âm,
Sáu kinh đón lại chứng lâm đường nào ?

1635- Môn rằng : Bệnh mới cảm vào,
Sáu kinh kiến chứng, xua rao rõ ràng.
Thái dương phát nóng, ghét hàn,
Cứng đơ xương sống, đau ngang lưng quần.
Thiếu dương nóng lạnh không chùng.
1640- Tai bưng, miệng đắng, ầu lừng nách hông.
Dương minh nóng khát nước sòng,
Mũi khô, mắt nhức, ngò chong chẳng nằm.
Lại thêm ỉa bón hãn dầm,
Ngầy xem ban mọc, da ngâm nước vàng.
1645- Thiếu âm họng lưỡi khô khan,
Nóng lòng thềm nước dựa màn nằm co,
Quyết âm gân giật, hung no,
Lưỡi cong, dải thụt, môi lò sắc xanh.
Thái âm đau bụng no cành,
!650- Ỉa không, khát nước, nóng hình chân tay.
Âm dương các chứng tỏ bày,
Lại còn hợp bệnh, lâu ngày truyền kinh.
Trong ngoài nhận chứng chẳng tinh,
Mang câu "dẫn khấu nhập đình", tội to.
1655- Học y muốn khỏi tội to,

Hợp kinh mấy chứng phải dò căn nguyên.

Sẵn lời ca quyết thầy truyền,

Ta xin thuật lại người biên giúp đời :

XLV.- Tam dương kinh kiến chứng tổng quyết

(Khái quát về triệu chứng các bệnh thuộc ba dương kinh)

Dịch nghĩa :

Phát nóng, sợ rét, lưng và xương sống đau (Thái dương).

Mắt đau, mình nóng, trong mũi khô (Dương minh).

Tai ù, miệng đắng, cổ ọc khan.

Nóng rét liên tiếp xen kẽ nhau, dưới hông đau ê (Thiếu dương).

XLVI.- Tam âm kinh kiến chứng tổng quyết

(Khái quát về triệu chứng các bệnh thuộc ba âm kinh)

Dịch nghĩa :

Tay chân nóng hâm hấp, lúc lúc lại đau bụng. (Thái âm).

Đi lỵ mà không khát nước, vốn là tạng bị hàn (Thái âm).

Mạch trầm, sợ khô, vốn liên quan với thận,

Uống ừng ực, cổ khô, nước dãi ít (Thiếu âm).

Gân rút, môi xanh, tứ chi đau,

Tai ù, lưỡi cuộn lại thụt dái (Quyết âm).

XLVII.- Lưỡng cảm chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh lưỡng cảm)

Dịch nghĩa :

Chứng thương hàn lưỡng cảm nửa âm nửa dương,
Lúc bắt đầu, đầu nhức chịu không nổi.
Trong người bứt rứt, miệng khô, hay khát nước,
Vốn là do thận và bàng đái cùng bị bệnh,

XLVIII.- Lưỡng thương bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh lưỡng thương)

Dịch nghĩa :

Nguyên là Thái dương và Dương minh cùng bị bệnh,
Bệnh cả hai kinh dồn lại làm một.
Nếu còn chứng về Thái dương thì nên làm ra mồ hôi (phát hãn),
Nếu không còn chứng về Thái dương thì nên dùng phép hạ (xổ).

XLIX.- Biểu bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng các bệnh thuộc biểu)

Dịch nghĩa :

Phát nóng, sợ rét là chứng biểu,
Mạch Phù, đau mình là thuộc kinh Thái dương.
Sợ rét ấy là biểu hư,
Dùng thuốc phát biểu nên xét rõ nặng nhẹ.
Mùa xuân, dương khí còn kém và yếu,
Nếu dùng thuốc phát hãn (làm ra mồ hôi) quá thì âm sẽ thắng,
Mùa đông, dương khí nấp sâu ở trong thì phát hãn là đúng.
Nếu dùng thuốc nhẹ thì bệnh không khỏi.

L.- Lý bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng các bệnh các bệnh thuộc lý)

Dịch nghĩa :

Mạch của chứng lý, Trầm mà Hoạt,

Không sợ lạnh chừ, lại sợ nóng,

Lòng bàn tay và dưới bụng mồ hôi dầm dề,

Cổ ráo miệng khô, phân táo kết,

Bụng đầy, bị suyễn, có khi nói sàm,

Đại tiện không đều, càng lúc càng nóng,

Ấy là nóng ở trong, đúng là bệnh lý thực,

Đó là các chứngthuộc kinh Dương minh, nên dùng thuốc hạ (xổ),

LI.- Luận biểu lý tạng phủ sở thuộc ca

(Bài ca luận về các bệnh biểu lý thuộc tạng phủ)

Dịch nghĩa :

Các chứng bệnh ở bọng đái, dạ dày và mật thuộc về dương,

Các chứng bệnh ở lá lách, thận và gan thuộc về âm,

Mạch Phù, Trường, Huyền thuộc dương, mạch Tế, Trầm,

Vi, Hoãn thuộc âm.

Trước hãy xem mạch và chứng thuộc về biểu hay lý,

Trong ngoài hợp chứng tỏ truyền,

1660- Phải coi vận khí theo niên đổi đời,

Năm vận, sáu khí ở trời,

Năm tạng, sáu phủ ở người ứng nhau,

Cho hay năm vận chủ đau,

Sáu khí lâm bệnh, trước sau có lẽ,
1665- Bởi câu "khí vận bất tề"
Khiến dân bệnh hoạn trách về thấy lo.
Chưa thông vận khí khôn mò,
Nhóm lời ca quyết đọc cho biết đáng.

LII.- Cơ bệnh ngoại cảm ôn thử thương hàn Hà Giản Lưu
tiên sinh ôn thử soạn yếu

(Nguyên nhân các bệnh ngoại cảm - ôn thử thương hàn.

Tóm tắt bài soạn về ôn thử của ông Lưu Hà Giản)

Dịch nghĩa :

Các chứng phong, co giật, choáng váng thuộc về can mộc.

Các chứng đau, ngứa nhọt, lở thuộc về tâm hỏa.

Các chứng thấp, sưng, đầy vón thuộc về tỳ thổ.

Các chứng tức, uất, mòn mỏi thuộc về phế kim.

Các chứng lạnh, co rút thuộc về thận thủy.

Đó là danh mục chủ yếu các bệnh do ngũ vận gây ra.

Các chứng bất thành linh bị cứng thẳng chân tay,

Gân cốt co lại hay mềm oặt thật nhanh,

Vón thuộc hai kinh Túc chủ về gan và mật,

Do khí Quyết âm phong mộc gây ra.

Các chứng thờ khò khè, ợ và nôn ra nước chua,

Thình linh ỉa chảy như rót nước, có khi bị chuột rút,

Tiểu tiện đục như có cặn, lẫn cả những tia máu,

Nổi hạch, nổi nhọt, phát ban, lên sởi,

Ung thư, thổ tả do bị chứng hoắc loạn,
trong người bức bối, phù thũng, mũi nghẹt và khô,
Chảy máu cam, đái rắt, mình phát nóng.
Sợ lạnh, phát run, hay giật mình hoảng hốt,
Khi cười, khi khóc, nói sàm, mất máu,
Bụng chương lên, vỗ vào có tiếng bồm bộp.
Đó là do khí Thiếu âm quân hỏa gây ra,
Lỗi của hai kinh Thủ chủ về tim và ruột non.

Các chứng chi và người cứng đơ, hay tích muốn thành trệ,
Hoắc loạn, đầy do các chứng cách, bĩ,
Trong mình thấy nặng nhọc, thổ tả, chân sưng,
Thịt phù mềm, như bùn, ấn vào lõm xuống không nổi lên,
Đó là do khí Thái âm thấp thổ của hai kinh Túc,
Chủ về lá lách và dạ dày gây ra.

Các chứng nóng, mê man, vật vã, gân giật giật,
Hồi hộp, co giật, lẫn lộn quá mức,
Thình lình cảm khẩu, hôn mê, bứt rứt, điên cuồng,
La hét, hoảng sợ, hơi xông ngược lên.
Đùi sưng đau ê, hắt hơi, mửa, phát lở,
Cổ họng buốt, tai ù tưởng chừng điếc đặc.
Lợm mửa, ăn uống không thể nuốt trôi,
Mắt mờ, nhìn không rõ, kéo màng, thịt giật,
Hoặc là phát run, nói ngọng, ngơ ngác như mất hồn,
Đau thình lình, tả lý thình lình.
Đó là do khí Thiếu dương tướng hỏa của hai kinh Thủ,
Chủ về màng tim và tam tiêu gây ra,

Các chứng khô, cạn, sấp, bí
Cứng ráo, da rộp lên,

Đều do khí Dương minh táo kim,
Chủ về hai kinh thuộc phổi và ruột già gây ra,

Nước dãi và nước tiểu trong và lạnh.
Bị khối u, sa đì, báng đều rắn,
Đầy bụng, đau gấp, đại tiện chỉ có nước,
Ăn uống không thấy đói, thổ tả đều có mùi tanh.
Co duỗi khó khăn, thấy lạnh giá,
Lạnh giá, bế tắc thuộc về kinh Thái dương,
Chủ về thận và bọng đái tức là khí hàn thủy gây nên.
Âm dương, gốc ngọn chỉ trong vòng lục khí.

Phong, hỏa, thử thấp táo hàn,
1670- Bốn mùa qua lại, chàng rằng hơn thua.
Khí nào hơn lại về bùa,
Khiến hơi tà nghịch theo lửa làm đau.
Người cùng trời đất ứng nhau,
Khí mùa chẳng chính, chứng đau không thường,
1675- Ngoại rằng cảm, nội rằng thương,
Ngoài tiêu trong bản, âm dương khác phần.
Từ ngoài sáu phủ vào lần,
Đến trong năm tạng, tinh thần chẳng an.
Thử xem một chứng thương hàn,
1680-Tạng nào mạch nẩy, chia bàn tử sinh.
Tâm can, tỳ, phế, thận danh,
Noi trong sinh khắc năm hành đoán ra,
Giả như tâm hỏa chịu tà,
Vì nơi thận thủy đắm sa gây loạn.
1685- Lấy hai tạng ấy so bàn,
Thổ tỳ, kim phế, mộc can cũng vậy.

LIII.- Thương hàn ngũ tạng thụ bệnh ca

(Bài ca về bệnh thương hàn mà ngũ tạng bị bệnh)

Dịch nghĩa :

Nhói tim, lưỡi cứng, cười thì mặt đỏ lên.

Bực bội, bàn tay nóng, miệng ráo,

Trên rốn động hơi, mạch nên Hồng, Khả, Sắc,

Nếu đi Trầm, Vi, thì mạng không toàn.

(thuỷ khắc hỏa)

Bệnh gan thì mặt xanh, mắt đau, nhắm,

Gan co, về giận dữ, bên trái rốn thấy tung tức,

Mạch nên Huyền và Trường

Nếu Phù, Sắc, Đoan đều không chữa được !

(kim khắc mộc)

Bệnh tỳ thì không ăn, da mặt vàng,

Mình nặng, chân tay đau, thích nằm liệt giường,

Hơi động giữa rốn, mạch nên Hoãn và Đại,

Huyền, Trường và Khẩn ấy là tai ương.

(mộc khắc thổ)

Bệnh phổi thì mặt nhợt, về lo buồn,

Thở dốc, đỏ máu cam, nóng rét, ho, suyễn.

Thấy tung tức ở bên phải rốn, mạch nên Trầm, Tế, Sắc,

Đại mà Lao là căn do của sự chết ! (hỏa khắc kim)

Bệnh thận thì mặt đen, móng tay, móng chân xanh,

Chân lạnh bụng đau, trong tai ù,

Hơi động dưới rốn, mạch nên Trầm, Hoạt,

Hoãn mà Đại là tình tạng chết.
(thổ khắc thủy)

Ấy rằng của đệ nhất quan,
Chứng nào chẳng bởi thương hàn gây ra.
Đến chừng biện các khí tà,
1690- Bệnh người mới cảm gọi là trúng thương,
Sách nêu chữ "trúng", chữ "thương".
Cho hay khí độc không thường người xuyên.
Lắm cơn mưa gió luân tuồng,
Núi, đầm, khe, suối, độc đường hơi bay,
1695- Rằng ai gặp ấy chẳng may,
Chứng nào thuốc nấy nhờ tay thấy điều.
Trong là bản, ngoài là tiêu
Ta từng nhận chứng học nhiều bài ca :

LIV.- Biểu lý nhị chứng ca
(Bài ca về hai chứng biểu, lý)
Dịch nghĩa :
Khi phát nóng, sợ lạnh, thân thể đau,
Mạch Phù là thuộc biểu, anh nên nhớ,
Nếu không sợ lạnh, chỉ sợ nóng,
Mạch Trầm, mồ hôi nhiều, thì đúng là lý không còn ngờ gì
nữa.

LV.- Biên phong thấp chứng ca

(Bài ca biện luận chứng phong thấp)

Dịch nghĩa :

Xưa nay vẫn truyền có chứng phong, thấp hợp làm một bệnh.

Hơi thở khô khè, lừ đừ chỉ muốn ngủ,

Trong người thấy nặng nhọc, mạch Phù, hay ra mồ hôi,

Nếu cho uống thuốc phát hãn ắt sinh nói xàm.

LVI.- Trúng thấp chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh trúng thấp)

Dịch nghĩa :

Mạch mà Trầm, Hòa là trúng thấp,

Chỉ vì mưa gió, hơi xông lên nhiễm vào,

Đau khắp thân thể và khắp người nổi sẩn vàng,

Đại tiện thì nhanh, nhưng tiểu tiện lại khó.

LVII.- Ôn độc chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh ôn độc)

Dịch nghĩa :

Bệnh ôn độc toàn thân nổi vằn như gấm,

Phát ban, lên sởi, nôn mửa thường xuyên,

Hoặc có lúc lại trở ho, trong lòng buồn bực, Đó là mùa

đông cảm lạnh mà mùa xuân mới phát ra.

LVIII.- Nhiệt bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh nhiệt)

Dịch nghĩa :

Bị cảm mùa hè phần lớn là bệnh nhiệt,
Vốn cùng là một chứng với thương hàn.
Sợ lạnh, thân thể đau và nhức đầu,
Phát nóng lại thêm mạch Hồng mạnh.

LIX.- Trúng thử chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh cảm nắng)

Dịch nghĩa :

Đỏ mồm hôi trong mùa hè, gọi là cảm nắng,
Mạch Hư, Vi, Nhược, người rất bức bối, khát nước nhiều.
Mạch cầu, lưng lạnh toát, thân thể không đau,
Triệu chứng bên ngoài đại khái tựa bệnh nhiệt,

LX.- Kính bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh kính)

Dịch nghĩa

Nguyên bệnh kính là thuốc về bọng đái,
Cảm khẩu giống chứng giản, mình ưỡn cong,
Đó là trúng thương phong, hoặc cảm phải khí hàn thấp,
Cho nên chia gồm hai chứng : nhu kính và cương kính.

Ngư rằng : Hà chử sáu hơi,

1700- Nghe nhiều chứng bệnh dưới trời khác nhau,

Sư huynh vào cửa đạo lâu,

Mấy tầng nhà kín, buồng sâu thấy nhăm.

Chúng chi thầy thuốc nhiều lắm,
Có lời ca quyết xin ngâm truyền lòng ?

1705- Môn rằng: Ta rất dày công,
Hôm mai lòn lỏi theo ông Đan Kỳ.
Tôn sư vốn bậc nho y,
Lòng cru kinh tế, thiếu gì chước hay.
Thường rằng: Sáu khí ấy xây,
1710- Biến ra muôn bệnh, làm thầy phải lo.
Ra nghề cần kẻ dạy cho,
Tây cơ ứng biến, tột mò gốc đau.
Mấy lời ca quyết truyền nhau,
Đều thầy ta đặt, trước sau cứu người.
1715- Chúng nào khúc mắc lắm người,
Nay ta tóm kể cho người ghi lòng :

LXI.- Thương hàn kiến phong bệnh chứng ca
(Bài ca về bệnh thương hàn mà có triệu chứng bệnh thương
phong)

Dịch nghĩa

Chúng này lạnh nhiều mà nóng ít,
Không bức bối trong mình, mà tay chân hơi lạnh,
Đó chính là bệnh thương hàn mà có triệu chứng bệnh
thương phong.
Mạch thì Hoãn mà Phù, không thể nói khác được.

LXII.- Thương phong kiến hàn bệnh chứng ca

(Bài ca về bệnh thương phong mà có triệu chứng bệnh thương hàn)

Dịch nghĩa

Chứng này chân tay hơi ẩm chứ coi lắm,
Phát nóng, sợ gió, lại thêm trong người bức bối.
Nếu lại thấy mạch đi Phù mà Khẩn,
Đó chính là bệnh thương phong mà có triệu chứng bệnh thương hàn.

LXIII.- Biểu nhiệt lý hàn bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh ngoài nóng trong lạnh)

Dịch nghĩa :

Người bệnh ngoài nóng nhưng lại thích mặc áo,
Lạnh ở trong xương, nóng chỉ ngoài da.
Trong lạnh ngoài nóng, mạch đi Trầm, Hoãn,
Tay chân hơi giá, đại tiện lỏng.
(Những chứng âm (lạnh) mà lại phát nóng, Thỉ thang Tứ nghịch thật đúng là thuốc chữa).

LXIV.- Biểu hàn lý nhiệt bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng của bệnh ngoài lạnh trong nóng)

Dịch nghĩa :

Mình lạnh lại không muốn mặc áo,
Lạnh ở ngoài da, nóng trong xương tủy.
Ngoài lạnh, trong nóng, mạch đi Trầm, Sác,
Miệng ráo, lưỡi khô, nên rõ như vậy.

(Cho nên lúc gặp chứng về Thiếu âm sợ lạnh, Trong người
bứt rứt, không muốn mặc áo, nên dùng thuốc công)

LXV.- Âm chứng tỵ dương bệnh ca
(Bài ca về bệnh âm chứng tỵ dương)

Dịch nghĩa :

Âm chứng tỵ dương nên nhận rõ,
Buồn bực, bứt rứt, mặt đỏ, mình hơi nóng. Đó là âm lạnh
phát buồn bực, nên dùng thuốc ôn (ấm).
Bệnh ấy bộ Xích và Thốn mạch đi Vi và Trâm, nói cho anh
biết.

LXVI.- Dương chứng tỵ âm bệnh ca
(Bài ca về bệnh dương chứng tỵ âm)

Dịch nghĩa :

Dương chứng tỵ âm, lấy gì mà lường biết,
Chân tay lạnh giá, tiểu tiện đỏ,
Đại tiện thì hoặc bón, hoặc đen,
Bệnh ấy mạch đi Trâm, Hoạt, anh nên rõ.

LXVII.- Vuru quyết chứng ca
(Bài ca về chứng giun sán)

Dịch nghĩa :

Đói mà chẳng ăn, đó là bệnh giun sán,
Ăn xong lại vì thế mà thổ ra giun.
Đó là vì trong dạ dày vốn bị lạnh tích tụ lại,
Nên dùng thang Lý trung, Tứ nghịch và Ô mai.

LXVIII.- Yết hầu bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh yết hầu)

Dịch nghĩa :

Phát ban, khạc ra máu là chứng dương độc,

Nếu là chứng âm độc thì trong cổ ắt có mụn.

Bệnh này ra mồ hôi nhiều, các mạch âm dương(Xích Thốn)

đều đi Khẩn và Sác,

Phép để trị bệnh đau cổ họng gọi là vong dương.

LXIX.- Thương hàn tổng luận ca

(Bài ca tổng luận về thương hàn)

Dịch nghĩa :

Muốn hỏi về bệnh thương hàn,

Trước hết nên định rõ tên.

Dương kinh phần nhiều mình nóng,

Âm chứng ít bị nhức đầu.

Bổ dương nên dùng thuốc chín,

Thuốc tốt, sống chẳng hề gì.

Rành rành việc trong lòng,

Xa xa dưới đầu ngón tay.

Sách **Bách vấn** quả đã rõ ngọn ngành,

Sách **Thiên kim** nên lấy làm khuôn mẫu,

Các bậc danh hiền nghĩ cách giúp đời,

Tên đã chua trong sách tiên.

LXX.- Phát cuồng bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh phát điên)

Dịch nghĩa :

Bút rút, buồn bực, nói nhảm, mặt đỏ,
Nóng dữ, cổ đau gọi là Trùng dương.
Lại chữa bằng phép chữa dương độc,
Dùng các vị Đinh lịch, Thăng ma và Đại hoàng,

LXXI.- Hoắc loạn bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh hoắc loạn)

Dịch nghĩa :

Chân tay co quắp, lại thêm lạnh giá,
Phát nóng, thêm lạnh, dùng thang Tứ nghịch.
Ỉa mửa đã cầm rồi mà mình còn đau,
Dùng thang Quế chi hòa giải là tốt nhất.

LXXII.- Bất khả hãn bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng các bệnh không thể phát hãn được)

Dịch nghĩa :

Mạch đi Nhược là vô dương, đi Tri là thiếu máu
Bệnh thấp ôn, chứng phát nắc, mệt mỏi và bút rút,
Đàn bà bị khi vừa có kinh,
Những người khi bị động cùn là hư nhược rất không nên
dùng thuốc phát hãn.

LXXIII.- Bất khả hạ bệnh chứng ca

(Bệnh ca về triệu chứng các bệnh không thể dùng thuốc xổ
được)

Dịch nghĩa :

Mạch đi Phù, Hư, Tế lại có các chứng biểu,
Nôn mửa, sợ lạnh, không thể trung tiện được,
Đại tiện rắn, táo, tiểu tiện trong,
Hoặc ít, hoặc nhiều, hoặc đại tiện lỏng.

LXXIV.- Phúc thống bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng các bệnh đau bụng)

Dịch nghĩa :

Bệnh thương hàn đau bụng phải xem cho rõ,
Có chứng hư, chứng thực, có chứng âm, chứng dương,
Bệnh về kinh Thái dương mà xỏ thì sinh ra đau ruột,
Nên dùng thang Quế chi thêm Thược dược, nếu đau quá thì
thêm Hoàng
Bệnh về kinh Thiếu âm mà đau ruột thì tháo dạ rất nhanh.
Nên dùng thang Tứ nghịch thêm Thược dược,
Đau trong ruột nên xem người bệnh già hay trẻ,
Nếu là thực thì dùng thang Thừa khí rất hay,

LXXV.- Cước khí bệnh chứng ca

(Bài ca về triệu chứng bệnh cước khí)

Dịch nghĩa :

Chứng cước Khí tương tự chứng thương hàn,
Đầu nhức, mình nóng, đại tiện bì,
Các khớp chân tay đau, thêm cả nôn ọe,
Chỉ khác ở chỗ bệnh cước khí khó co chân tay hơn.

Tiêu rằng : Trước đạo hữu truyền,
Năm tạng, sáu phủ, lệ biên đủ chừng
Tuy rằng bệnh, mạch rõ phân,
1720- Chỉ ư cùng thực chưa từng biện minh.

Môn rằng: Người chịu khí sinh,
Ôm, gầy, béo, chắc, vóc hình khác nhau.
Vậy nên tạng phủ chịu đau,
Chứng hư, chứng thực lộ màu tựa như.
1725- Thực là khí thịnh có dư,
Hư là bất túc, lờ đờ ốm o.
Can thực thời hay giận lo,
Hai tròng mắt đỏ, nét co sảy sần.
Can hư dưới nách giật gân,
1730- Móng tay khô biếc, phấn phấn ê hoài,
Tâm thực thời mừng cười dai,
Nhức trong cánh nách, xuống dài hông đau.
Tâm hư sợ sệt lao chao,
Cứng trong gốc lưỡi, mặt sần thương lo.
1785- Tỳ thực thời bụng đầy no,
Nặng nề mình mẩy, mồi giò, lộ hung.
Tỳ hư bốn vóc chẳng dùng,
Ít ăn, nhiều ỉa, ầu lung, ruột lòi.
Phế thực thời suyễn ho đòi,
1740- Vai lưng vế nhức, buồn hơi ra dầm.
Phế hư hơi thở vắn trầm,
Miệng khô mũi nhức rên ngâm mạc hình.
Thận thực thời dạ trướng bành,
Đái vàng, ỉa rót, thũng hình, mặt thâm.
1745- Thận hư lạnh lẽo như dầm,

Lưng co đau nhức âm âm tai kêu.
 Chúng trong năm tạng chẳng đều,
 Bệnh ngoài sáu phủ cũng nêu khác chùng.
 Đàm thực thời khí một hừng,
 1750- Trong minh hồi hộp ngập ngừng chẳng an.
 Đàm hư hay ẩu nước toan,
 Đáng mồm nhả nhỏ, mơ màng luống nghi.
 Tiểu trường thực ất hỏa suy,
 Nóng khô khát uống, dưới đi nhi vung.
 1755- Tiểu trường hư ất lạnh lòng,
 Máy lèo ruột nhỏ hơi sùng sục đau,
 Vị là chỗ chứa cơm rau,
 Thực thời bụng nhảy, no trào hơi nhặng.
 Vị hư cơm chẳng chịu ăn,
 1760- Ấu lên hôi hám, ỉa răng chẳng tiêu.
 Đại trường thực khí kim nhiều,
 Ruột như dao cắt chín chiều quặn đau.
 Đại trường hư, ất trống sau,
 Khách hàn vào ngụ, làm no ỉa liền.
 1765- Bàng quang thực khí nước truyền,
 Nóng ran khát uống, đần độn méch chùng.
 Bàng quang hư ất lạnh dần,
 Bào trơn đái lảo không chùng chảy tuôn.
 Tam tiêu là phủ hơi luôn,
 1770- Uống ăn, tiêu hóa, nhờ luồng ba hơi.
 Thực thời da sủi sững hơi,
 Đái vàng, ỉa bón, là nơi thăm chùng.
 Hư thời ngôi trống, hàn ngưng,
 Đái xốt, ỉa bón, ăn ngừng, chậm tiêu,
 1775- Chúng đau hư, thực chẳng đều,
 Bởi nơi tạng phủ bệnh nhiều khác nhau.

Hợp chia bệnh mới, bệnh lâu,
 Bệnh già, bệnh trẻ, gan cầu thực hư,
 Lâu cùng già ấy, nhiều hư,
 1780-Mới mà trẻ ấy, thực dư hơi tà.
 Rẽ phân biểu lý chia ra,
 Hoặc hàn, hoặc nhiệt ở ta xét bàn.
 Tóm câu biểu, lý, nhiệt, hàn,
 Chẳng qua hư, thực nẻo đàng ấy thôi.
 1785- Một lời ta đón người ôi !
 Thực thời tả thực, hư rồi bổ hư,
 Dẫn làm chứng thực làm hư,
 Chứng hư làm thực khôn từ lỗi người
 Thực, hư, thầy thuốc giết người,
 1790- Độc hơn ôn dịch bất tươì oan hồn.
 Nào lời đạo hữu dạy khôn,
 Trong ngoài tạng phủ, phải đôn sánh coi.
 Sánh coi tậ bệnh mở mời,
 Đến khi trị liệt lại soi mạch hình.
 1795- Trong, ngoài, hư, thực tỏ tình,
 Mặc dầu đối chứng phẩm bình thuốc thang,
 Bổ hư xưa đã sẵn phương,
 Chín e tả thực lắm đường sai ngoa.
 Các kinh đều có hòa tà,
 1800- Thuốc đi hỏn nghịch gây ra sự loạn,
 Bùa linh thầy vẽ rõ ràng,
 Cầm coi các đạo cứu an hỏa tà :

LXXVI.- Chư dược tả chư kinh chi hỏa tà
(Các vị thuốc trị hỏa tà ở các kinh mạch)

Dịch nghĩa :

Hoàng liên trị hỏa tà ở tim,

Chi tử, Hoàng cầm trị hỏa tà ở phổi,

Bạch thược trị hỏa tà ở lá lách,

Sài hồ, Hoàng liên trị hỏa tà ở gan và mật.

Tri mẫu trị hỏa tà ở thận,

Mộc thông trị hỏa tà ở ruột non.

Hoàng cầm trị hỏa tà ở ruột già,

Sài hồ, Hoàng cầm trị hỏa tà ở tam tiêu.

Hoàng bá trị hỏa tà ở bọng đái.

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vấn Đáp

Trang 6

Ngư rằng : Bệnh nhiễm hơi tà,
Sao là ngoại cảm, sao là nội thương ?
1805- Chứng kiêm ngoại cảm nội thương,
Phép thầy trị liệu theo đường nào ôi ?

Môn rằng : Sách có biện rồi,
Nội thương, ngoại cảm, hai hồi phân minh.
Nội thương đều bởi thất tình,
1810- Đau từ năm tạng trong mình gây ra.
Ngoại thương đều bởi xông pha,
Khiến nên sáu phủ chịu tà lục dâm.
Hợp coi mạch lý dương âm,
Mạch Phù ngoại cảm, mạch Trầm nội thương.
1815- Bệnh nào ăn uống nội thương,
Tay hữu Khí khẩu mạch cường nhảy to,
Bệnh nào cảm mạo ngoại lo,
Nhân nghênh tay tả mạch to nhảy về.
Nội thương nóng lạnh chẳng tề,
1820- Thoạt nóng, thoạt mát, rề rề nào kham,

Ngoại thương nóng lạnh đều làm,
Buổi không xen hở, nằm dầm rên than.
Ngoại thương chứng thật ố hàn,
Dù gần bếp lửa chẳng tan hơi hàn.
1825- Nội thương chứng cũng ố hàn,
Đặng mền nệm ấm bèn tan lạnh lòng,
Ngoại thương chứng cũng ố phong,
Ghét luồng gió lớn thổi giông ùng ùng.
Nội thương chứng cũng ố phong,
1830- Ghét hơi gió nhỏ lòn trong cửa nhà.
Ngoại thương rõ ở mũi va,
Mũi hơi nghẹt cứng, hoặc ra nước bôi.
Nội thương rõ ở miệng môi,
Miệng không biết vị, trong ngôi chẳng hoà.
1835- Lại coi trên bàn tay va,
Lưng bàn tay nóng, ấy là ngoại thương.
Khác thay mấy chứng nội thương,
Lòng bàn tay nóng, phép thường chẳng sai,
Ngoại thương thường nhức đầu hoại,
1840- Bao giờ truyền lý mới phai nhức đầu.
Nội thương cũng có nhức đầu,
Thoạt êm thoạt nhức, mau lâu không chừng.
Ngoại thương tiếng nói lầy lùng,
Lời ra trước nhẹ, sau ngừng nặng hơi.
1845- Nội thương tiếng dức ra lời,
Trước nặng sau nhẹ, ít hơi đã đành.
Đến như mấy chứng truyền kinh,
Trong ngoài đều có bệnh tình đua nhau.
Hợp coi lời biện trước sau,
1850- Phép làm hoãn, cấp, theo đau trị điều.
Bằng tay chứng ngoại cảm nhiều,

Chứng nội thương ít, kíp theo ngoại điều.
Bằng tay chứng nội thương nhiều,
Chứng ngoại cảm ít, kíp theo trong điều.
!855- Ấy rằng trị bản, trị tiêu,
Hoặc chầy, hoặc kíp, phép điều ở ta.
Trị tiêu thời phát tán ra,
Gọi rằng ngoại cảm, thật là hữu dư.
Trị bản thời chuyên bổ hư,
1860- Gọi rằng bất túc, gốc từ trong đau.
Dù cho nội ngoại đều đau,
Bản, tiêu kiêm trị, có màu thuốc phân.
Ngoài nhiều trong ít chẳng cần,
Sáu phần trị ngoại, bốn phần trị trong.
1865- Ngoài chầy trong kíp chẳng đồng,
Trị ngoài phần ít, trị trong phần nhiều,
Cho hay thương, cảm chẳng đều,
Xưa nay trị luận sách nêu nhiều bài.
Tục công học thuốc sơ sai,
1870- Lấy trong bất túc làm ngoài hữu dư,
Chẳng thông hai chữ thực, hư,
Phép dùng hãn, hạ rồi như tơ vò.

Tiêu rằng: Sông biển dễ dò,
Bệnh tình chân giả ít mò đặt ra.
1875- Phép y thổ, hãn, hạ, hoà.
Làm sao nhằm bệnh, dạy ta khỏi lầm?

Môn rằng : Nóng lạnh hằm hằm,
 Giả hàn, giả nhiệt, dễ làm dung y.
 Giả hàn ngoài lạnh tứ chi,
 1880- Họng khô, khát nước, đái đi vàng già.
 Giả nhiệt nóng ở ngoài da,
 Trầm không khát nước, đái ra trong ngần,
 Lạnh giả thời nóng ắt chân,
 Nóng giả thời lạnh, thật phân cho tường.
 1885- Như chứng cách âm đối dương,
 Ngoài rờ giống hực, trong thường lạnh hằm.
 Lại như mấy chứng tự âm,
 Ngoài rờ nóng lạnh, trong hằm nóng ran.
 Phép y trị nhiệt, trị hàn,
 1890- "Ôn lương" hai chữ khuyên chàng chớ quên.
 Muốn chia chân giả hai bên,
 Vọng, vấn, vấn, thiết, phép trên hợp lường.
 Cho hay là khí nhiều đường,
 Vốn không định vóc, biến đường trở tay.
 1895- Phép y thổ, hãn, hạ hay,
 Quả như thực chứng, dùng dày mới nên.
 Thổ vì tà thực ở trên,
 Thượng tiêu tức nghẹn, đóng bèn hơi ngăn,
 Hãn vì biểu thực tà giăng,
 1900- Buồn hơi chẳng rịn, nằm lẫn vật mình.
 Hạ vì tà nhóm âm kinh,
 Gấp đau bụng dạ thực tình bởi trong,
 Tà như xen nửa ngoài trong,
 Hợp làm hoà giải mới ròng nghề hay.
 1905- Biểu hư phép hãn chớ bày,
 Hợp làm thanh giải cho tà kinh dương.
 Lý hư phép hạ bất lương,

Hợp làm tiêu bồ, gìn đường kinh âm.
Cho hay mấy bệnh u thâm,
1910- Hạ lâm âm thoát, hãn lâm vong dương,
Hồi ôi sách thuốc lăm phương,
Bồ hòa, công, tán, vẽ đường sẵn cho.
Tổ sư lời dạy bo bo,
Chứng soi hư thực, mạch dò ngoài trong.
1915- Học sau sách thuốc chẳng thông,
Đáng bồ làm tả, đáng công làm hoà.
Khiến nên mở cửa đất tà,
Chứng khinh hoá trọng, học ra khuấy đời.

Ngư rằng : Nhiệm bấy cơ trời,
1920- Coi vào sách thuốc nhiều nơi mịt mù.
Trong **Kinh** có luận một câu :
"Cang hại thừa chế" ở sau khí vắn.
Vốn chưa rõ đặng máy thần,
"Cang hại" hai chữ xin phân cho rành.

1925- Môn rằng : Khí bầm trong mình.
Gốc nơi thái cực sinh thành người ra,
Âm dương nam tạng bình hoà,
Tiên thiên phối ngẫu đôi đà xứng nhau,
Quân hoả có âm tinh theo,
1930- Tượng hoả có thủy khí theo rằng thừa.
Thủy xuống có thổ khí thừa,
Thổ xuống có mộc khí thừa vắn theo.
Mộc xuống có kim khí theo,

Kim xuống có hoả khí theo vốn hoà,
1935- Âm, dương, đã sánh đôi nhà,
Năm hành méch thắng mới ra tai nạn.
Hơi dâm thái quá là cang,
Hơi theo chờ trả thù oan là thừa.
Khí cang thời có khí thừa.
1940- Lẽ trời báo ứng nào chừa đâu đâu.
Trong **Kinh** luận ấy một câu,
Nghĩa con vì mẹ trả thù mới an.
Trên dầu cây thế lằng loàn,
Chờ thời dưới cũng thăm toan việc mình.
1945- Loại như quân hỏa chẳng bình,
Động cang thời hại, âm tình phế kim.
Thận thủy là con phế kim,
Theo bèn chế hoả dẫn kim hơi cang.
Lấy đôi thủy, hỏa làm dăng,
1950- Còn kim, mộc, thổ, cũng bàn như đây.
Ấy bèn tạo vật máy xây,
Âm dương sinh sát lẽ này rất công.
Cho hay chỗ diệu hóa công,
Trong động có tĩnh, hết cùng lại thông.
1955- Suy ra lẽ ấy cả đồng,
Vật tốt thời phản, vốn không tốt hoài.
Lẽ đâu cang hại đặng dai,
Đến khi cang cực, nghiêng vai chịu càm.
Chữ rằng : mộc cực tự câ (kim),
1960- Kim cực tự hỏa, nóng xâm sắt ruộng,
Hỏa cực tự thủy, đổ buồn,
Thủy cực tự thổ, đọng đường cái doanh.
Thổ cực tự mộc, động mình.
Ấy là tạo hoá máy linh lở màu.

1965- Thử xem phong mộc làm đau,
 Giấy vùng tốt sức, rồi sau nghiêng mình.
 Mộc cực tự kim đã đành,
 Động qua phải tĩnh, hết tình thời thôi.
 Thấp thổ làm bệnh cực rồi,
 1970- Gân run thịt động giật rồi tay chân,
 Thổ cực tự mộc đã ung,
 Tĩnh lâu phải động, theo chùng mới xong.
 Lấy hai chứng ấy ghi lòng,
 Dù muôn bệnh cũng tới trong xét lường.
 1975- Chỗ rằng "Âm chứng tự dương,
 Dương tự âm ấy" y phương dễ làm,
 Dù không xét máy dương âm,
 Biện câu "cang hại" ít làm giết người.
 Lại như tạp chứng đau người,
 1980- Lạnh qua nóng lại, khuyên người thám tình.
 Đau sau buổi trọng buổi khinh,
 Hoặc chờ ngày đến truyền kinh rồi lành.
 Xưa rằng "chẳng thuốc mà lành",
 Gẫm câu "thừa chế", bệnh tình khá trông.
 1985- **Dịch** rằng "Tạo hóa linh thông",
 Máy xây chẳng đến chung cùng lại lâu.
 Bệnh chờ thời vận đến đầu,
 Nhớ hơi thừa chế, đau đâu cũng lành.
 Hỡi ôi thầy thuốc tài lành.
 1990- Thử theo ý ấy cứu sinh cho người.
 Trị bệnh hợp xét thời trời,
 Khí cang làm hại, trách nơi khí thừa.
 Có sao cang hại trách thừa ?
 Bởi thừa chẳng đủ sức ngừa hơi cang.

1995- Thiên này nhiều tiếng ngọc vàng,
Chớ nề lời tục phụ phàng nô nã.

Ngư rằng : Tạng phủ khác xa,
Âm chứng, dương chứng sao mà giống nhau.
Âm dương máy hiểm và sâu,
2000- Thị phi muốn biện theo đâu khỏi lầm ?

Môn rằng : Dương chứng tự âm,
Ngoài da lạnh ngắt, trong hằm nóng ran.
Trùng ra con mắt đỏ vàng
Miệng môi khô khát, hai đàng tiện nan.
2005- Mạch Sác ỉa bón, đái vàng,
Thực là dương thịnh giả hàn hơi xen.
Dù cho lạnh đắp run en,
Hợp cùng thuốc mát, trị bèn đặng an.
Tự âm vốn chẳng phải hàn,
2010- Thừa khi, Giải độc, các thang nên đầu,
Lạnh lâu thời nóng cũng lâu,
Trong khi nói ấy một câu nghĩa tường.
Lại như âm chứng tự dương,
Ngoài da nóng rực, trong thường lạnh tanh.
2015- Trùng ra nước dãi trong thanh,
Dộc môi, nhót miệng, mục thanh, mạch Trì.
Nằm co trùn đắp bổ vi,
Ít đòi uống nước, ỉa đi bã hèm.
Vĩ dù nói quấy nói sàm,
2020- Muốn bôn nê thủy cũng làm tự dương,

Thuốc ôn trị chứng tự dương,
Lý trung, Tứ nghịch các phương hợp dùng.
Hồi ôi đòi lắm tục công,
Lễ âm dương tột, chẳng thông ắt lắm.
2025- Âm phản dương, dương phản âm,
Cang cực thời biến, cổ âm (kim) lễ thường
Muôn cho rộng chúc y phương,
Độc lời ca quyết, thấy đường chẳng xa,

LXV.- (Từ: LXXVIL. Âm chứng tự dương bệnh ca)

(Bài ca về bệnh âm chứng tự dương)

Dịch nghĩa :

Âm chứng tự dương nên nhận rõ,

Buồn bực, bứt rứt, mặt đỏ, mình hơi nóng. Đó là âm lạnh phát buồn bực,
nên dùng thuốc ôn (ấm).

Bệnh ấy bộ Xích và Thốn mạch đi Vi và Trâm, nói cho anh biết.

LXVI.- (Từ: LXXVIII.- Dương chứng tự âm bệnh ca)

(Bài ca về bệnh dương chứng tự âm)

Dịch nghĩa :

Dương chứng tự âm, lấy gì mà lường biết,

Chân tay lạnh giá, tiểu tiện đỏ,

Đại tiện thì hoặc bón, hoặc đen,

Bệnh ấy mạch đi Trâm, Hoạt, anh nên rõ.

Ngư rằng : Vận khí vốn hoà,
2030- Bệnh không thuốc uống, thời qua cũng lành.
Cang cực thừa chế đã đành,
Bệnh người nặng nhẹ, tử sinh có trời.
Chuyên theo vận khí ở trời,
Còn làm thầy thuốc ở đời làm chi ?

2035- Môn rằng : Hợp lấy lẽ suy,
Bằng cảm một mạch, biết chi giúp đời ?
Tượng người tùy ứng tượng trời,
Chín người vật dục lắm hơi chẳng đồng,
Hoặc vì tửu sắc đấm lưng,
2040- Hoặc vì đói lạnh, sức nông nhọc làm.
Mình gây đau ốm đã cam,
Trách trời, trời biết xuống làm sao cho ?
Vậy nên tạo vật sớm lo,
Mở rừng được phẩm, nhen lò tế sinh,
2045- Nấy cho các bậc thánh minh,
Dựng phương pháp trị trong mình người ta.
Sách nho rằng "trí trung hòa".
"Tham thiên tán hóa" ấy là lương y.
Chỗ rằng "bất dục trúng y",
2050- Ấy là nhân bệnh thiên thì ứng nhau.
Hơi trời vay phất làm đau,
Chớ khi thừa chế theo sau bèn lành.
Đến như nhân dục hại mình,
Đau không uống thuốc sao bình máu hơi.
2055- Nên rằng vận khí ở trời,
Cũng có vận khí ở nơi mình người.
Thời trời hơn ấy theo trời,

Bệnh người hơn ấy theo người xét tra.
Lấy trong hai ấy chia ra,
2060- Đâu là y biến, đâu là y nguyên.
Hỡi ôi ai biết y nguyên,
Trộn nơi vận khí, ấy chuyên theo trời.
Mới hay y biến theo người,
Luống cảm phương sẵn lâm đời sao nên ?
2065- Muốn cho rõ lẽ dưới trên,
Lời thơ Trương tử chớ quên mà lầm.

LXXIX.- Trương Tử Hòa thi
(Bài thơ của Trương Tử Hoà)
Dịch nghĩa :
Bệnh nếu không hợp với vận khí trong năm,
Thì xem nó hợp với vận khí năm nào.
Cứ theo năm ấy mà châm chước cách chữa,
Mới biết là đều trong vòng chí lý.

Tiêu rằng: Ba bộ mạch thường,
Thốn, Quan, Xích đủ âm dương ra vào.
Chia nam, bắc chính có sao ?
2070. Thiên hoà bất ứng, năm nào bộ chi ?

Môn rằng : Vận khí xây đi,
Nam chính, bắc chính, định vì chúa, tôi,

Sáu hơi quân hoả cao ngòi,
 Chẳng dùng làm việc, một ngòi rảnh rang.
 2075.- Năm vận thấp thổ quyền sang,
 Dùng nên số ở giữa bàn trung ương,
 Cho hay vận thổ làm vương,
 Mặt nam ra lệnh bốn phương đến châu.
 Mộc, kim, thủy, hoả ứng hầu,
 2080.- Đầu tôi mặt bắc, cúi đầu xưng phan (phiên).
 Chia ngôi nam, bắc rõ ràng,
 Lấy trong mười chữ thiên can hóa vờ.
 Nam chinh ấy nói đạo trời,
 Bắc chinh đạo đất thật lời sách biên.
 2085.- Thử xem Giáp, Kỷ hai niên,
 Hóa ra phận thổ, thật quyền nam quân.
 Tám năm bắc chính đều thần,
 Đinh, Nhâm, Canh, Ất, Bính, Tân, Quý, Mò (Mậu).
 Lấy hai ngôi chính phân đồ,
 2090.- Theo niên bàn mạch nói phô mới rành.
 Thiên hoà mạch ấy vốn bình,
 Mạch trầm chĩn luận tình hình tam âm.
 Thái âm, Thiếu âm, Quyết âm.
 Giữ trời, giữ đất, xét tầm theo niên.
 2095.- Nam chinh Thái âm tư thiên,
 Bộ thốn tay hữu mạch chuyên đi chìm,
 Nam chinh Thái âm tại tuyền,
 Bộ Xích tay hữu mạch chuyên đi chìm,
 Nam chinh Quyết âm tư thiên,
 2100.- Bộ Thốn tay tả mạch chuyên đi chìm.
 Nam chinh Quyết âm tại tuyền,
 Bộ Xích tay tả mạch chuyên đi chìm.
 Nam chinh Thiếu âm tư thiên,

Bộ Thốn, tả, hữu đều chuyên đi chìm.
 2105.- Nam chinh Thiếu âm tại tuyền,
 Bộ Xích tả, hữu đều chuyên đi chìm.
 Bắc chinh Thái âm tư thiên,
 Tay hữu, bộ Xích, mạch riêng đi chìm.
 Bắc chinh Thái âm tại tuyền,
 2110.- Tay hữu, bộ Xích, mạch riêng đi chìm.
 Bắc chinh Quyết âm tư thiên,
 Tay tả bộ Xích mạch riêng đi chìm.
 Bắc chinh Quyết âm tại tuyền,
 Tay tả bộ Thốn mạch riêng đi chìm.
 2115.- Bắc chinh Thiếu âm tư thiên,
 Tả, hữu bộ Xích đều riêng đi chìm.
 Bắc chinh Thiếu âm tại tuyền,
 Tả, hữu bộ Thốn đều riêng đi trầm.
 Ấy là mạch lý tam âm,
 2120.- Gọi rằng bất ứng đều trầm trong tay.
Cam châu sách lại tỏ bày,
 Coi ngôi quân hoả năm nay bộ nào.
 Ở nơi Xích Thốn bộ nào.
 Mạch rằng chẳng ứng chìm vào lột xương.
 Cho hay phép mạch ấy thường,
 Bốn mùa bệnh biến nhiều đường chẳng cầu.
Kinh rằng trời đất máy sâu,
 Khí làm thắng phục mạch đâu thấy hình.
 Xem hơi thắng phục cho tinh,
 2130.- Chữ thời, chữ bệnh, mặc tình trị theo.
 Đạo y lắm chỗ cheo leo,
 Chẳng nên chấp nhất làm nghèo người ta.
 Dón thay một mạch thiên hoà,
 Tổ xưa sẵn đặt bài ca dạy đời :

LXXX.- Ca viết

(Ca rằng)

Dịch nghĩa :

Nói về mạch Thiên hòa chỉ bàn đến ba khí âm,

Nam chính tư thiên thì bắc chính tại tuyền.

Thái âm chuyên chủ bộ Thốn và Xích tay phải,

Quyết âm chuyên chủ bộ Thốn và Xích tay trái,

Thiếu âm thì Xích và Thốn cả hai bên đều không ứng.

Nếu giao hay phản là sắp chết.

2135- Ngự rằng : Gẫm lẽ dưới trời,

Đã sinh được phẩm cứu đời nhân gian.

Cớ sao lắm kẻ ngỗ ngang,

Đau thời cầu phép dị đoan độ mình.

Hoặc cầu thầy sãi tụng kinh,

2140- Hoặc cầu thầy pháp rập rình chữa chuyên,

Hoặc cầu thần quỷ cho thuyền,

Hoặc cầu đồng bóng chúc nguyện chư linh ?

Thấy làm những việc bất kinh,

Bùa đeo, thuốc giải, bệnh tình cũng thuyên.

2145- Chẳng hay đạo thuốc xưa truyền,

Phương nào trịặng thói xiên nhân tình ?

Môn rằng : Trong cuộc u, mình,

Người cùng thần quỷ yêu tình khác đường,

Bởi người ăn ở không thường,
 2150- Hơi tà duông gió vẩn vương tai nạn.
 Như nay miếu sập chùa hoang,
 Thần nghèo, quỹ đói mượn đàn làm ôn.
 Như nay hồ mị hớp hồn,
 Vực giao bán bóng, đều phồn yêu tinh.
 2155- Có nơi quỷ mị hiện hình,
 Làm cho bệnh nhiễm trong mình người si.
 Sách rằng "trúng ác truyền thi",
 Ấy là tật quấy, bệnh kỳ xiết bao.
 Tổ xưa làm thuốc ấy cao,
 2160- Có phương lại có phép màu nhiều môn
 Ông thời lấy thuốc đuổi ôn,
 Lấy trâm trừ quỷ, tiếng đồn đã vang,
 Ông thời ếm huyết Cao hoang,
 Chích hang Quỷ nhãn, giải nạn cứu tai.
 2165- Ông thời mũ áo trắng trai,
 Phá hình cây gãi trừ loài yêu ma.
 Đạo ta lăm chước trừ tà,
 Yêu tinh, quỷ quái khó qua thánh hiền.
 Vậy nên trong sách thuốc biên,
 2170- Chữ rằng hoạt pháp rộng truyền nhiệm thay !
 Thầy nay chấp nhất chẳng hay,
 Gặp cơn tà thắng khoanh tay, lắc đầu.
 Khiến bày thuật sĩ theo sau,
 Ra làm phép bậy đua nhau đối đời.
 2175- Dân ngu chẳng tỏ lẽ trời,
 Đau thời sợ chết, khắp vời chư sư.
 Lòng tà gây bởi chư sư,
 Dân phong lân nhiễm ngày hư thói đời.
 Dù người đau tỏ lẽ trời,

2180- Y còn phép bí, ai vờ dĩ đoan ?

Muốn cho đẹp lũ dĩ đoan

Dò theo phép tổ, rõ ràng đạo ta.

Người đau có chính có tà,

Nhà y phép trị có khoa biến thường.

2185- Bệnh chính thời dụng thuốc thường,

Bệnh tà thời dụng biến phương phép ngoài

Trời sinh muôn vật đều tài,

Học cho tốt lẽ, trừ loài yêu tinh,

Loại như vật uế trừ tinh,

2190- *Vật hương* trừ quái, quý kinh *A nguyền*.

Hồ tinh sợ *chó săn* đi,

Xà yêu sợ *tôi*, lại nghi *Hùng hoàng*,

Lấy vải vật ấy suy bàn,

Biết trong tạo hóa nhiều đàng thuốc tinh,

2195- Vật đều có chỗ hợp sinh,

Khác nhau thời ắt có hình chế nhau.

Cho hay vật có chế nhau,

Khắp xem **Bản thảo** trước sau chẳng đồng.

Sách nêu tinh dược nhiều ông,

2200- Ném mùi chẳng một Thần Nông xưa truyền.

LXXXI.- Bản thảo dẫn (Lôi công soạn tiếp kinh)

(Lời dẫn về **bản thảo**. Tóm tắt sách **Lôi công bào chế**)

Dịch nghĩa :

Bản thảo truyền trong nghề thuốc ; còn lưu cho tới ngày nay.

Vua thánh tôi hiền lịch đại, ai cũng lưu tâm ;

Người nhân, con hiếu từ xưa, thấy đều chú ý.

Sinh làm người trong khoảng hai nghi ; Đúc nên xác nhờ công bốn chất,
Phong hàn, thử, thấp, nấu nung; Mừng, giận, nghĩ lo, uất kết,
Héo tươi, khô, sượng, tất tồn đến tinh thần;
Nhọc, rồi, đói, no, đều hại cho khí huyết.
Đã có sống khó mà trốn khỏi;
Đã có thân ai cũng thể thôi.
Bầm thục người hư thực chẳng đồng, phải giữ mực thường mới được;
Cây cỏ chất độc lành đều khác, chưa rõ tính nó chớ dùng.
Thuốc nào mà chẳng hiệu; Dùng đúng thì hay.
Thử ngâm ô mai, răng ê ngay mà nước dãi chảy;
Vừa thổi Bò kết, hắt hơi liền mà lỗ mũi thông.
Ăn cái cay mà lệ vòng quanh; Nhai Hoa tiêu mà hơi bế tắc.
Âm giao dò biết nhọt trong ở đâu;
Tiêu mạt chữa chứng đầu đau tưởng chết !
Đái vật, đái sắn, đêm sắc Tỳ giải; Minh lạnh, bụng lớn, nhờ cả Lô từ.
Nước đái rùa chữa được cầm khâu;
Xương xẩu chuột làm cho mọc răng.
Tù thạch bắt được mũi kim;
Hổ phách nhặt được hạt cải.
Mật rái rề được nước, Keo loan nổi được xương;
Cho ngó sen mà tiết không đông;
Bỏ xác cua mà sơn tan rửa.
Nhựa có thể nấu tan quế ra nước;
Mỡ cóc có thể làm mềm ngọc như bùn.
Tạm kẻ ít điều để làm chứng nghiệm rõ ràng;
Cho rõ hết thầy đều có công dụng riêng biệt
Thường khi dùng một, khí thuần nhất thì công hiệu càng nhanh.
Hoặc lúc kiêm nhiều, vị phức tạp mà kết quả hơi chậm.
Tá, sứ biết để tâm kén kỹ, giúp đỡ thêm thì chóng thu công;
Uý, ồ lắm những vị trái nhau, ganh ghét lộn sẽ thành rắc độc.
Mừng, lo trông cả ở bệnh lui hay tiến;

Chết sống quan hệ bởi phương dở hay hay.
Phải tinh tường theo sách định bài;
Chớ quấy quá gặp chẳng hay chớ !
Đổi chứng lập phương, phải lọc lấy sở trường trong các sách;
Tùy nghi dùng thuốc, họa là mong công hiệu được vạn toàn.

Tiêu rằng: Hỏi phụ nhân khoa,
Xin nghe các chứng đàn bà có thai.
Coi trong kinh lạc mười hai,
Chia theo mười tháng nuôi thai xưa bàn
2205- Dưỡng thai *một tháng* kinh can,
Hai tháng kinh đảm, *ba* sang tâm bào,
Bốn tháng kinh tiểu trường trao,
Năm tháng tỳ dưỡng, *sáu* vào vị hương,
Bảy tháng kinh phế nuôi thường
2210- Bước qua *tám tháng* đại trường thay phiên
Chín tháng kinh thận nổi liền,
Trộn phần *mười tháng* về miền bàng quang.
Mười kinh, mười tháng chia đàng,
Âm dương thủ túc nuôi bàng Xung Nhâm
2215- Có sao kinh Thiếu Tâm,
Cùng Tam Tiêu phủ chẳng cần nuôi thai ?

Môn rằng : Một việc dưỡng thai,
Có lời Sào thị để bài sách biên.
Tâm làm mẫu tạng chủ chuyên.
2220- Tam tiêu phủ ấy làm truyền tổng quan,
Gốc thai lấy máu làm sang,

Máu nhờ tâm chủ tóm đàng mạch kinh.
Cho hay mạch máu các kinh,
Nhóm nuôi chữa nghén nên hình bởi tâm.
Phải nhường kinh Thủ Thiếu âm,
Chẳng chia phiên thứ mỗi cầm chủ trương,
Gầm trong kinh lạc âm dương,
Năm hành đắp đổi lẽ thường sinh nhau,
Có ông Phùng thị nối sau,
2230- Gốc theo **Kinh** chỉ, lời mẫu luận cao,
Kinh rằng "tâm với tâm bào",
Tuy chia hai mạch thực vào một nơi.
Mười hai kinh lạc máu hơi,
Ngày nào chẳng khắp vắn nơi trong mình,
2235- Có thai rồi lại bế kinh
Vầy hơi nhóm máu, đồng tình nuôi thai.
Lấy lời Sào thị luận thai,
So lời Phùng thị vắn dài khác nhau,
Học thời sáng lẽ làm đầu,
2240- Lời nào xác lý phải cầu xét coi,

Tiêu rằng: Thai đã đặng nuôi,
Có thai thời đẻ xong xuôi vuông tròn.
Có sao lắm kẻ chữa non,
Hoặc năm ba tháng, rồi con chẳng thành,

2245- Môn rằng : Một việc thai sinh,
Nên hư trách ở trong mình phụ nhân.
Thuần Khôn là người phụ nhân,

Máu hơi đầy đủ trong thân tốt lành.
 Có thai đủ tháng thời sinh,
 2250- Ấy là trời đất thường tình xưa nay.
 Bởi người khí huyết chẳng đầy
 Mạch Xung Nhâm yếu giống gây sao nên,
 Thai nguyên gốc đã chẳng bền
 Lại thêm bệnh hoạn dưới trên nhộn nhàng,
 2255- Trách chi chữa nghén chẳng an,
 Tiểu sản, bán sản, liền mang nơi mình.
 Ví như trái trở trên nhành,
 Gốc cây chẳng vững, trái đành rụng non,
 2260- Máu hơi mỏng yếu đẻ con ra gì.
 Thêm lòng dâm dục lỗi nghi,
 Ăn chơi chẳng kể vật chi dữ lành.
 Thêm thầy hốt thuốc bất kinh,
 Lầm đem vị độc hại tinh huyết người.
 2265- Muốn cho xen giúp thợ trời,
 Trị thai phải dụng coi lời cấm xưa.

LXXXII.- Nhâm thần cấm phục ca
 (Bài ca về các vị thuốc cấm dùng cho đàn bà có thai)
 Dịch nghĩa :
 Nguyên trùng, ban miêu, đĩa và manh trùng
 Ô đầu, Phụ tử và Thiên hùng
 Dã cát, Thủy ngân cùng Ba đậu,
 Ngưu tất, ý dĩ và Ngô công (con rết),
 Tam lăng, Nguyên hoa, Đại giả thạch, Xạ hương,
 Đại kích, Xà thuế (Xác rắn), Thư hoàng, Hùng hoàng,

Nha tiêu, Mang tiêu, Mẫu đơn, Quế,
Hòe hoa, Khiên ngư, Tào giác (bồ kết),
Bán hạ, Nam tinh, Thông thảo,
Cỏ mạch, Can khương cùng Đào nhân,
Chu sa, Can tất, Giải trảo giáp (mai cua),
Địa đạm, Mao căn (gốc cỏ tranh) đều không được dùng.

Tiêu rằng: **Phép trị trước thai,**
Bao nhiêu chứng nhiệt, dùng bài thuốc lương.
Đến như chứng lạnh không thường,
2270- Cấm dùng thuốc nóng, còn phương pháp gì ?

Môn rằng : **Muốn rộng chúc y,**
Bệnh thường, bệnh biến, phải suy cho tường.
Thai tiền hợp dụng thuốc lương,
Ấy là chỗ luận bệnh thường phép y.
2275- Đến như bệnh biến chứng kỳ,
Quen theo thường trị, lấy gì làm công ?
Như đau lạnh thấu tử cung,
Can khương, Quế, Phụ chẳng dùng sao an ?
Như đau máu chứa bàng quang,
2280- Phương nào khỏi hốt Đại hoàng, Đào nhân ?
Bệnh thời bệnh chịu đã ung,
Chỗ đau có cố, nào từng phạm thai?
Xưa rằng y biến thật tài,
Ứng theo máy trị, nhiều loài, nhiều phương.
2285- Cui thiên "thai dụng biến thường"
Việc người chữa ghen lắm đường bất kinh.

Có người gọi chứng "ám kinh",
 Tháng không nhớ uế mà mình nên thai.
 Có người gọi chứng "cầu thai",
 2290- Nghén rồi, kinh nguyệt xây xây máu ra.
 Máu ra mà nghén chẳng sa,
 Gọi rằng "thai lậu", thật là huyết dư.
 Có người nghén một năm dư,
 Hoặc mười bảy tám tháng chừ mới sinh.
 2295- Gọi "thai bất trưởng" là danh,
 Bởi người khí huyết trong mình chẳng sung.
 Gặp thai mấy chứng lạ lùng,
 Khuyên người chẩn mạch cho ròng, khỏi sai.
 Lại còn chứng gọi "quỷ thai",
 2300- "Trung hà", "bĩ khối", cũng loài bụng to,
 Nhót nhau hơi hết, giả đồ giống thai.
 Máu hư chứa đọng ngày dài,
 Gọi rằng "súc huyết", giống thai một đường.
 2305- Hời ôi bệnh biến khôn lường,
 Dị thường trong lại dị thường biết bao,
Kinh rằng bảy bảy tuổi cao,
 Dứt đường thiên quý, lẽ nào có thai.
 Vợ người Tịnh Phổ là ai,
 2310- Minh đà sáu chục tuổi ngoài, còn mang.
Kinh rằng hai bảy tuổi nàng,
 Thông thường thiên quý mới toan gả chồng.
 Tô Khanh có gái má hồng,
 Mới mười hai tuổi lấy chồng liền thai.
 2315- Cui hai đầu sử biên ngoài,
 Nghiệm vào sách thuốc, khá nài sao ôi!
 Học thời thông biến mà thôi,
 Biến không chừng hiện, nào rồi liệu lương.

Luận người gặp biến cứ thường,
2320- Bệnh người gặp biến cứ thường sao xong.
Muôn cho lớn mật, nhỏ lòng,
Gặp con y biến nên công mới tài.

Tiêu rằng: **Chẩn mạch trước thai,**
Chia tay hữu gái, tả trai đã đành.
2325- **Tả di hoạt tạt trai sinh,**
Hữu di hoạt tạt gái sinh phải rồi.
Còn e người ghen thai đôi,
Hai tay sáu bộ, chủ coi mạch gì?

Môn rằng : **Ba bộ mạch đi,**
2330- Âm dương hai chữ, thịnh suy khác hình.
Gốc trong tạng phủ, năm hành,
Sánh duyên chồng vợ, tỏ tình mẹ con.
An ngôi chồng vợ, mẹ con,
"Tung, hoành, thuận, nghịch" xây còn trong tay.
2335- Bộ âm mà mạch dương vậy,
Chồng thừa ngôi vợ, lẽ này rằng "tung"
Lại như vợ đến ngôi chồng,
Bộ dương mà mạch âm thông, rằng "hoành".
Con thừa ngôi mẹ nghịch danh,
2340- Mẹ thừa con ấy thuận tình ở nhau.
Lặng lòng theo mạch xét cầu,
Máy âm dương nhóm, biết đầu gái trai.
Ba dương mạch thịnh, con trai,
Ba âm mạch thịnh, gái thai hẳn hoi.

2345- Tả đới tung, ầy trai đôi,
Hữu đới hoành ầy gái đôi hơi hòa.
Tả dương mạch nghịch, trai ba,
Hữu âm mạch thuận, gái ba nên hình.
Muôn coi tạo hóa máy linh,
2350- Đọc lời bí quyết Mạch kinh truyền lòng.

LXXXIII.- Chẩn nhâm thần mạch quyết

(Bí quyết xem mạch người có thai)

Dịch nghĩa :

Can chủ huyết chừ, phế chủ khí.

Huyết là vinh chừ, khí là vệ,

Âm dương đôi lứa chẳng so le,

Hai tạng thông hoà cùng một lệ,

Huyết suy, khí vượng quyết không thai.

Huyết vượng, khí suy chắc có thai,

Thốn Vi, Quan Hoạt, Xích hơi Sác,

Đi lại tron tru, hoặc tước trác :

Ấy mạch con trẻ hiện hình rồi,

Mới vài tháng nên chưa biết thôi !

Tả mau là trai, hữu là gái,

Tron tru thông nhau, mau đi, lại

Quan bộ hai tay Hoạt cùng Đại,

Có thai nhưng có cũng là mới.

Thấy hình con trẻ, hai là phải...

Tay tả thấy tung hai đứa trai:

Tay hữu thấy hoành gái một đôi;

Tay trái mạch thuận, ba gái rồi...

Thốn, Quan, Xích, hai bên đều nhau :
Một trai, một gái, có sai đâu.
Tay trái Trâm Thực, trai chắc hẳn...
Tay phải Phù Thực, gái rõ màu.
Dương mạch là trai, âm mạch gái,
Rõ ràng dưới ngón nhớ kỹ lấy,
Ba bộ Trâm đều chẳng còn ngờ,
Xích bộ không dứt, có thai đấy !
Mạch thê thừa phu gọi là hoành,
Mạch phu thừa thê tung đã rành,
Mạch tử thừa mẫu thực nghịch khí,
Mạch mẫu thừa tử mới thuận tình.
Huyền, Khẩn, Lao, Hoạt, Cường yên ổn,
Trâm, Tế và Vi, chết đã rành.

Tiêu rằng: Trong bụng đàn bà,
Có thai mấy chứng sách đà rõ biên.
Loại như tử giản, tử huyền,
Tử thũng, tử khí, tử phiên, tử lâm.
2355- Bao nhiêu chứng "tử" hoài nhâm,
Đều nhâm hơi nghén gây thâm đau trong.
Đã hay chứng giản là phong,
Thũng khí là thấp, đều trong bụng truyền.
Hơi đi nghịch ấy làm huyền,
2360- Nóng trong, nóng dưới làm phiên, làm lâm.
Đàm nhiều làm chứng ác tâm,
Dưới hư làm chứng đau xấp chuyển bào,
Thai động thời bụng đau bào,
Lậu thai bụng lớn, đều trào máu ra.
2365- Chứng thai động lậu khác xa,

Động là khí bách, lậu là nhiệt thương,
Thấy lời thai luận biến, thường,
Phong đàm, nhiệt, thấp, nội thương khác ngoài.
Khử tà mới giữ đặng thai,
2370- Chứng nào thuốc nấy, theo loài trị an.
Chấn lo một chứng mơ màng,
Nghén chưa đủ số, bụng nàng liền đau.
Nghén vừa bảy tám tháng sau,
Thoắt la chuyển bụng, giống đau giả đò,
2375- Khiến nên thầy hốt thuốc dò.
Chứng không thấy sách, lò mò lênh chên.
Nửa thời muốn hốt thôi sinh,
E chưa đủ tháng hại mình người thai.
Nửa thời muốn hốt an thai,
2380- E cạn ngày tháng hoa khai lỗi kỳ.
Muôn cho khỏi tiếng tục y,
Xin phân chừng ấy thuốc chi vạn tuyền (toàn)?

Môn rằng : Mấy chứng thai tiền,
Người đã biết đặng sách biên luận tường,
2385- Lệ thai mười tháng là thường,
Đến ngày con đỏ tìm đường chun ra.
Bụng đau cấp xúc rên la,
Lưng đau như gãy, mắt hoa bay ngời.
Ví như dưa chín cuống rời,
2390- Trái muối mới thấy bay hơi thơm lành.
Gọi rằng "chính sản" cho mình,
Hợp coi chứng mạch, thăm tình gần xa.
Thai vừa bảy tám tháng qua,
Thoắt la chuyển bụng ấy là lộng thai.

2395- Tên rằng "thí nguyệt", "lộng thai",
 Bụng đau xăm xía, lòi xài nhặt lơi.
 Tục rằng đau dạo đường chơi,
 Con chưa đủ tháng, nào rời mẹ đầu.
 Làm thầy chẳng khá cầu mau,
 2400- Hỏi tra ngày tháng trước sau cho rành.
 Chín coi một mạch ly kinh,
 Lộng thai, chính sản, tình hình khác xa.
 Nhâm thân đến bữa khai hoa,
 Dù không thuốc gục, đẻ ra cũng thành.
 2405- Lẽ trời nào đợi thôi sinh,
 Thôi sinh lỗi dụng, hại mình người ta,
 Thử xem kén bướm, trứng gà,
 Đủ ngày rồi cắn mỏ ra con bầy,
 An thai lỗi dụng cũng gay,
 2410- Đến ngày ung đẻ, bị thầy cản con.
 Muốn nên đều lẽ vuông tròn,
 Lộng thai, chính sản, chừng còn tay ta,
 Đã Ly kinh ấy cho ra,
 Chưa Ly kinh ấy, hợp hoà máu hơi.

LXXXIV.- Ly kinh mạch quyết

(Phép xem mạch ly kinh)

Dịch nghĩa :

Một hơi sáu lần đến : Ly kinh,
 Trầm Tế mà hoạt cũng cùng danh.
 Nửa đêm thấy đau chắc sắp cử,
 Sớm mai, trưa mai sẽ thấy sinh.

2415- Tiều rằng: *Sinh sản có trời,*
Chửa rồi thời đẻ, nào lời ai than.
Có sao còn kẻ sản nan,
Coi loài súc vật đẻ an hơn người ?

Môn rằng : Ấy bởi người đời.

2420- Ở an lỗi đạo, trích trời hà can ?
Trời nào nữ khiến sản nan,
Sản nan hệ bởi mình nàng gây ra.
Thánh xưa làm thuốc phụ khoa,
Nhân nêu *bảy chuyện* đàn bà sản nan.
2425- *Một nhân* an dật, thanh nhàn,
Chẳng quen khó nhọc việc vàng xông pha.
Khiến nên khí huyết lấp sa,
Đến kỳ chuyển bụng năm ba bảy ngày,
Hai nhân phụng dưỡng vị dày
2430- Miếng ngon vật lạ liền ngày ăn no,
Khiến nên thai béo bào to,
Đến ngày sinh đẻ bụng gò đau lâu.
Ba nhân dâm dục tình sâu,
Nệm loan gối phụng liền hầu phòng lao,
2435- Gây nên lửa đốt tinh hao,
Đến cơn chuyển bụng thai bào khô khan.
Bốn nhân đẻ chút chậm gần,
Ưu nghi hai chữ buộc ràng vào thân.
Khiến nên vắn bốc cầu thân,
2140- Lãng xãng thăm hỏi gây phần loạn sinh.
Năm nhân nhuyển khiếp trong mình,

Bụng đau nhứt thúc cúi hình khom lưng.
Ngửa nghiêng trần trọc không chừng,
Khiến trong cửa đẽ bít dưng khôn toan,
2445- *Sáu nhân* hai chữ sản hoàng,
Con chưa quày xuống vôi vàng rặn khan.
Nghe lời bà mụ rặn khan,
Khiến con ra ngược ra ngang lổ đường.
Bảy nhân hư pháp nội thương.
2450- Trong mình ốm yếu nào thường máu hơi.
Sớm dùng sức rặn rặn khơi,
Nước nguồn khô rít, khôn dờ con ra,
Hồi ôi phận sự đàn bà,
Có nhân bảy ấy mới ra tai nạn.

2455- Sách y mấy chuyện sản nan,
Điều biên phép trị rõ ràng, khá coi.
Tử, sinh, người đẻ có mời,
Xưa truyền phép tướng hãn hời chẳng ngoa.
Sản nan coi tướng đàn bà,
2460- Mặt là chừng mẹ, lưỡi là chừng con.
Mặt tươi lưỡi thắm vuông tròn,
Mẹ còn cứu mẹ, con còn cứu con,

LXXXV.- Tướng sản phụ bí pháp
Diện dĩ hậu mẫu, thiết dĩ hậu tử
(Bí quyết xem đàn bà khi sinh
Mặt để xem mẹ, lưỡi để xem con)
Dịch nghĩa :

Người đẻ khó, triệu chứng sống chết gần giống nhau.
Xem sắc lưỡi và mặt đỏ hay xanh,
Lưỡi xanh và lạnh giá, mẹ sẽ chết.
Lưỡi xanh mặt đỏ riêng con chết,
Mặt xanh, lưỡi đỏ riêng mẹ sống,
Môi miệng đều xanh, lại nhều dãi,
Mẹ con chết cả rõ rành rành.

Tiêu rằng: Người mới đẻ rồi,
Trong mình khí huyết hư đòi biết bao.
2465- Phép y điều lý đường nào,
Chứng cùng mạch lý xin trao cho nhờ.

Môn rằng : Sản hậu một khoa,
Chứng nào thuốc nấy sách đà luận riêng.
Ta nghe tâm pháp thầy truyền,
2470- Bệnh người sản hậu có nguyên ba điều.
Một là máu trống lửa diêu (dao)
Gây trong nóng táo, chứng nhiều cuồng kinh,
Một là bại huyết vọng hành,
Bụng đau đầu nhức, rêm mình tay chân.
2475- Một là ăn uống quá chừng,
Gây nên mửa ỉa, trên ngưng, giữa đầy.
Lại nghe sản hậu bệnh gay,
Ba xung, ba cấp, chứng này nguy hung.
Xung là bại huyết lâm hung,
2480- Xung tâm, xung phế với xung vị tào.
Cấp là mới đẻ hơi hao,

Hoặc thổ, hoặc tả, hoặc trào buồn hôi.
 Tổ xưa dùng thuốc đẻ rồi,
 Có ba lời cấm, người ôi ghi lòng.
 2485- Cấm thang Phật thủ chớ dùng,
 Bởi vì trong có vị Xuyên khung chẳng lành.
 Xuyên khung tán khí đã đành,
 Lại hay phát hãn, trong mình hư thêm.
 Cấm thang Tứ vật phương kèm,
 2490- Địa hoàng, Thược dược chẳng hiểm dụng sinh.
 Địa hoàng sống lạnh máu kinh,
 Ngặt thời phải dụng, chín mình chế đi,
 Đẻ sau khí huyết đang suy,
 Thược dược chua lạnh, dùng thì tửu sao.
 2495- Cấm dùng thang Tiêu sài hồ,
 Hoàng cầm tính mát, ngăn hồ huyết đi.
 Cho hay bệnh sản nhiều nguy,
 Mấy lời Kinh huấn chủ trì chớ quên.
 Đẻ rồi phát hãn chẳng nên,
 2500- Chẳng nên làm hạ, chẳng nên lợi tiền (tiện),
 Mấy mùi tính dược chẳng hiền,
 Chớ cho phạm vị, phạm miền tam tiêu.
 Ví dù biểu chứng thấy nhiều,
 Đều làm giả tượng, rất nhiều trong hư.
 2505- Xưa nay biết mấy tiên sư,
 Trị khoa sản hậu rõ từ Đan Khê.
 Đan Khê Chu tử ròng nghề,
 Đẻ sau khá bổ, chủ về máu hơi.
 Gốc làm khá bổ máu hơi,
 2510- Dù nhiều chứng tạp, đều nơi ngon ngành.
 Gốc bền thời ngọn cũng xanh
 So cùng bá thuật khác tình thiên uyên,

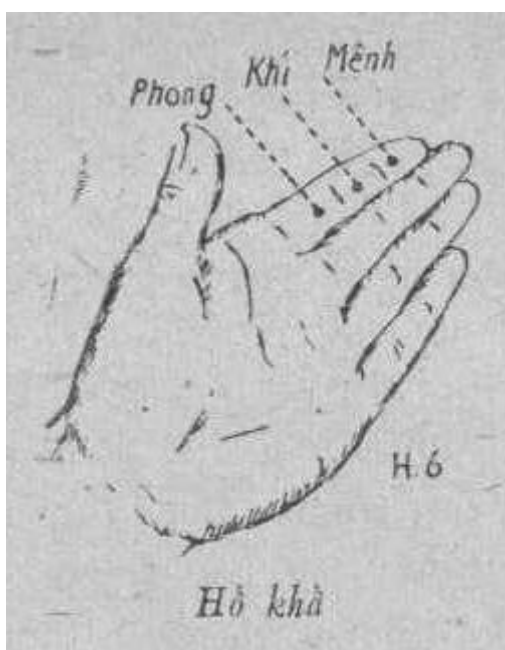
Có lời mạch quyết xưa truyền,
Coi người sản hậu thấy duyên mắt còn:

LXXXVI.- Chân sản hậu mạch quyết
(Phép xem mạch đàn bà sau khi sinh)
Dịch nghĩa :
Mới sinh, mạch Hoạt, Hoãn là tốt,
Thực, Đại, Huyền, Cấp chết tới nơi,
Nếu được Trầm, Tiểu thì cũng tốt,
Còn như Lao, Khẩn, mạng thôi rồi.
Thốn khẩu : Sáu nhanh không đều, chết,
Trầm, Tế sát xương thì sống thôi.
Xét các mạch ấy, ghi cho rõ,
Khắc cốt ghi tâm nhớ suốt đời.

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vấn Đáp

Trang 7



2515- Ngư rằng : Xin hỏi tiểu nhi.
Một hai ba tuổi mạch đi chưa đầy.
Đau thời coi Hò khẩu tay,
Trong ngón thực chỉ vẫn bày chứng cai.
Phép coi hữu gái, tả trai,
Ngón trở ba lông chia bày ba quan.

Lóng gốc làm ải phong quan,
Lóng nhì ải khí, ba bàn mệnh quan.
Vấn xanh ngang thẳng gió can,
Vấn điều đỏ ấy nóng ran trong mình.
2525- Vấn xanh đỏ loạn, chứng kinh,
Vấn hồng nhợt nhạt, ả mình bụng đau.
Vấn còn lóng gốc trị mau,
Vấn qua lóng giữa bệnh lâu hơi tà.
Vấn to chạy tới ải ba,
2530- Bắn lên thảo giáp, ấy là chứng nguy.
Vấn đen như mực loạn bì,
Xâm vào ba ải, lương y chạy rồi.
Phép coi chừng ấy mà thôi,
Còn phương nào nữa vốn tôi chưa rành.

2535- Môn rằng : Con nít mới sinh,
Máu hơi chưa đủ, mạch hình khó coi.
Giáp năm có biến chung rồi,
Gân xương mạch lạc lần hồi mở ra.
Nhân Sư rành trị nhi khoa,
2540- Trước coi khí sắc, sau là mạch kinh.
Tướng xem trên huyết Tình minh,
Thấy trong tạng phủ bệnh tình vạy ngay.
Mạch thời chẩn một ngón tay,
Chuyên coi một mạch Sắc rày có không.
2345- Sắc cùng chẳng sắc coi ròng,
Sắc nhiều thời nhiệt, Sắc không thời hàn.
Sắc trong Phù, ấy phong truyền,
Sắc trong Trầm, Hoãn, thấp hàn chứng pha.
Sắc trong thấy Sắc bệnh tà,

2550- Sác trong thấy Hoạt, ấy là đàm lung.

Phép coi chừng ấy cũng xong,

Chẳng còn bộ vị ngoài trong nhộn nhàng.

LXXXVII.- Tướng tiểu nhi bí pháp ca.

Trung chính tình minh huyết tại tỷ

Thượng mục chuyển hoành giao xứ

(bài ca về phương pháp bí truyền xem bệnh trẻ con.

Chỗ chính giữa huyết Tình minh trên mũi,

nơi hai đầu mắt giao nhau)

Dịch nghĩa :

Nơi đầu sống mũi, chỗ hai mắt giao nhau,

Chính là huyết Tình minh, xem cho kỹ càng.

Sắc đỏ thuộc tim (tâm), sắc trắng thuộc phổi (phế),

Sắc vàng thuộc lá lách (tỳ), sắc xanh thuộc gan (can),

Sắc đen thuộc thận, nên phân biệt rõ;

Hoặc chạy ngang, hoặc chạy dọc, đó là những đường gân.

Gân đỏ hiện lên, đó là bệnh tâm nhiệt,

Gân xanh nổi, đó là bệnh phong (can phong),

Gân vàng phần nhiều là bệnh tỳ vị,

Gân đờm là đờm tích tụ lại, gân đen là bị lạnh.

Gân chạy dọc là bệnh từ dưới lên, chạy ngang là bệnh từ trên xuống.

Manh mối của căn bệnh bộc lộ ở chỗ đó.

LXXXVIII.- Tiểu nhi mạch ca

(Bài ca về mạch trẻ con)

Dịch nghĩa :

Trẻ con có bệnh phải xem mạch,
Một ngón tay ấn ba bộ mạch, giữ hơi thở cho điều hoà.
Mạch đi Trì là lạnh, đi Sác là nóng; xưa nay vẫn truyền,
Đi Phù là bệnh phong, đi Trầm là bệnh tích; nên biết như thế.
Huyết Nhân nghênh tay trái chủ chứng ngoài,
Huyết Khí khấu tay phải chủ bệnh trong.
Ngoài thì xem các chứng phong, hàn, thử, thấp.
Trong thì xem ăn và bú bị đờm tích không trôi.
Mạch đi Hồng và Khẩn, không có mô hôi là bệnh thương hàn,
Đi Phù và Hoãn, có mô hôi là bệnh thương phong,
Đi Phù và Hồng, phần lớn là bị bệnh phong nhiệt,
Đi Trầm và Tế là cơm sữa không tiêu,
Đi Trầm và Khẩn là trong bụng đau không ngót,
Đi Huyền và Khẩn là bị đau trong cổ họng,
Đi Khẩn và Xúc là sắp lên sởi, đậu,
Đi Khẩn và Sác là bệnh kinh phong,
Đi Hư và Nhuyễn là bị mạn kinh, co giật nhẹ,
Đi Khẩn và Thực là bị phong giãn, co giật gấp,
Đi Nhuyễn và Tế là bị chứng cam và giun sán.
Đi Lao và Thực là bị bí đại tiện và tiểu tiện,
Đi Khâu thì đại tiểu tiện có máu,
Đi Hư và Nhu thì bị bệnh khí và chứng giật mình,
Đi Hoạt là bị lạnh, cảm sương, cảm nắng,
Đi Huyền và Cấp là bị "phải vía".
Mạch lớn nhỏ không đều là mạch xấu,
Trong một hơi thở đến hai lần là thoát, ba lần là thốt,
Bốn lần là tổn, năm lần gọi là hư,
Sáu lần là bình thường, gọi là không bệnh,
Đến bảy, tám lần bệnh còn nhẹ,
Đến chín mười lần là bệnh đã nặng, sốt dữ,

Đến mười một, mười hai lần thì chắc là chết.
Phép này xem cả vạn lần không sai một.

Ngư rằng : Sách gọi thuần dương,
Về phần con nít bệnh thường nhiệt dâm,
2555- Đã thuần dương vô âm,
Sao còn phát lãnh trăm trăm có chi ?

Môn rằng : Tạo hóa máy đi,
Âm dương nghĩa kín mấy suy đặng rành,
Chữ âm ấy thật âm tinh,
2560- Âm tinh đâu có trong mình tiểu nhi.
Chừng nào thiên quý đến kỳ,
Tinh thông mới đặng sánh nghì dương âm.
Sách rằng thuần dương vô âm.
Thật câu chữ luận tinh âm chưa đầy.
2565- Ấy nên bệnh trẻ thơ ngậy,
So cùng người lớn chỗ gây chẳng đồng,
Bảy tình vốn chẳng hại trong,
Sáu dâm ngoại cảm cũng không luận tà.
Một mai có bệnh chẳng qua,
2570- Kinh, cam, thổ, tả, tích hoà trường đông.
Cảm thời hàn, nhiệt, thử, phong,
Ngoại khoa : đậu chần, sang cùng đơn ban.
Vốn không tạp bệnh nhộn nhàng,
Có mười lăm chứng nguy nan dễ coi.
2575- Tử, sinh ngoài đã lộ mòi,
Nào chờ chẩn mạch hợp coi quẻ dò.

LXXXIX.- Tiểu nhi nguy chứng thập ngũ hậu

(Mười lăm chứng nguy ở trẻ con)

Dịch nghĩa :

Trên mi mắt nổi tia đỏ,
Tia đỏ chạy suốt cả con ngươi,
Mỏ ác sưng phù lên,
Kể cả có khi trũng xuống,
Mũi khô đen xạm,
Bụng to nổi gân xanh,
Mắt thường trợn ngược,
Nhìn không chuyển con ngươi,
Móng chân, móng tay đen,
Đột nhiên mất tiếng,
Lưỡi thè ra ngoài miệng,
Nghiến răng, cắn người khác,
Thở gấp, miệng ngáp như cá,
Khóc không ra tiếng,
Giun quai ra mồm, mũi,
Ấy đều là những chứng chết.
Dù cho dùng thuốc cứu ngay,
Thì mười đứa cũng chết cả mười,

Tiểu nhi phát nhiệt trong mình,
Có mười sáu chứng trọng khinh khác thường,
Tuy rằng bệnh chứng nhiều phương,
2580- Chẳng qua hư thực hai đường ấy thôi.

Chứng hư, chứng thực xét coi,
 Sách đà rõ luận hẳn hoi chẳng sai.
 Cho hay mười bệnh anh hài,
 Chín hư một thực gái trai đều còn.
 1585- Ví như đầu tháng trăng non,
 Lòng gương mới tượng, rặng tròn chưa ra.
 Nên xưa làm thuốc nhi khoa,
 Bỏ nhiều, tả ít, theo tà thực hư,
 Cảm ơn liệt vị tổ sư,
 2590- Tắm lòng hoạt ấu nhân từ biết bao.
 Chế ra làm tễ sẵn trao,
 Bệnh nào thuốc nấy, uống vào thấy hay.
 E sau thế tục nhiều thầy,
 Chẳng thông y thuật hại bấy tiểu sinh.
 2595- Hời ôi học đạo Kỳ Huỳnh (Hoàng),
 Mấy ai trị bệnh thâm tình thực hư.
 Xin coi phương sẵn Nhân Sư,
 Đỡ cơn bệnh rộn tâm tư nhọc lòng.
 Sau rồi rõ chước biến thông,
 2600-Máy huyền phép điều dù lòng sử đương.

XC.- Tiểu nhi bệnh chứng dụng dược ca
 (Bài ca về việc dùng thuốc chữa bệnh trẻ con)
 Dịch nghĩa :
 Nghề y đã có riêng một khoa chữa bệnh trẻ con,
 Phải nhớ kẻo khi cần không biết làm thế nào.
 Sài giật, phát nóng cùng là ho có đờm,
Bảo mệnh đơn nhất thiết phải cho uống.

Cấp kinh, mạn kinh, hai chứng ấy phải dùng *Tử kim đĩnh*.
Sởi đậu chưa mọc, phải dùng *thang Trợ vị*,
Môi miệng bị lở, nên dùng *thang Hóa độc*.
Sốt liên miên, nên dùng *Bảo long tinh tinh tán*.
Nôn mửa, phần nhiều nên dùng *Thiên châm hoàn*.
Các chứng cam thường nên dùng *Lô hội*.
Các thầy thuốc nên nhớ, khỏi phải tìm tòi.

Lối này Ngự nói với Tiều :
Bấy lâu học hữu nghe nhiều phương hay.
Phận ta gặp bạn còn may,
Nhân Sư kết bạn lại hay đường nào.
2605- Bạn thầy tài đức bậc nào,
Thầy theo chơi muện, biết bao giờ về.

Môn rằng : chẳng những tài nghệ,
Bạn thầy như ngọc chương khuê đức tuyền.
Người, ta mong học hy hiền,
2610- Thầy ta hy thánh, bạn nguyên hy thiên.
Bạn thầy mong học hy thiên,
Có nghe tên họ, đời truyền hai ông.
Hiệu xưng rằng Hường Thanh Phong,
Rằng Ảnh Minh Nguyệt, hai ông bạn thầy,
2615- Thanh Phong cầm tiết chẳng day,
Bụi nhơ chẳng chút, so tày giá trong.
Lấy lòng tạo hoá làm lòng,
Cho người nghe tiếng khó mong thấy hình.

Thanh Phong vốn đã sạch mình,
2620- Lại thêm Minh Nguyệt tài lành thú cao.
Tốt thay Minh Nguyệt thú cao,
Đường trong trời đất chỗ nào chẳng thông,
Lòng gương soi khắp non sông,
Đêm thanh cảnh vắng bạn cùng văn nhân,
2625- Hai ông khí tượng tinh thần,
Một người một vẻ, mười phân rõ ràng.
Ở theo một bậc thanh nhân,
Lành trau đạo vị chẳng mang lụy đời.
Thầy ta thường bữa ngâm chơi,
2630- Khen hai ông ấy có lời thơ hay :

XCI.- Hưởng Thanh Phong tự ngâm

(Nhập Môn tụng truyền)

Tiếng ra đời bụi chẳng nhơ mình,
Người triết yêu ta một chữ thanh.
Nhẹ thổi chồi trời tan tiếng oán,
Sạch nồng đầy đất giúp hơi sinh.
Êm lòng Sào, Hứa chơi khe biếc,
Mát mặt Di, Tề ngó núi xanh.
Ba chục sáu cung đâu chẳng biết,
Đức làm quân tử nặng thơm danh.

XCII. Ảnh Minh Nguyệt tự ngâm

(Nhập Môn tụng truyền)

Khỏi vòng hồi thực thấy ra mình,
Đời tôi trông ta một chữ minh.
Bóng tỏ ven mây lồng đất trắng,
Gương thiềm đáy nước vẽ trời xanh,
Ra vào chẳng nhọc người dong bước,
Tròn méo nào cho vật giấu hình.
Hai chục tám sao đều chạy mặt,
Theo thời biết mấy lúc hư dinh (doanh).

Nhập Môn đọc mới dứt lời,
Phút đâu có khách tới chơi nói đồn.
Khách rằng : Nghe tiếng người đồn,
Chúa Liêu khiến sứ tới môn Đan Kỳ.
2635- Sứ đem lễ rước Nhân Sư,
Về Liêu làm chức Thái y trong toà.
Nhân Sư xưng bệnh chẳng ra,
Chưa hay xưng bệnh ấy là bệnh chi.
Nhập Môn nghe nói sợ nghi,
2640- Vội vàng ngày ấy liền đi thăm thầy.
Ngư, Tiều sắm lễ học thầy,
Đều theo Đường thị lối này đem đi,
Ba người lên chôn Đan Kỳ,
Gió nam riu thổi, vừa khi nắng chiều.
2645- Trời tây cảnh vật buồn hiu,
Hồ sen ngút toả, non Kiều mây bay.
Nơi nơi tang giá bóng day,
Canh lui đậm liễu, mục quày đường lê.
Ngày chiều nhả bức hồng nghê,
2650- Hươu vào động núi, hạc về đình xưa.
Ba người tới cửa vừa ư,

Thấy người Đạo Dẫn đứng ngựa trước sân.
Cùng nhau gặp mặt chào mừng,
Dem vào tịnh thất vừa chùng hoàng hôn.
2655- Ngư, Tiều cùng gã Nhập Môn,
Một đêm han hỏi chuyên tôn sư dài.

Dẫn rằng : Việc chẳng khá nài,
Nhân Sư bệnh, ở Thiên Thai lánh người.
Dạy ta thay mặt, đổi lời,
2660- Về đây từ tạ sứ vời Tây Liêu.
Thầy ta chẳng khứng sĩ Liêu,
Xông hai con mắt bỏ liều cho đui.
Gặp con trời tối thà đui,
Khỏi gai con mắt, lại nuôi tấm lòng.

2665- Nhập Môn nghe nói nảo nùng,
Trách rằng Minh Nguyệt, Thanh Phong phụ thầy.
Hai ông đã chẳng khuyên thầy,
Phản người sao nỡ để vậy, không can.
Vả xưa lắm kẻ từ quan,
2670- Ai từng ở ẩn lại mang tật sâu.
Di, Tề chẳng khứng giúp Châu (Chu).
Ăn rau non Thú phải âu tròn mình.
Thà như Quý Cốc tiên sinh,
Gặp đời Chiến quốc thanh danh chẳng sờn.
2675- Thà như bốn lão Thương Sơn,
Hồng bay phụng lánh, ai ràng buộc đâu.
Thà như hai họ Nghiêm, Châu,

Chẳng tham lộc Hán, cày câu mặc tình.
Thà như Ngũ Liễu tiên sinh,
2680- Gặp cơn Tần loạn giữ mình cũng xong.
Họ Đào Tể tướng sơn trung,
Chúa Lương khuất lễ mới dùng đặng va.
Họ Vương dạy học Phần Hà,
Buổi Tuỳ không đạo, ở nhà cũng hay,
2685- Trúc Lâm là bọn đắm say,
Nước loạn bầu rượu còn hay che mình,
Rong chơi là bọn Lan đình,
Bụi Hồ chẳng đến như hình chiếc ghe.
Sách nêu xử sĩ nhiều phe,
2690- Hành tàng hai chữ ít nghe phụ lòng.
Vòng danh, xiềng lợi, thả dong,
Vật ngoài gió bụi, người trong tiên thân.
Thôi thời thôi vậy đành phần,
Làm chi cho khổ tấm thân mới từ,
2695- Nghĩ nay khác thuở Yêu Ly,
Phòng toan khổ nhục kế kỳ trừ hung,
Há lo tiếng nhạc khó thông,
Như ông Sư Khoáng mà xông mắt mù.
Hỡi ôi tạo vật ở đâu,
2700- Nỡ xui thầy mổ chịu đau tật này.

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vãn Đáp

Trang 8

Dẫn rằng : Ta dốc can thầy,
Nghe thầy phân giải lời này rất hay.

Thầy rằng : Trời đất xưa nay,
Khí vận vốn có đổi xoay chính, tà.
2705- Xen hình hơi chính trôi ra,
Dưới là ngũ nhạc, trên là tam quang,
Nhờ hơi quang nhạc sáng đường,
Ở đời ngũ đế tam vương trị vì,
Ấy rằng khí vận thịnh thì,
2710- Ba giềng năm dạy trọn nghì nhân luân.
Đến khi vận ách thời truân,
Ghe keo chằm Sở tạm lặn châu đông.
Nổi ra năm bá, bảy hùng,
Đua tranh công lợi, lấp dòng nghĩa nhân.
2715- Ấy rằng quang nhạc khí phân,
Thánh hiền dấu tối, di luân rồi nùi.
Khiến nên mọi rợ dễ duôi,
Tôi loạn, con giặc, phan phui sự đời.

Hơi tà ngăn bủa khắp nơi,
2720- May còn hơi chính ở đời bao nhiêu,
Cho hay hơi chính chẳng nhiều,
Thời cùng mới thấy tiết nêu phẩm đề.
Kìa như cái giản nước Tề,
Ba phen quan sử nói đề "thí vua".
2725- Cấm vua nước Tần vô cô,
Chính làm ngòi viết Đồng hồ biên ra.
Làm cây chùy Bác Lăng Sa,
Trương Lương vì chúa đánh xa Tần hoàng.
Làm cây cờ tiết Tô lang,
2730- Đất Nô đầy đọa trái đảng gian nan.
Chính làm đầu lão Nghiêm Nhan,
Thua thời chịu chém, chẳng hàng Trương Phi.
Chính làm máu nhuộm để y,
Như người Kê Thiệu cứu nguy chúa mình.
2735- Chính làm cái lưới Cảo Khanh,
Thường Sơn chửi giặc, chịu hình cũng ung,
Chính làm lỗ miệng Trương Tuân,
Tuy Dương mắng giặc tung bùng đều kinh,
Gặp cơn Tam quốc chia giành,
2740- Chính làm cái mao Quản Ninh sạch mình,
Gặp khi Bắc Ngụy tiếm danh,
Chính làm lời biểu Khổng Minh xuất Kỳ.
Hoặc làm chèo Tổ Địch đi,
Qua sông thề dẹp Yết Đê mọi loạn.
2745- Hoặc làm cái hốt họ Đoàn,
Đánh đầu kẻ hoạn mưu gian oán Đường,
Ấy đều hơi chính vấn vương,
Người làm oanh liệt một trường dấu ghi.
Đời suy người triết phù trì,

2750- Nền câu "thiên trụ địa duy" vững vàng.

Đến nay người triết xa đàng,

Dưới trời hơi chính cũng tan lần mòn.

Thử xem trong cuộc nước non,

Bốn chia, năm xé, thon von đường nào.

2755- Nhảy vòng phú quý lao xao,

Sớm tôi, tối chúa, ra vào gườm nhau.

Muôn dân ép ráo mỡ dầu,

Ngày trau khí giới, tháng xâu điện đài.

Thêm bày gian nịnh chen vai,

2760- Gây nên mọi rợ từ ngoài lẫn trong,

Đánh nhau thây bỏ đầy đồng,

Máu trôi động vũng, non sông nhơ hình,

Xùng xùng giành đất, giành thành,

Ngựa xe rần rộ, bụi binh tối trời,

2765- Mây sâu gió thảm đòi nơi,

Sấm đông, tuyết hạ, khác đời trung nguyên,

Ấy rằng quang nhạc khí hôn,

Năm giềng ba mối rối đồn như tơ.

Dù sinh Y Phó đời giờ,

2770- E khi cày ruộng cuộc bờ mà thôi.

Hướng ta là kẻ không ngôi,

Tài chi lạy cúi làm tôi nước loạn ?

Đã cam chút phận dở dang,

"Trí quân" hai chữ mơ màng năm canh.

2775- Đã cam lỗi với thương sinh,

"Trạch dân" hai chữ luống doanh ở lòng.

Lại cam thẹn với non sông,

"Cứu thời" hai chữ luống trông thuở nào.

Nói ra thời nước mất trào,

2780- Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi.

Thời trời đã vậy, thôi thôi nào cầu.
 Thà cho trước mắt mù mù,
 Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân.
 2785- Thà cho trước mắt vô nhân,
 Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo,
 Thà cho trước mắt vắng hui,
 Chẳng thà thấy cảnh trời chiều phân xâm.
 Thà cho trước mắt tối ngằm,
 2790- Chẳng thà thấy đất lục trầm can qua.
 Dù đui mà giữ đạo nhà,
 Còn hơn có mắt ông cha chẳng thờ,
 Dù đui mà khỏi danh nhơ,
 Còn hơn có mắt ăn nhơ tanh rình.
 2795- Dù đui màặng trọn mình,
 Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu.
 Sáng chi theo thói chiêm cầu,
 Đọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai.
 Sáng chi đắm sắc, tham tài,
 2800- Lung lòng nhân dục, chuốc tai họa trời
 Sáng chi đua nịnh theo đời,
 Nay vinh, mai nhục, mang lời thị phi.
 Sáng chi nhân nghĩa bỏ đi,
 Thảo ngay chẳng biết, lỗi nghi thiên luân,
 2805- Thấy rồi muôn việc trong trần,
 Xin còn hai chữ "tâm thần" ở ta.
 Nguyên cùng tạo hóa lại qua,
 Làm xe, làm đạn, phận già thành thoi.
 Kêu trâu, kêu ngựa mặc người,
 2810- Cánh trùng, gan chuột, theo trời phú cho.

Nói rồi Đạo Dẫn dẫn dò,
Anh em ai nấy chớ cho lậu tình,
Nhân Sư dùặng an mình,
Bọn ta lui tới sử kinh nhờ thầy.

2815- Ngự rằng: **Xin hỏi bạn thầy,**
Thanh Phong, Minh Nguyệt, lối này ở đâu ?
Hai ông là bạn đồng du,
Cớ sao nỡ để mất mù Nhân Sư ?

Dẫn rằng : Việc ấy hữu từ,
2820- Hai ông bạn cũng vô như chi hà !
Hai ông thường nói cùng ta,
Khen rằng thầy ấy thật là triết nhân.
N như thầy chẳng những bảo thân,
Lại hay bảo đạo mười phân vững vàng.
2825- Thánh xưa lời dạy rõ ràng,
"Nước an làm trí, nước loạn làm ngu",
Từ xưa có kẻ cạo đầu,
Giả câm, giả dại, lánh sâu nước loạn,
Và nay trời bước gian nan,
2830- Thà không mắt thấy, khỏi mang dạ sầu,
Hoa Di mao dấp lộn nhàu,
Mấy ai giữ phép Xuân Thu đặng rồi,
Chớ khinh mang tật đui ngời,
Trời còn hơi chính gởi đôi mắt thầy,
2835- Sau trời thúc quý tan mây,
Sông trong, biển lặng, mắt thầy sáng ra.

Khuyên người lòng chớ sai ngoa,
Coi lời thơ tặng thầy ta hẳn hoi.

XCIII.- Minh nguyệt thanh phong
(hợp tặng nhân sư thi)
Đang thuở tình chiêm giậm bấy đường,
Trăm nhà, mấy trọn dấu thư hương ?
Sự đời thà khuất đôi trông thịt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.
Tần đế còn nhường danh họ Lỗ,
Hán vương đâu biết bệnh thầy Trương.
Thôi thôi đã vậy thôi thà vậy,
Một túi tiền khôn mặc mở mang.

Thấy hai ông ấy tặng thơ,
2840- Lòng ta thêm kính Nhân Sư muôn phần.
Nhớ xưa đức Khổng thánh nhân,
Kính ông Sư Miện vân vân chiếu, thêm.
Ấy là đạo vị khá xem
Học theo ý thánh, để chiêm nghiệm lòng.
2845- Chu công làm sách **Bân phong**,
Trao người tối mắt dạy lòng Thành vương.
Làm thầy chẳng những một vương,
Trăm vua đều dựng vào đường Nhạc sư.
Xưa cho làm chức Nhạc sư,
2850- Gọi người tối mắt, ít hư tấm lòng.

Thi rằng "mông tẩu tẩu công",
Khen hay nghe nhạc, thực rờng thăm âm.
Cho hay hai chữ "đạo tâm",
Người đui lạng giữ, ít lắm lỗi chi.
2855- Thánh hiền xưa cũng kiêng vì,
Nay bày ngu xuẩn thấy khi, chê cười.

Tiêu rằng : Còn ức việc đời,
Nghe hai ông biết số trời trước sau.
Trăm năm muốn rõ việc sau,
2860- Xin đi tới chỗ lạy cầu dạy ta.
Một là thăm bệnh thầy ta,
Một là hỏi chuyện nước nhà căn duyên.
Chẳng hay người ở U Yên,
Thuở nào đặng thấy Trung Nguyên chúa mình.

2865- Dẫn rằng : Chuyện ấy minh minh,
Ta từng trước hỏi sự tình U Yên.
Hai ông thật đáng thần tiên,
Mấy trời chẳng lậu xuống miền nhân gian.
Hai ông chẳng khứng nói bàn,
2870- Cho bài thơ sấm chỉ đàng kín sâu.
Dạy ta để nghiệm ngày sau,
U Yên chuyện ở tám câu năm vắn.

XCIV.- U Yên sấm thi

Năm quý đua cò pháo ngựa qua,
Hai vua một gánh gửi vai bà.
Trời nam có thể cây sơn cấm,
Đất bắc còn vàng cốt đỉnh pha.
Con thú một sừng binh mới gặp,
Cái người một mắt đá chưa ra.
Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng,
Bốn biển âu ca hợp một nhà.

Ý trong thơ sấm sâu xa,
Ta từng phân giải chẳng ra lẽ gì.
2875- Xưa nay lẽ có thịnh suy,
Gặp sao chịu vậy, hỏi chi sự đời.
Ta nghe quân tử vui trời,
Chỗ lo chẳng vượt khỏi nơi ngôi mình.
Dù còn lòng chính làm lành,
2880- Lựa là phải hỏi tiên trình mà chi ?
Hai người muốn học Nhân Sư,
Đợi thầy trở lại Đan Kỳ sẽ hay.
Nợ con, nợ vợ còn vay,
Thần tiên người ấy, e nay khó tìm.

Ngư rằng :Chí dốc đi tìm,
Nho thầy dạy vẽ trọn niềm y tông.
Hay đâu việc học rỗng rỗng,
Còn ngoài cung bích luống trông ngõ ngang,

Trót đà nhờ bạn chỉ đường,
2890- Đi chưa tốt chỗ e mang tiếng cười.
Phép y trước đã trao lời,
Chưa hay tay thước đón nơi thiên nào ?

Dẫn rằng : Thầy đã có trao,
Phép dùng thuốc ấy đón vào hai thiên.
2895- Một bài Tiêu bản luận biên,
Một bài Tạp trị phú truyền cho ta.
Đề lòng bữa bữa ngâm nga,
Thuộc hai bài ấy; đủ ra làm thầy.

XCV.- Tiêu bản luận

(Bàn về lẽ gốc ngọn)

Dịch nghĩa :

Phàm kẻ trị bệnh, nên biết gốc ngọn, Đem thân người mà bàn, thì ngoài là ngọn, trong là gốc; dương là ngọn, âm là gốc; sáu phủ thuộc dương là ngọn, năm tạng thuộc âm là gốc. Các kinh lạc của tạng phủ thì ở ngoài là ngọn, ở trong là gốc. Cho nên lại như trong thân thể thì khí là ngọn, huyết là gốc. Đem bệnh người mà bàn, thì các bệnh mắc trước là gốc, biến chứng về sau là ngọn. Phàm việc trị bệnh ắt phải trước trị gốc, sau trị ngọn. Nếu trước trị ngọn, sau trị gốc thì tà khí thêm tăng mà bệnh càng chất chứa, còn nếu trước trị gốc, sau trị ngọn thì đầu bệnh có hàng chục chứng cũng lui. Như trước mắc bệnh nhẹ, sau thành bệnh nặng thì cũng trị bệnh nhẹ trước, trị bệnh nặng sau, như vậy thì tà khí sẽ lui. Đại khái trị gốc trước vì như vậy.

Như có chứng đầy bên trong, thì không cần hỏi gốc ngọn, hãy chữa chứng đầy bên trong trước, vì nó là chứng gấp. Nhưng nếu sau chứng đầy bên trong còn có chứng đại tiểu tiện bất lợi, thì cũng không cần hỏi gốc ngọn, hãy chữa chứng đại tiểu tiện bất lợi trước, rồi sau hãy chữa chứng đầy bên trong, vì nó còn gấp hơn.

Lại như trước thì mắc bệnh phát nhiệt, thêm chứng nôn mửa, tả ly, cơm cháo thuốc men đều khó nuốt, thì khoan chữa bệnh nhiệt mà hãy chữa chứng nôn mửa trước. Khi ăn uống đã tạm bình thường mới trị kèm luôn chứng tả. Đợi cho nguyên khí bắt đầu phục hồi thì mới chữa bệnh nhiệt. Đó là điều người ta vẫn nói là "Hoãn thì chữa gốc, gấp thì chữa ngọn" vậy. Nói chung ngoài các chứng đại tiểu tiện bất lợi, đầy bên trong và thổ tả ra, đều nên chữa gốc trước, không thể không cẩn thận vậy.

Giả sử như can chịu tà của tâm hỏa, đó là tà khí từ trước lại, là thực tả. "Thực thì tả con nó". Nhưng không phải tả thẳng vào hỏa, mà phải dùng thuốc dẫn vào can kinh mà dùng vị tả hỏa làm quân, đó là cách trị bệnh thực tả. Giả sử như can chịu tà của thận, đó là tà khí từ sau lại, là hư tả. "Hư thì bổ mẹ nó", dùng thuốc dẫn vào thận kinh mà vị bổ can làm quân, thế là đúng.

Nội Kinh chép "Bệnh là gốc, phép chữa bệnh là ngọn. Nếu hiểu cả gốc ngọn để trị liệu, tà khí sẽ lui". Người làm thuốc đối với phép xem sắc coi mạch không được quên lẫn, không được dùng lầm, đó là phép tắc lớn của việc chữa bệnh. Nếu làm ngược trái lẽ, mỗi làm mỗi sai, sao có thể chữa bệnh cho người. Người bệnh nếu thần bí bị hại thì nên bỏ ông thầy cũ chữa bệnh trái lẽ mà tìm đến ông thầy mới hiểu rõ y lý. Được chữa bằng phép tắc cẩn thận đúng đắn thì mới toàn sinh được. Hai phép ấy là điều chí lý trong việc chữa bệnh, là mẫu mực của nghề làm thuốc vậy.

XCVI.- Tạp trị phú (Bài phú về phép chữa các tạp bệnh)

(Dọn theo của Nhân Trai cùng các sách **Bệnh cơ, Dược tính biên chú**)

Dịch nghĩa :

Trăm bệnh không ra ngoài tám trận; Chữa bệnh tất phải theo ba phép.
Chính khí ở trong người, dương là biểu mà âm là lý, danh ngôn truyền tự
thuở xưa; Tà khí hại người, biểu là âm mà lý là dương, phép mẫu lập tự
Trọng Cảnh.

Thực thì mạch đi mạnh, da nóng, bụng đầy, đại tiểu tiện không thông; Hư
thì mạch đi yếu, da lạnh, khí nhược, tả lý, ăn ít.

Bệnh mới phần nhiều là nhiệt; Đau lâu thường trở lại hàn.

Nội thương vì năm tà, cốt phải điều hoà; Ngoại cảm vì lục dâm, liệu mà
phát hãn.

Phong là do hỏa bốc; Hàn gốc bởi hư ra.

Nắng làm hao khí dịch tinh thần, thường dùng vị ngọt chua mà bổ liễm;

Thấp làm hại da thịt gân cốt, tạm uống bài cay, đắng để hãn thăng. Táo
phải phân có thực, có hư; Hoả phải xét nên bổ, nên tả.

Đuổi bệnh tạt như theo giặc cướp, trừ chứa trùm mà tha lũ hùa theo; nuôi
chính khí như chiều tiểu nhân, cốt ngay thẳng chớ quá lòng xét nét.

Vả như :

Thương thực chứa ở dạ ruột, tẩy rửa sẽ khỏi; Đình ẩm thuộc về kinh lạc,
tiêu bổ kiêm dùng.

Cá thịt ăn cần mà thấp nhiệt thịnh, phải chữa cho tỳ thổ ráo, cho tiêu hoá
lại hồi; Trai gái chơi quá mà tương hỏa xông, phải bổ cho thận thủy lên,
cho phần âm tính được vững.

Khí có dư mà đầy, suyễn, bí, tắc, hỏa nhẹ nên cho rút xuống; Huyết không
đủ mà ho lao, thổ huyết, kim (phổi) ráo nên cho mát đi.

Bệnh khí thì chữa khí mà huyết có nơi tựa nương; Bệnh huyết phải hòa
huyết, mà khí khỏi nổi ngừng động.

Chữa khí phải cay mát cho tan cái nóng; Hoà huyết phải cay nóng mới
thông được dòng.

Đến như :

Đờm động vì hoả, trị hoả chớ chậm; Hỏa uất vì khí, chữa khí nên tăng.

Đờm thì làm cho trong, cho ẩm, cho nhuận, cho ráo, chữa có nhiều cách;

Uất thì phải nào phát, nào tiết, nào đạt, nào đoạt, khai có, nhiều đường.

Uất lâu sinh đờm, sinh hoả, mà bệnh càng tăng; Bệnh lâu hao khí, hao huyết, sinh hư từ đó

Dương hư ngoài sợ lạnh, thêm thấp nhiệt động thì sinh phù thũng; Âm hư trong sinh nóng, nếu phong táo thịnh thì thành dột tề.

Dương hư hoả suy, thuốc ôn dễ bề bổ ích; Âm hư thủy thiếu, vị đắng hàn khó cách tưới vun.

Âm, dương đều hư, cứ bỏ dương rồi âm sẽ lại; Khí, huyết cùng bệnh, cứ chữa khí mà huyết thấy yên.

Chữa nhiệt bằng thuốc hàn, hàn khí lập mà khó tiêu được miếng cơm, ngưng cháo; Chữa hàn bằng thuốc nhiệt, nhiệt khí tắc liền thấy sinh ra trần trọc, hôn mê.

Cho uống thuốc nóng mà không thấy ôn lại, nên bổ tâm phủ; Cho uống thuốc hàn mà không thấy mát đi, nên bổ thận âm.

Âm bình, Dương bí là kẻ sống lâu; Hoả giáng, thủy thăng là mạnh khoẻ.

Lại nghe rằng ;

Con trai dương nhiều hơn âm, nên bổ âm cho dương khỏi bệnh; Con gái khí trệ vì huyết, nên khai huyết cho khí được thông.

Người béo khí hư nhiều đờm, từ xưa dạy nên khoát đờm, bổ khí; Người gầy huyết hư hoả thịnh, nhất định phải tả hoả mà bổ âm.

Trẻ khỏe, bệnh còn nhẹ, công ngọn có sợ gì; Già yếu, bệnh đã sâu, giữ gốc mới là phải.

Người già khí nhiều huyết ít, chỉ nên liệu cách điều hoà. Trẻ con thuần dương không âm, chớ có quá tay công phạt,

Miền tây bắc gió cao, đất ráo, khát, bí, ung, nhọt thường đau luôn; Miền đông nam đồng trũng. ẩm nhiều, lỵ, ngược (sốt rét), sung, phù hay mắc phải.

Cao lương thừa mưa, thanh nhiệt, nhuận táo là thuốc thần tiên; Rau cháo lần hồi, trừ thấp, tán hàn là phương tiện tuyệt diệu !

Than ôi ! Bệnh có thứ nặng, thứ nhẹ; Chữa có phép nghịch, phép tòng, Nhẹ thì cứ nghịch mà công; Nặng phải theo tòng mà chữa,

Hàn phải dẫn bằng vị hàn, nhiệt phải dẫn bằng vị nhiệt; Tắc chữa nhân

ngay bế tắc, thông chữa nhân ngay thể thông.
Đập ghề mà thu được thần hồn của người khiếp sợ, tay lương y mới khéo làm sao; Sao hành mà khỏi được cơn đau của kẻ bị thương, viên quân lại thật tài quá đỗi,
Chứng thì quyết người như chết thật, nhưng mạch chạy vẫn thường, cứu huyết Bách hồi sẽ khỏi; Chứng đầy hơi khí cứ tức hoài, nhưng ăn uống bình thường, dùng phép đạo dẫn sẽ lành.
Đường tiết đi thất thường, chỉ vì chân thủy không vượng; Oẹ nôn ăn chẳng được, thường là tà hỏa bốc xông.
Hỡi ơi !
Phương thuốc cũ không nên câu nệ, khỏi bệnh là hay; Phép chữa xưa chớ hiểu hẹp hòi, tùy cơ ứng biến.
Hoàng liên, Khổ sâm là vị hàn, sách dạy uống nhiều hóa nhiệt; Phụ tử, Cam khương là vị bổ, ai hay dùng mãi hại to.
Đúng mà làm rồi làm mà đúng, phải rõ cơ màu; Hư thì bổ mà thực thì tả, chớ dờn phép gốc.
Xưa dạy rằng : Đọc sách Trọng Cảnh, cần phải hiểu bản ý của Trọng cảnh;
Tôi cũng khuyên : theo phép Đan Khê, phải có kiến thức của Đan Khê,
Nói tóm lại :
Thuộc phép chữa thương hàn, thì khi chữa tạp bệnh càng thêm rõ ràng;
Thuộc phép chữa tạp chứng thì khi chữa thương hàn càng thêm chín chắn,
Y đạo vốn nhất quán, định phép tắc nguyên từ các thánh xưa; Học tập phải dụng công, dù thông minh chớ nên cậy mình giỏi.

Môn rằng: [Nghề thuốc rộng đường,](#)
[2900- Trước nêu các phép khuyên chàng chớ quên.](#)
[Dùng thời tông biến làm trên,](#)
[Chẳng nên chấp nhất, chẳng nên hiểu kỳ.](#)
[Cũng đừng cầu tốc làm chi,](#)
[Mau thời sấn sắc lỗi nghi âm dương.](#)

2905- Năm mùi thuốc có âm dương,
Dùng bằng lối thứ, lập phương nào lành.
Ví như ông tướng dùng binh.

Binh không kỷ luật, trao mình giặc đâm.

Ngàn xưa một đám Y lâm,

2910- Phép lòng hay nhóm, nào làm lỗi chi.

Dón vào hai chữ "bất khi",

Khí thời chẳng trọn y quy ở mình,

Học rồi phải tính có hành,

Làm đừng nhút nhát mà danh chẳng tròn,

2915- Thánh y dạy chỗ muốn còn,

Mật to, lòng nhỏ, trí tròn, nét vuông.

Hỡi ôi, sách thuốc lương tuồng,

Chữ "y", chữ "ý", tiếng luôn trắc bình.

Y là ý vậy, cho mình,

2920- Gẫm qua xét lại nghĩa **Kinh** mới tường.

Tuy rằng y bất chấp phương,

Gốc nhờ phương ấy dọn đường trở ra,

Chữ rằng: Khử, thủ, giảm, gia,

Hợp, xuyên, trích, biến, ở ta vận dùng.

2925- Dẫn rằng : Chuyện nói đã xong,

Ta xin trở lại, thưa cùng nhân sư.

Cùng nhau làm lễ từ quy,

"Họ Bào, họ Mộng, đều tụy Nhập Môn.

Ngư, Tiều qua chỗ Nhập Môn,

2930- Riêng làm lễ tạ, bôn chôn tính về.

Tiêu rằng : Nay phải trở về,
Việc nhà còn vớ rề rề chưa xong,
Nghiep y còn chỗ chưa thông,
Xin sau thông thả học cùng sư huynh,

2935- Môn rằng: Ta vốn hậu sinh,
Nhớ ơn người trước tỏ tình kẻ sau,
Sách y lắm chỗ kín sâu,
Trước sau trọn đạo phải âu học thầy.

Muốn nên tài đức vượt bầy,
2940- Xưa nay ai có bỏ thầy mà hay.
Hai người phải gắng công dày,
Theo thầy mới đặng tài hay đức tuyên.
Có câu "y bát chân truyền",
Đặng nghe chúc bí thánh hiền mới hay.

2945- Chớ e dui mắt tật này,
Việc trong giáo quán khó đây công phu.
Chớ rằng "hạt luyện manh tu.
Rừng văn biển học che mù khôn trông".
Có trời thăm dụ trong lòng,
2950- Tuy ngồi một chỗ suốt thông trăm đời.

Nho, y, lý, bốc, đạo đời,
Mấy mươi pho sách đều nơi bụng thầy,
Ta từng đứng cửa chầy ngày,
Ngưỡng xem khí tượng so tày Thái San.

2955- Lờn ngay cận kề khuyên chàng,
Trước sau chẳng khá lổi đàng sư sinh.

Ta, người kết nghĩa đệ huynh,
Tới lui một cửa học hành thêm xuê,

Ngư, Tiều vâng dạy ra về,
2960- Nhập Môn đưa khỏi Liễu Khê một hồi.
Chỉ đường rồi mới trở lui,
Bâng khuâng phần hữu, ngậm ngùi phần sự,
Ngư, Tiều cất gánh chẳng đi,
Cùng nhau than thở, một khi nói cười,

2965- Tiều rằng : Ta trước nhờ người,
Đem đường nay đặt làm người y khoa.
Những ngày e lụn tháng qua,
Học hành mạnh mẽ chẳng ra vẻ gì.
Những e tôi nón bỏ đi,

2970- Búa rìu mục cán, lấy chi cứu bần.
Hay đâu trời đã định phần.
Chẳng đành cho sĩ tẩm thân nhọc nhằn
Xuất gia chưa trọn hai trăng,
Đem danh rừng củi đổi rằng rừng y.

2975- Khỏi nơi gai góc kéo trì,
Hươu nai, khi độc còn gì dễ người.
Của trong rừng núi giúp người,
Hai vai gánh vác khô tươi đã nhiều,
Nay xin cởi lột lão tiều,
2980- Làm ông thầy thuốc tiêu diêu cứu đời.

Ngư rằng : Ta bởi có người,
Gắng công cũngặng làm người tri y.
Bấy lâu thương lũ tiểu nhi,
Chịu lòn theo kẻ dung y tới đây.
2985- Tưởng là đạo thuốc thâm u,
Hay đâu y cũng trong nho một nghề.
Đã nên chài lưới dẹp nghề,
Khỏi lo tôm cá chở về chợ tan.
Tha cho loài thủy tộc an,
2990- Long vương nào giận quăng bàn thầy Viên.
Từ đây sóng gió xa thuyền,
Khỏi nơi lặn lội, lên miền sạch thơm.
Đặng theo sâm quế mùi thơm,
Dù cho bữa cháo bữa cơm cũng đành.
2995- Nguyễn làm một kẻ y sinh,
Lấy câu âm chất đổi danh lão chài.

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vãn Đáp

Trang 9

Hai người nói chuyện xầy xầy,
Nửa ngày đi mới khỏi ngoài Y lâm.
Trời vừa xế bóng quang âm,
3000- Phút đầu một trận mưa dầm tối tăm.
Ngư, Tiều vội bước xăm xăm,
Muốn tìm quán khách, phải dầm mưa đi.
Hai bên cây núi rậm rì,
Tiếng chim, dẫu thỏ, đường đi lộn nhàu,
3005- Hai người nhìn lại thuở đầu,
Nẻo ngưi Đạo Dẫn đem đầu, lạc rồi.
Xiết bao trong dạ bồi hồi,
Trời đà hầu tới biết ngồi nằm đâu.
Gió mưa vi vút giây lâu,
3010- Trong mình ướt lạnh, mà bầu rượu không.
Đường xa khao khát rượu nồng,
Hạnh thôn muốn hỏi, mục đồng vắng tin.
Cùng nhau ngơ ngẩn trông nhìn,
Có nơi hang đá dạng in nhà rừng.
3015- Hai người lại vái lâm quân.
Vào nơi hang đá nghỉ chân đêm này
Mưa rồi trăng tỏ tan mây,

Cùng nhau cơm nước tạm vầy đỡ thân
Than rằng : Đi thuở mùa xuân,
3020- Nay về mùa hạ, quên chừng đường đi.
Cho hay đường ít kẻ đi,
Dây bò cây mọc, cỏ gì chẳng ra.
Ví như đạo học bọn ta,
Một ngày chẳng thấy, như ba tháng dài.
3025- Đương khi than vắn, thở dài,
Xảy nghe trống đánh lối ngoài cửa hang,
Cùng nhau lo sợ nghi nan
Ai dè trong núi có quan quân nào.
Chưa hay lành dữ lẽ nào,
3030- Hai người lấp ló chào rào nom coi.
Thấy đi đèn đuốc sáng soi,
Bảng đề hồi tỵ hẩn hồi chữ son.
Tiền hô, trống lệnh rền non,
Cờ vuông, lỗ bộ, ngay bon hai hàng.
3035- Một ông ngồi kiệu che tàn,
Quạt lông, trần phát, nghiêm trang lạ lùng.
Quân hầu rần rộ quá đông,
Mang đao, cầm thẻ, chập chồng đi theo.
Có năm người trói dẫn theo,
3040- Một đoàn già trẻ dân nghèo theo sau,
Nghe như oan khúc hỏi nhau,
Trong đơn có tỏ chứng đau khổ này,
Giết người vậy cũng làm thầy,
Lẽ trời nào để cho mây hại dân.
3045- Ngự, Tiều nghe nói ngập ngừng,
E khi lũ ấy kiện sùng sẽ chi.
Cùng nhau đang lúc thai nghi,
Bị quân sai đến bắt đi vội vàng,

Quân rằng : Phụng lệnh bản quan

3050- Sao không hồi ty ? Thực chàng khinh quan.

Ngư, Tiều chịu phép chẳng than,

Theo quân đến chỗ dinh quan tỏ tình,

Quân đem ngồi xó công đình,

Chờ quan tra án, rồi mình sẽ thừa,

3055- Thấy dân quỳ trước sân thừa,

Kẻ vô đơn cáo, người chờ làm cung,

Thấy ông đai mào ngồi trong,

Có bàn hương án đốt xông trầm đàn.

Thấy quân hộ vệ hai hàng,

3060- Trước sân vô nọc, roi, giàn hình ra.

Lệnh rằng : **Dẫn lão Đâu ra,**

Hỏi làm thầy thuốc đậu khoa mấy đời.

Học hành phương pháp mấy nơi,

Đầu đuôi gốc ngọn làm lời cung khai.

3065- Đâu rằng : **Vốn chẳng học ai,**

Nhờ cha, thuốc trái để bài lại cho.

Ba ngày trái mới nóng ca,

Có thang Thanh giải hốt cho mát rồi.

Sáu ngày trái mọc chẳng vui,

3070- **Có thần công tán hốt bồi cho xong.**

Chín ngày trái chẳng quán nung,

Đâu đâu cũng hốt Lộc nhung thang thầy.

Mười hai ngày chẳng đóng dày,

Thiên kim nội thác thang này dùng ra,

3075- **Quá kỳ trái chẳng lạc già.**

Thanh biểu tán độc phép cha tôi truyền.

Phán rằng : Cứ phép gia truyền,
Còn như kinh sách thánh hiền để chi ?
Đậu sang mấy bữa có kỳ,
3080- Trở tay thấy biến, phép y sao thường ?
Chứng thời hàn, nhiệt không thường,
Hoặc hư, hoặc thực, nhiều đường khác nhau.
Đậu bằng thực nhiệt nóng lâu,
Thần công, Thanh giải ấy đầu, cũng cho.
3085- Đậu bằng hư lạnh nóng co,
Thần công, Thanh giải hốt dò sao nên ?
Đậu nhờ khí huyết làm lên,
Mủ đầy vậy kết, mới nên công dùng.
Lộc nhưng thời huyết hãm thông,
3090- Khí hư hôi bạch quên dùng sao xong ?
Thiên kim thời khí hãm thông,
Huyết hư tử hắc quên dùng sao nên ?
Thiên sang, hoa trái nhiều tên,
Ai từng trị đậu mà quên mùa trời,
3095- Đã không gia giảm theo trời,
Lại quên chấp nhất khuấy đời biết bao!
Trước cha mày để tầm phào,
Nay mày cũng ý sẵn dao thuốc nhà.
Cha con bấy hại người ta,
3100- Hai đời gây nợ oan gia để đồn.
Lệnh truyền cho lũ âm hồn,
Kéo ra đòi mạng, lấy cớ đánh đầu.

Phán rằng : Nào lão Cứu đâu ?

Làm thầy châm cứu năm lâu ăn nhiều,

3105- Vả xưa châm cứu sách nêu,

Cứu khi cấp xúc khôn điều thuốc thang,

E sau còn đũa bạo tàn,

Học chưa tới phép, làm ngang hại mình,

Mình Đường đồ đã vẽ hình,

3110- Mười hai kinh huyết biên danh điểm đầu,

Phép châm phép cứu rất mâu,

Bổ hư, tả thực, cạn sâu có chừng.

Cớ sao làm việc pha rùng,

Đau đâu cứu đó, không chừng đổi chi,

3115- Châm thời máy chảy loang bì,

Cứu thời cháy thịt, thẹo ghi nát mình.

Tưởng là phép trị bệnh tình,

Nào hay châm cứu quá hình quan tra.

Cấp kinh chứng đã cấm la,

3120- Dám đem ngải hòa giúp tả cho phong,

Bảy ngày ngoại trị chứng ung,

Còn đem lửa đốt thêm xông độc vầy.

Học thầy nào dạy cho mây,

Làm ngang không phép hại bầy sinh linh ?

3125- Cả gan riêng lập phép hình,

Khảo dân lấy của, lung tình ăn chơi,

Nghênh ngang chẳng sợ lẽ trời,

Không riêng phép nước, coi đời có ai.

Lệnh truyền vô nọc căng dài,

3130- Đánh cho vắng thịt lấy khai thật tình.

Cứu rằng : Tôi học thầy Kinh,
Ba năm hết sức đợ mình cố công.
Phép thầy dạy về vốn không,
Phần nhà con vợ bản cùng thêm lo.
3135- Theo thầy mới biết lò mò,
Trở về làm bầy đờ cho khỏi nghèo.
Dù hay cứ sách làm theo,
Lỗi thầy mặc sách ai kéo nài chi,
Thật tình tôi chẳng biết chi,
31040- Coi vào châm cứu, sách y bời bời.
Ban đầu tôi mới thử chơi,
Đau đâu cứu đó, có nơi bệnh lành.
Làm vậy may cũngặng danh,
Có danh rồi biết đem mình trốn đâu,
3145- Bời người thiên hạ theo cầu,
Quen chừng nóng mật, phải âu làm đùa.

Phán rằng : Mày đã làm đùa,
Đỡ cơn nghèo ngặt rồi tua học hành.
Cớ sao lại phụ thầy Kinh,
3150- Luống tham của lợi quên mình oan khiên.
Vài liều thuốc cứu mấy tiền,
Đòi ăn trăm chục, lại thêm thưởng ngoài.
Nhà giàu chẳng luận chi tài,
Kẻ nghèo đàn cuộc kéo nài bất nhân,
3155- Làm chi mang tiếng bất nhân,
Để cho quỷ giận thần hờn khắp nơi,
Làm chi ác nghiệp thấu trời,
Đạo y cũng mắc tiếng đời chê bai.
Vậy tha buôn bán cầu tài,

3160-Tính lời tính vốn theo loài làm ăn.
Đong lưng, cân thiếu lạng nhăng,
Đời còn ít oán mấy thằng con buôn,
Tham lam là thói con buôn,
Chưa làm vượt phép, lòng tuồng hại dân.
3165-Huống chi thầy thuốc cứu dân,
Sao đành tham của, lột trần người ta.
Đời kêu ăn cướp gian tà,
Ai dè thầy thuốc quá cha giặc mùa.
Gây nên nhân quả một tua,
3170- Tội mầy làm bậy tính đùa về đầu.
Âm hồn oan uổng bấy lâu,
Lệnh cho sách mạng kéo đầu nó ra,
Kim châm lửa đốt nát da,
Có vay có trả kêu la lẽ nào.

3175- Phán rằng : Còn lão tam sao,
Dám đem thuốc bắc trộn vào thuốc nam.
Thầy chi sách vở lam nham,
Nửa nam nửa bắc, lại làm chia hai.
Vả xưa **Bản thảo** nhiều loài,
3180- Hơn nghìn vị thuốc, thang bài rõ biên,
Trải đời vua thánh tôi hiền,
Dọn in kinh sách, rộng truyền nghiệp y.
Sau rồi còn sách **Bổ dĩ**,
Theo trong xâm vá, thiếu đi phương nào,
3185- Nay mầy sao dám cầu cao,
Thuốc kiêm nam bắc, bán rao tiếng kỳ,
Chẳng qua một đĩa tục y,
Học đòi nếm thuốc, muốn bì thánh nhân,

Cũng chưa phải bậc nho trâm,
3190- Dây xưa chỗ sót, làm tân thư truyền.
Đọt tre gạo lứt hốt liền,
Lá cây Đoan ngo ấy chuyên trị gì.
Vị nam vị bắc loạn bì,
N như vậy cũng tiếng thế y thuốc lành,
3195- Làm chi đến nỗi chịu hình,
Đầu đuôi chớ dấu, thật tình cung ra.

Tam rằng : Tôi sớm khoản cha,
Thấy nghề làm thuốc trong nhà có ông,
Ông tôi kinh sử ít thông,
3200- Quen theo cây núi, nghề rông thuốc nam.
Đời ông mặc ý ông làm,
Đến tôi mới cải thuốc nam nửa phần,
Để xem thuốc bắc nửa phần,
Hốt cho lớn gói, bệnh nhân phỉ nguyên.
3205- Cũng vì thuốc bắc mắc tiền,
Hốt theo cân lượng người phiên nhỏ thang,
Bởi người tham thuốc lớn thang,
Vậy nên tôi phải mượn đàng mỏng năm.
Nghe cây lá bữa mỏng năm,
3210- Chúng đều bẻ uống, nào làm hại gì.
Đọt tre, gạo lứt phạm chi,
Thuở ông tôi, hốt thang gì không gia,

Phán rằng : Thằng miệng lưỡi già,
Cả gan làm hại người ta níu vầy.

3215- Mông năm cây lá rằng hay,
 Máy pho sách thuốc xưa nay làm gì.
 Thuốc nam mây biết tính chi,
 Đắng cay chua ngọt, vị đi kinh nào?
 Chữ rằng phản, úy, ồ sao,
 3220- Nửa nam, nửa bắc, trộn vào chẳng lo.
 Người đau hoặc loạn gân co,
 Đọt tre, gạo lứt, hốt cho còn gì.
 Trước ông mây đã ngu si,
 Túng ăn làm bậy, dám khi đến trời.
 3225- Nay mây còn ý ba đời,
 Noi theo nghiệp báo quấy vời quấy thêm.
 Quân thần tá sớ lỗi niêm,
 Sao rằng hốt thuốc, thuốc Xiêm, thuốc Lào ?
 Dám đem cây lá tầm phào,
 3230- Mười tiền một gói, ngỏ trao đành lòng.
 Vậy thà theo gốc nghề nông,
 Săn vườn, săn ruộng của ông cha mây.
 Mặc tình cấy lúa, trồng cây,
 Làm ăn theo thửa, khỏi gây oan cừ.
 3235- Nay mây gây những oan cừ.
 Có ăn có chịu, còn cừ hận gì?
 Lệnh truyền lấy phép âm trì,
 Quay chân, vả miệng, trả khi già hàm.
 Oan hồn nửa bắc nửa nam,
 3240- Cho theo đòi miệng, roi hàm đánh pha.

Phán rằng : Dẫn lão Pháp ra,
 Mây làm thầy pháp trừ tà bấy lâu.
 Chớ nào binh tướng đi đâu,

Đề bày oan quỷ theo hầu lao xao.
3245- Phép làm chuyên chữa đường nào,
Âm hồn đến cửa chào rào kêu oan.
Cớ sao lại hốt thuốc ngang,
Lời cung cho thật, khỏi mang khổ hình.

Phán rằng : Đã tới tụng đình,
3250- Lẽ nào dám giấu thần linh soi lòng.

Tôi nhờ đạo sĩ một ông,
Truyền cho quyển sách thần thông trừ tà.
Dạy tôi đọc phép giáo khoa.
Về cờ lập trận, mở ra cuộc đàn.
3255- Đánh chiêng, gióng trống rền rang,
Sai đồng, luyện tướng, lên đàn đại hô.
Ấn năm phương có vẽ bùa,
Bắt hai tay ấn phép đùa yêu ma.
Bệnh ai mắc vị các bà,
3260- Phép ngồi guom tréo, mặc va kéo quần,
Bệnh ai dái dưới lê sưng,
Phép đi hỏa thán, lửa hừng chân chuyên.
Bệnh nào thắng Bồ làm điên,
Phép dùng cung tiễn, dây huyền, chữa cho.
3265- Bệnh nào mắc nghiệt vong cô,
Phép làm nịch thủy, bó xô sông đầm.
Bệnh nào tính quái trúng nhảm,
Phép dùng linh kiếm chém bằm thân mê.
Phép làm vượt vức, vượt lề,

3270- Cúng sao, cúng hạn, bộn bề thiếu chi.

Thật tình tôi chẳng học y,

Nhân đau bệnh rét, mới đi cầu thầy,

Xin toa thuốc rét các thầy.

Uống lành, sau mới cho lây cứu người.

3275- Ai đau chúng rét đến vời,

Trước tôi chuyên chữa, sau thời hốt cho,

Cứ thang Tiệt ngược hốt dò,

Có nơi uống khá, cũng cho tiếng đồn.

Phán rằng : Đạo sĩ một môn,

3280- Từ ông Lão tử đạo tôn mở đầu.

Tiên bay biến hóa chúc màu,

Thuốc đan, bùa lục, xua cầu cũng linh.

Đến sau đạo sĩ trộm danh,

Lánh đời vào núi, tu hành mình riêng.

3285- Học đòi luyện phép thần tiên,

Dối trời dối đất, đảo điên việc người,

Kẻ ra tên biết mấy mươi,

Hán thời Trương Bảo ba người tướng quân.

Đua nhau làm giặc hoàng cân,

3290- Tướng rom binh đậu, rần rần kéo đi.

Nguy thời có Khấu Khiêm Chi,

Dời non trở biển phép kỳ kinh nhân.

Đường thời có Triệu Quy Chân,

Kêu mưa, hú gió, bùa thần trong tay.

3295- Ấy đều đạo sĩ chúc hay,

Đòi nào suy yếu, chẳng may gặp chàng.

Gặp chàng ở nước, nước loạn,

Ở nhà, nhà bại, rõ ràng sách ghi,

Nay mày tay ấn cao chi,
 3300- Xưng làm thầy pháp, liền đi trừ tà !
 Đít ngồi gươm tréo máu ra,
 Chân đi hỏa thán, cháy da xèo xèo.
 Phép làm bó giác cheo leo,
 Tà đầu chẳng thấy, thêm nghèo bệnh dân.
 3305- Trống chiêng tung rục tiếng rân,
 Rán hơi hò hét lời gân cổ mày,
 Yêu tinh nào sợ phép mày,
 Bày ra rộ đám, nhóm bày giỡn chơi.
 Tử sinh có số ở trời,
 3310- Vượt lễ, vượt vức, thói đời làm điên.
 Thánh rằng : "Hoạch tội vu thiên",
 Sao gì cứu đặng, mà nguyên cớng sao?
 Làm chi những việc tầm phào,
 Đã hư phong hóa, lại hao tiền tài.
 3315- Vậy mà nuôi sức hơi trai,
 Bách công kỹ nghệ, theo tài làm ăn.
 Dù làm một thợ bện đăng,
 Còn hơn thầy pháp lãng nhãng khuấy đời.
 Mạng dân nào phải trái chơi,
 3320- Dám đem thuốc thử bệnh vời thêm đau.
 Rét thời có mới, có lâu,
 Có hư, có thực, há cầu một phương.
 Sách rằng: hàn, nhiệt, ôn, lượng,
 Bổ, hòa, công, tán nhiều đường khác nhau,
 3325- Y thời dò dặt trước sau,
 Vọng, vấn, vấn, thiết rồi đầu thuốc thang,
 Biết sao mày dám hốt ngang,
 Một phương Tiệt ngược khoe khoang đủ rồi ?
 Đạo y chẳng biết thời thôi,

3330- Ai theo bắt tội mà giòi quấy chi.
Mây đà quen thói khinh khi,
Nhảy vòng quả báo phép gì trở ra.
Truyền cho lũ nợ oan gia,
Nắm đầu đòi mạng, kéo ra đánh nhàu.

3335- Phán rằng : Còn lão sãi đầu,
Xin làm thầy giải bệnh đau cho người.
Dương gian giải đặng mấy mươi,
Sao không âm đức lại vời oan gia.
Sao rằng giải cứu bệnh tà,
3340- Thật tình mây phải cung ra đuôi đầu,

Giải rằng : Tôi đã cạo đầu,
Theo làm tôi Phật lẽ đâu chẳng lành.
Hôm mai niệm kệ đọc kinh,
Xin nhờ phép Phật độ mình chúng sinh.
3345- Phép tôi giải cứu bệnh tình,
Chẳng nhờ được tính, thang danh làm gì.
Vẽ bùa hòa nước uống đi,
Tro hương, vàng bạc, kinh y cũng lành.
Thuốc này cây trái, cỏ tranh,
3350- Lấy cho bệnh uống, lòng thành cũng hay,
Đám lung, vỏ trăn bằng nay,
Giải cho trăm bệnh, nhờ tay Phật truyền.
Bệnh nào ăn uống dương yên,
Ông nòi thâm, hết sức ghiền thời thôi,
3355- Mặc tình ai chịu phép tôi,

Ít nhiều lễ vật cúng rồi quy y,
Nam-mô hai chữ từ bi,
Cứu trong bản đạo, hại chi ai mà.
Nay sao còn nợ oan gia,
3360- E khi kiếp trước phúc nhà ít chẳng ?

Phán rằng : Mày thật ác tăng,
Bán rao tiếng Phật, kiếm ăn bày lời.
Đã không phương pháp giúp đời,
Lại làm ác nghiệp, dối trời cao xa.
3365- Sách nào trị bệnh người ta,
Nước hòa tro giấy, gọi là thuốc linh,
Phép nào vỗ, đấm, đập hình,
Khiến người tật bệnh trong mình thêm đau.
Vốn lòng mày giải nhang dầu,
3370- Giải trà, giải sáp, giải cầu của dân.
Giải chi mà rất ngứa thân,
Bướu đeo còn bướu, phong sản còn phong,
Phật đâu có phép bắt thông,
Đổ thừa cho Phật, mông lung người đời,
3375- Vả xưa họ Thích ra đời,
Gọi rằng Bồ Tát gốc nơi làm lành.
Dù ai có bụng tu thành,
"Ba-la" hai chữ, độ mình phương tây.
Từ đời Đông Hán đến nay,
3380- Phật vào Trung Quốc bời bời chẳng an.
Bày ra ba cảnh, sáu đàn,
Nhà chay nhà thí, nhộn nhàng tăng ni.
Nghênh ngang hòa thượng, pháp sư,
Đua nhau làm phép Mâu-ni tung bưng.

3385- Có danh như Phật Đồ Trùng,
 Áng sen rửa ruột, chết chung về hồn.
 Có danh như họ Sa Môn,
 Chặt tay đúc Phật, tiếng đồn luống xa,
 Có danh như họ Cru-ma,
 3390- Nuốt châm chữa bệnh, yêu tà sợ răn.
 Giảng kinh như kẻ cao tăng,
 Hoa trời bay xuống, đá ung điểm đầu.
 Cám thương Tiêu Diễm công tu,
 Bỏ mình ba thứ, theo cầu Thích ca.
 3395- Đãi thành xin Mật Hằng Hà,
 Nào hay đạo Phật ấy là không không.
 Đạt Ma gậy lách qua sông,
 Bảy mươi hai cảnh chùa đông sãi đầy.
 Đạt Ma chiếc dép về Tây,
 3400- Chúa Lương mất nước, biết thầy đâu ôi !
 Mục Liên tu đã thành rồi,
 Sao không rước mẹ lên ngôi toà sen.
 Để chi đến nỗi thân hèn,
 Ăn mây ngục quý mới men đi tìm,
 3405- Ai rằng đạo Phật vớt chìm,
 Mấy người sa đắm khôn tìm Như Lai.
 Dường qua Thiên Trúc chông gai,
 Người trong biển khổ trông ai độ mình.
 Hỡi ôi bấy đại tham sinh,
 3410- Nghe lời sãi dụ quên mình làm dân.
 Đạo người hai chữ quân thân,
 Quân thân chẳng biết, còn luân lý gì,
 Nay mây mượn tiếng A-di,
 Cạo đầu đổi phục, làm kỳ hoặc nhân.
 3415- Mang câu "vô phụ, vô quân",

Tội mày chẳng giải, giải phần tội ai.
Vậy thà theo chữ "hóa trai",
Nhờ người bố thí, hôm mai nuôi lòng,
Đừng mơ sức tượng, sức long,
3420- Khoe khoang phép Phật hại lòng dân ta.
Dù cho Phật tổ lại ra,
Chấp tay ngồi đó, nước nhà nhờ chi.
Huống mày giả dạng tu Trì
Gạt người lấy của, âm ty biên đầy,
3425- Lệnh truyền dây sắt treo cây,
Đánh cho vắng thịt, coi mày giải sao,
Đánh rồi địa ngục đem giao,
Diêm La nghĩ xử bậc nào tội cai.
Đáng cho thằng sãi đầu thai,
3430- Kiếp heo, kiếp chó, theo loài mọi xa.

Xây nghe trống điểm canh ba,
Phán quan thông thả, án tra vừa rồi.
Quân hầu bẩm việc đầu hồi,
Bắt hai người khách, giam ngồi chờ thừa,
3435- Ngự, Tiều vào lạy trước thừa,
Phán quan chợt thấy, tình ưa vui chào,

Phán rằng : Họ Mộng, họ Bào,
Hai người cầu đạo đường nào đến đây ?
Đến đây mắt đã thấy vậy,
3440- Gắng công học thuốc, làm thầy cho tỉnh.
Đọc thư chẳng khá lênh chênh,
Một phơi, mười lạnh, dối mình biết chi,
Dùng phương gấm lại xét đi,
Chẳng nên lạo thảo một khi lấy rồi.
3445- Sao cho âm đức dài trôi,

Khỏi vòng nhân quả đền bồi thân sau,
Nhớ câu "thiện ác đáo đầu",
Phúc đền, họa trả, đâu đâu không trời.

Phán rồi trà nước cho mời,
3450- Ngư, Tiều nào dám mở hơi nói gì.

Uống trà rồi lính đem đi,
Qua nơi nhà túc, một khi nghỉ mình.
Ngư, Tiều phách khiếp, hồn kinh,
Đến nằm liền ngủ, thiên minh dậy rồi.

3455- Dậy rồi mắt thấy, hơi ôi,
Một tòa thần miếu, cảnh ngòi vắng hoe,
Bên thềm cỏ lạ le te,
Trước sân tùng bách, tàn che im lìm.

Trong liêu ba bức châu liêm,
3460- Ròng leo cột vẽ, lân tiềm vách tô.

Trước toà sen nở sáng hồ,
Hai bên non núi, đá phô hàng châu,
Trời trong gió lặng, mưa châu,
Tiếng khe suối chảy, như tàu dịp đòn.

3465- Miếu môn có tấm bảng sơn,
Chữ in "Y Quán Trạng Ngươn (nguyên) chi Từ".

Ngư, Tiều vào giữa miếu từ,
Ngưỡng xem thần tượng nghiêm như sống ngòi.
Tốt thay tướng mạo khôi khôi,

3470- Ròng châu, cộp nép, thêm dồi uy nghi.

Hai người lòng sợ kính vì,
Lâm dâm vái lạy, xin tỳ hộ tôi.

Lạy rồi vội vã bước lui,
Ra ngoài cửa miếu nhắm xuôi tìm đường.

3475- Đường đi lui tới chưa tường,

Ngó mông nào thấy người thường vắng lai.
Chim kêu, vượn hú bên tai,
Nguồn Đào vắng dấu, biết ai hỏi cùng.
Đang khi lo sợ phập phồng,
3480- May đâu lại gặp một ông bạc đầu.
Gậy lê tay chống qua cầu,

Cười rằng : hai gã đi đâu chỗ này ?
Xóm ta ở cũng gần đây,
Hai người lần tới ngõ này, theo ta !

3485- Ngư, Tiều mừng gặp lão già,
Vội vàng theo gót về nhà hỏi thăm.
Đi vừa vài dặm tắm tắm,
Chó chu, gà gáy, tiếng tắm đông đầy,
Lãng xãng kẻ cuốc, người cày,
3490- Vườn dâu, đám ruộng, cùi đây làm ăn.
Ngư, Tiều đều thấy than rằng :
Bàn phong thói cũ, nay bằng còn đây,
Đến nhà lão trượng tiệc vậy,
Đãi nhau cơm, rượu, lối này hết lo.
3495- Ba người ăn uống say no,
Cùng nhau han hỏi chuyện trò một giây,

Ngư rằng : Đi lạc đến đây,
Chưa hay châu huyện đất này gọi chi.
Trong non có miếu tổ y,
3500- Đòi nào sùng phụng, cất chi xa đường ?

Lão rằng : Ta thuở Đại Đường,
Cháu ông Cung tử ở làng Thanh Cao.
Từ năm chạy giặc Hoàng sào,
Mới đem làng xóm dời vào cõi đây.
3505- Vừa ngoài bảy chục năm nay,
U Châu lại bỏ đất này Liêu xâm.
Đời còn nhớ đức Vân Lâm,
Nhóm nhau lập miếu, thờ thần trong non.
Bốn mùa hương hỏa vuông tròn,
3510- Khỏi nơi gió bụi, thật còn anh linh.
Tổ ta hiển thánh rất linh,
Ứng cho điềm mộng sự tình đêm nay.
Dạy ta kịp buổi sáng ngày,
Vào non chỉ dẫn hai thầy đường ra.
3515- Thần linh bằng chẳng mách ta,
Hai thầy đi, bị hùm đà ăn thây.

Ngư, Tiều nghe chuyện đêm nay,
Ngó nhau sáng sốt như ngậy một hồi.
Bèn đem việc thấy đầu đuôi,
3520- Nói cùng lão trượng, ngùi ngùi thở than.

Lão rằng: Hai chữ "oan oan",
Một vay một trả, người mang nợ đời.
Đạo y xen giúp công trời,
Hay là quốc thủ, dở vời họa môn.
3525- Các thầy học thuốc sồn sồn,
Hại người sao khỏi âm hồn theo sau,
Dụng y chẳng những họa sâu,
Đến thầy địa lý, phải âu lành nghề.
Thanh Ô xưa có sách đề,
3530- Phép đi coi đất, lành nghề kham dư.

Học nay gọi tiếng địa sư,
Nhìn sai phương hướng, làm hư tộc người.
Lỗi y hại một mạng người,
Lỗi thầy âm táng, chết tươi một dòng.
3535- Cho hay phong thủy rông rông,
Trộn gậy nghiệp báo, lại đông âm hồn,
Hồi ôi nghề nghiệp khéo khôn,
Chớ tham của lợi, để dồn nợ oan,
Nghề nào nghiệp nấy buộc ràng,
3540- Gặp cơn vận thịnh, khuyên chàng ngó sau,
Có câu phúc tội theo sau,
Lẽ trời báo ứng, chẳng mau cũng chầy.
Một lời vàng ngọc lão này.
Đình ninh gửi nói các thầy tục y.
3545- Chữ "hành" xét lại chữ "tri".
Biết thời làm biết, chớ khi quý thân.

Ngư, Tiều từ biệt lão nhân,
Hỏi thăm đường sá, lần lần ra đi.

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiều Y thuật Vấn Đáp

Trang 10

U Châu từ ấy ra đi,
3550- Xông pha trời hạ, đang khi nắng nóng.
Đi gần đến phủ Minh Công.
Mặt trời xé mát, ngó mông xa chùng.
Trợn ngày đi đã mỏi chân,
Ghé vào xóm quán vừa chùng nghỉ ngơi,
3555- Thấy quân phủ dẫn một người,
Mang xiềng rộn rã vào nơi quán này.
Ngư, Tiều hỏi tội sao vậy?
Phủ quân đều nói là thầy thuốc cao.

Ngư rằng : Người bán thuốc cao,
3560- Tội chi đến nỗi xiềng vào khổ thân.

Cao rằng: Mang tiếng sát nhân,
Án đày biên bắc, chung thân khó về.
Thói quen sinh nghiệp, từ nghề,

Cây rừng đủ đợt, hái về nấu cao.
3565- Thuốc cao là thuốc bán rao,
Người quen mua uống lẽ nào hại ai.
Bởi câu "vận kiển, thời quai",
Bệnh lành chẳng gặp, gặp loài bệnh hung.
Chẳng dè người mắc chứng phong,
3570- Thuốc cao cho uống vào lòng, chết tươi.
Nói ra non nước hồ người,
Lá cây đủ đợt giết người bao nhiêu.
Bấy lâu Cao mượn đã nhiều,
Phen này cao trả, xiềng đeo cổ đầy.
3575- Bấy lâu Cao khiến làm thầy,
Phen này Cao bỏ theo bầy tội danh.

Ngư, Tiều nghe nói giạt mình,
Nhớ đêm trong miếu, sự tình như đây.
Trạng Nguyên miếu bắt năm thầy,
3580- U Châu phân đất cách đây xa chùng.
Nay còn sót một thầy rừng,
Minh công phủ bắt lại trung án đầy,
Hồi ôi một việc làm thầy,
U minh hai chữ, khó lây lất rồi.
3585- U thời có quỷ thần soi,
Minh thời có phép nước coi đề hình.

Tiều rằng : Nghề thuốc đặng tinh,
Nào lo ràng rạc khổ hình xiềng gông.
Bởi đời nhiều kẻ bất thông,
3590- Học không chỗ gốc, riêng trông cửa rèm.
Học nho vài chữ lem nhem,
"Mân" coi ra "kiển" "lỗ" nhèm ra "ngu".
Hoặc là dở sách y thư,

Luận đầu trị đó, hốt vợ lấy tiền.
3595- Hoặc là dờ sách địa biên,
Nhắm phương coi hướng làm xiên cầu tài.
Có người vốn nghiệp sơ sai,
Đến đâu khua mỏ, khoe tài rằng hay.
Có người vốn nghiệp chẳng hay,
3600- Giả làm mặt biết lời bày chê khen.
Đua nhau trở trắng làm đen,
Hình hươu lột chó, thói quen dối đời.
Mấy thằng lão xược theo chơi,
Ví như ếch giếng, thấy trời bao nhiêu.
3605- Trộm nghề tay khéo vẽ theo,
Vẽ hùm ra chó, để treo chúng cười.
E khi gặp rượu tiên mời,
Đãi cho vài chén, xui hơi cáo bày.
Hai ta mắt đã thấy vậy,
3610- Học xin giữ gốc, làm thầy nhà ta.

Ngư rằng :Phước trước một khoa,
Tiểu nhi trăm chứng, chính tà cho tinh.
Lần lần rồi trị các kinh,
Học cho tốt lễ bệnh tình bách gia.

3615- Tiểu rằng : Triền cũng một khoa,
Phụ nhân trăm chứng, trẻ già cho xong.
Sau rồi nhóm sách các dòng,
Học cho thấy đạo, thời lòng mới an.

Hai người nằm quán luận bàn,
3620- Sáng ngày cơm nước lên đàng Minh Châu.
Ngư, Tiều từ cảnh Minh Châu,
Về nơi quê quán, đi lâu hơn ngày.
Đến nhà con vợ mừng thay,
Tính đường đi lạc ba ngày có dư.
3625- Từ đây cải nghiệp tiều, ngư
Làm qua nghề thuốc tổ sư mở lòng,
Khi nên trời cũng giúp lòng,
Bệnh giàu cho của mua ròng sách y.
Sau dù có chỗ bất tri,
3630- Cùng nhau thay đổi liền đi Đan Kỳ.
Cùng đều nhờ phép Nhân Sư,
Dọn trong phép bí nghề y gia truyền.
Phụ khoa cho gã Thê Triền,
Đàn bà trăm chứng đều chuyên trị lành.
3635- Nhi khoa cho Tử Phuộc rành,
Trị trăm chứng trẻ, hậu sinh đều nhờ.
Hai thầy ra sức công thư.
Cám ơn Đạo Dẫn, trọn nhờ Nhập Môn.
Nghề hay tiếng nổi như cồn,
3640- Trị đầu lành đó, xa đồn danh y.
Hai thầy đặt chữ nho y,
Quan yêu dân chuộng, sách ghi giúp đời,
Đến đây tuyệt bút hết lời,
Nôm na một bản để lời hậu lai.

Hết

Nguyễn Đình Chiểu

Ngư Tiêu Y thuật Vấn Đáp

Phu Luc

Lư sơn mạch phú của Nguyễn Đình Chiểu (Bệnh cơ bát yếu tổng mạch)

Tùng nghe :

Mạch lý nhiệm màu

Bệnh cơ kỳ thú

Dù muôn hình biểu hiện rối ren,

Đem bát yếu tóm thâu đầy đủ.

Xem mạch tượng Phù trầm để phân biệt biểu lý; có lực là thực, không lực là hư;

Đếm nhịp đi trì sắc để biết nhiệt hàn; dương chứng thì to, âm chứng thì nhỏ.

Mạch sắc đáng đi ngưng trệ, hãn tinh thương huyết kém chi đây

Mạch hoạt nhịp chạy trơn tru, chắc khí động đàm sinh chính đó.

Loại mạch dương : phù đại hoạt sắc, phải nén dương để bảo trợ cho âm;

Loại mạch âm : sắc tiểu trầm trì, nên chế hàn để bổ ích cho hỏa.

Mạch ba bộ thấy đều phù đại mà kiêm sắc : chứng trùng dương chí loạn cuồng;

Mạch sáu bộ thấy đều trầm tiểu lại kiêm trì : chứng trùng âm chân tay lạnh giá.

Ngôi dương thấy âm mạch biểu lộ, đó là âm lấn tới dương cơ;

Ngôi âm mà dương mạch hiện hình, chính là dương tràn vào âm sở.

Mạch trầm tiểu : tổn thương vì thấp; trì : hàn, sắc : nhiệt, phải phân chia.

Mạch phù đại : cảm mạo vì phong ; sắc : huyết, hoạt : đàm, nên hiểu rõ.

Nơi Khí khẩu mạch phô trường đại : nội thương khí huyết hư hao.

Chôn Nhân nghênh mạch mạnh khác thường : ngoài là bì phu cảm thụ.

Hàn thì ôn, nhiệt phải dùng lương ;

Thực thì tả, hư thì phải bổ.
 Muốn tường mệnh sống thác ra sao,
 Phải biết mạch thực hư cho tỏ ;
 Phàm bệnh nhiệt mà mạch trì kiêm tiểu : mệnh khôn thoát khỏi ; đến chứng phát cuồng,
 ung độc cũng đáng hãi hùng.
 Các chứng hàn mà mạch trầm kiêm sắc : bệnh chẳng hề lo; dù tả lý lậu băng thủy đều
 thanh thả.
 Bệnh đã lâu, phù đại đáng ngờ ;
 Bệnh mới mắc, liễu trầm nên sợ.
 Trước khi đề mạch nên hoạt đại ; nhược bằng sắc tiểu chẳng hay.
 Sau khi sinh mạch cốt tiểu trầm ; nếu thấy hồng đại là dở.
 Người trai tráng phải cần hoạt đại, nếu sắc liễu mệnh chẳng lâu dài,
 Cụ già nua đáng lẽ tiểu trầm, nếu phù đại thọ gần hết số.
 Tiết xuân hạ khí dương đương thịnh, mạch nên hồng đại, mà liễu trầm chính thực suy
 đòi,
 Mùa thu đông khí âm dương sinh, mạch phải liễu trầm thấy hoạt đại mắc vào bệnh khô
 Chứng sống thì thời với mạch thuận xuôi,
 Chứng chết thì mạch với thời trái trở.
 Chứng ngất bởi do đàm uất, mạch ba bộ tuy rằng ngừng tuyệt, có thể hồi sinh,
 Người gầy da thịt róc khô, mạch sáu bộ dẫu có điều hoà, không hồng cứu gỡ.
 Mạch hiện lo là tà thịnh bệnh tiến : cghứng tích tụ mạch này chẳng ngại, chứng hư lao thì
 mạch ấy chẳng lành.
 Mạch đập nhỏ là khí yếu dương suy ; chứng hư tổn mạch đó thì lạnh, chứng tích tụ mạch
 này thì dữ.
 Sắc với mạch thuận chiều, chính thực điềm vui,
 Sắc với mạch trái đường, đó là chuyện dở.
 Ngoài phù sắc mà trong rỗng tuếch : âm lìa dương thoát dè chừng.
 Thốn trầm trì mà xích tuyệt không : âm thoát dương cò biểu lộ,
 Tiết xuân mộc khí can dương thịnh, hồng hoạt thì tốt, đòa sắc không hay.
 Buổi thu kim khí phế hợp thời, nhỏ nhẹ thì ưa, đại hồng chẳng khá.
 Hạ : thuộc hỏa ứng vào tâm mạch, ghét nhỏ chìm mà thích đại phù.

Đông : hành thủy hợp với thận kinh, ghét hoạt đại mà ưa chìm nhỏ.
 Mạch hoãn đại hợp vào tứ quý, hoạt trường là mạch trái mùa;
 Mạch vượng sinh ứng với ngũ hành, thừa khắc là điều chẳng thú.
 Khi trì khi sắc là mạch quý yêu;
 Lúc đoản lúc trường chính dòng ma cơ.
 Cơ nguy dương thoát ; mạch thốn chẳng còn ;
 Điềm dữ âm vong : mạch xích không có.
 Quá trì hay quá sắc : mạch hà du, ốc lậu đều thuộc chứng nguy
 Quá hoạt hoặc quá nhanh : mạch tước trác, dừng tuyền cũng loài bệnhkhó.
 Mạch tượng dù trì sắc hay đại tiểu, nhưng không thái quá hay bất cập là vị khí hỷ còn ;
 Mạch tượng mà êm ái lại điều hòa, nếu không quá phù hay quá trầm là mạch bình chóng
 đỡ.
 Phải xem có lực hay không ?
 Nên xét còn thần chẳng chớ !
 Mạch và bệnh hợp tình, bệnh dù nguy nhưng chữa dễ dàng
 Chứng với mạch trái chiều, chứng đầu dễ khó bề xoayở.
 Hướn Nam Bắc năm n2o không ứng, nên xét cho tường;
 Người béo gầy mạch hợp phù trầm, phải phân cho tỏ.
 Bát yếu đã rành,
 Muôn bệnh đều rõ.
 Chứng âm tuyệt chết ở buổi thu đông,
 Chứng dương tuyệt chết ở mùa xuân hạ.
 Dương tuyệt thì ban ngày tiêu vong,
 Âm tuyệt thì ban đêm tàn tạ.
 Thăng giáng chẳng đều, âm dương lìa thoát : chỉ trong một tháng qua đời,
 Đập ngừng có mức, nhịp độ rõ ràng : sẽ hưởng trăm năm tuổi thọ.
 Đã phù đại lại còn quá sắc : loại độc dương rất phải đề phòng;
 Đã tiểu trầm mà lại quá trí : chứng có âm liệu mà lo giữ.
 Năm đáng ứng, mạch không tương ứng : tạng bị suy mà dương khí hư hao.
 Nhịp chẳng rành, mạch chạy lì lỳ : huyết bị hàn nên dương khí ngưng tụ,
 Phép mấu chốt do lòng lĩnh hội, hợp thâm chủ khách đôi đường,

Ồc quán thông lưu ý xét suy, rành mạch chính tà mọi chỗ.
Sáu bộ mạch thấy đều rất sắc, có nhịp ngừng là hàn khí triền miên.
Ba bộ mạch tuy thấy rất trì, có nhịp động là nhiệt là rục rờ
Danh tuy chia gọi tám đường,
thực cũng quy về một ngã.
Lẽ thực hư thông hiểu đã tinh vi,
Cơ sinh tử quyết đoán không nghị ngờ.

Người sưu tầm nguyên bản bằng chữ Hán :

Nguyễn Trung Hòa

Người dịch : Nguyễn văn Bách